

Hồi Ký

Quảng mình vào chốn thiền môn

Hồi Ký

Quăng đời mình
vào chón thiên môn

“cho con đi tu nghen má?”

Tác giả Thiện Bảo

Mục lục

Đầu biết bến bờ còn xa lắc.....	9
Gia đình không yên ấm.....	15
Con có nhớ ba không?	23
Má soi cho anh em tôi rẽ đường về.....	29
Thương vậy mà chẳng biết làm gì	33
An Hòa Tự - Chùa Bửu Thọ.....	41
Cho con đi tu nghe má.....	49
Chùa Phổ Minh - duyên lành.....	63
Nhớ má nhớ chùa làng quê	73
Thực tế trần trụi	77
Thương con không nói thành lời	91
Thầy Bốn sư - hội ngộ & biệt ly.....	95
Niệm Phật đường Huệ Quang	99
Duyên kỳ diệu của má	105

Niệm Phật đường Nguyễn Hương	107
Sóng gió thế gian	113
Gió thoảng mây bay	127
Tuổi trẻ loay hoay & tràn đầy nhiệt huyết	131
Mà đang đứng xa xa sau tháp chuông chùa.....	139
Những kỷ niệm khó quên	141
Minh tới chùa mà còn để bụng giận hờn làm chi	151
Phát chùng lúng duyên khởi	155
Tôi làm công quả ở chùa nguyên hương.....	161
Chỉ biết lao vào công việc ở đầu đầu.....	165
Biết bao ân tình & tổn thương sâu	175
Con cảm ơn má nhiều lắm.....	181
Má hít thở cùng bầu không khí với người tu.....	185
Đồng đạo.....	189

Lời nói đầu

 Tôi sinh ra vào mùa gặt, cũng là mùa nước lũ. Người dân quê tôi dầm mình trong nước để gặt lúa chạy mưa với ông trời. Nước ngập trắng đồng và nước tràn vô nhà...

Ba tôi phải kết bè chuối lấy chỗ đặt để thau than hong cho má con tôi. Quê tôi vùng sông nước có nhiều đứa nhỏ vừa mở mắt chào đời đã gặp ngay lũ lụt như điểm báo trước cuộc đời vất vả nổi trôi...

Nhưng tôi may mắn được gặp ánh sáng Phật Pháp soi đường nên vất vả thế gian chuyển hóa thành những bài học giúp tôi mỗi ngày thêm vững vàng trên bước đường tu.

Và may mắn nữa là tôi có má...

Đâu biết bến bờ còn xa lắc

 Tuổi thơ tôi nhớ nhất hình ảnh quen thuộc của má khi đi về. Trời nắng nóng, vừa đặt thúng và thau đựng bắp đã bán hết xuống nền đất, má cũng ngồi bệt xuống, tháo cái khăn rằn vắt vai và cời nón ra quạt quạt, lưng áo ngực áo má từng bệt đậm nhạt vì ướt mồ hôi, tay kia má gạt mớ tóc điểm bạc bên thái dương, rồi má xổ tóc ra bới lại, nhả miếng trầu nhai đã khô trong miệng rồi múc gạo nước trong lu uống một hơi... Trời mưa mới là cực, má đặt cái thúng xuống thêm rồi cời tấm áo nylon ướt đầm đìa, cái khăn rằn màu đỏ đội đầu hằng ngày của má cũng bạc màu theo năm tháng từ ngày nắng qua ngày mưa, má múc nước trong lu dội hai bàn chân đầy sinh bùn, má vắt hai ống quần nước nhỏ giọt long tong, khước miệng má lem vệt trầu...

Nhưng có một lần má khác hẳn, xinh đẹp tuyệt vời, đó là ngày đám cưới anh Hai. Cổng Tân Hòn kết lá dừa

xanh uốn thành hình trái tim điểm xuyết những trái cau non, hai bên gắn những bông hoa làm từ lá dừa vàng, trên cao gắn mấy chùm đuông đình buông rủ như chuỗi ngọc. Má mặc áo dài thướt tha và mái tóc quấn ôm quanh khuôn mặt tươi tắn, đôi bông tai vàng lấp lánh... Má đi qua đi lại cổng Tần Hôn đón chào khách.

Nào đâu nhan sắc hiếm khi được trau chuốt, chỉ được lóe lên một lần trong ngày vui của anh Hai lại khiến má khổ sở suốt tháng năm dài sau đó. Ba tôi sanh tật ghen tuông không ngờ. Khi rước dâu trên chiếc võ lải có mui, má tôi ngồi gần một người đàn ông bên hàng gái, ba tôi tỏ vẻ khó chịu khi nhìn thấy má tôi ngồi bên cạnh người đàn ông này. Vừa rước dâu vào nhà xong ba tôi đã nói sao bà không ngồi sát với thằng cha đó thêm chút nữa. Ngày vui của con mà cũng là ngày buồn của má vì chồng phát bệnh ghen tuông!

Người đàn bà nông thôn chân lấm tay bùn, chật chiu nuôi con lớn lên mong ngóng tin con mình, đến lúc dựng vợ gả chồng cho con mới dám thở một hơi nhẹ coi như mình đã tròn bổn phận và lấy đó làm vui. Ngày vui của anh Hai cũng là ngày vui của lòng má, và là ngày để má trình với nội ngoại hai bên là mình đã được một đứa con tới bến bờ, hành trình làm cha làm mẹ tới khúc này đây cũng gọi là đến đích được rồi.

Người đàn bà dài nắng dầm mưa thường ngày cảm cúi sau lưng ba, lúc này đây xinh tươi rạng rỡ đón đả chào mời khách khứa tới mừng dự đám cưới con trai đầu lòng của mình. Miệng má nhuộm đỏ trầu cay hân hoan đáp lời chúc tụng, má ngồi xuống cạnh người này để đối đáp dăm ba câu chào mời, ngồi xuống cạnh người kia để hỏi han vài ba câu thân tình, dạ cảm ơn anh cảm ơn chị cảm ơn bà con cô bác...

Sau đám cưới anh Hai, ba tôi vẫn bực dọc với má tôi, vợ chồng bắt đầu lời qua tiếng lại. Má tôi nói đây là lần đầu tiên ba tôi ghen! Có lẽ ông bắt đầu sanh tật.

Má vẫn là người đàn bà lam lũ cảm cúi vì chồng vì con, mà ba thì không thôi cần đấng.

* * *

Má hiền lành nên vợ anh Hai làm dâu không phải khóc thấm, hai người đàn bà trong nhà rất hòa thuận. Mùa thu hoạch, nhà tôi thuê cả chục người làm công, không riêng đàn bà mà cả đàn ông ai ai cũng nhìn cách má ăn ở mà khen chị dâu có phúc, họ kể chuyện mẹ chồng nàng dâu ở xóm của họ kinh cãi nhieć móc ra sao, sau lưng người này nói xấu người kia, sau lưng người kia nói xấu người nọ. Ai ai cũng khen má tôi là bà má chồng hiếm có. Có lẽ khi về làm dâu bà nội,

cánh mẹ chồng nàng dâu đã làm má tôi thấm thía và sự chịu đựng những hà khắc của bà nội khiến má tôi cảm thông với đứa con dâu của mình.

Đùng một cái, đứa con nhỏ còn đang còn ẵm trên tay thì chị dâu bế con bỏ đi không nói năng gì. Bao câu khen ngợi má chồng hiền hòa nhân hậu bấy lâu nay hóa thành lời oan nghiệt. Làng xóm từ hồi nào giờ thấy má chồng con dâu thuận thảo cùng xuống ruộng cấy lúa, cùng gánh rơm cùng tát cá cùng xúc tép... Thốt lời khen nhà người ta yên ấm mà lòng dạ thì ganh tỵ nên khi chị dâu tôi bỏ đi thành dịp cho họ lời ong tiếng ve ra vào đàm tiếu. Má ngậm nỗi đắng cay, mẹ chồng thương con dâu đến mấy cũng là không đủ. Gặng hỏi, anh Hai lý lẽ lung tung, và mãi mãi má không hiểu con trai của mình đã làm gì mà nên nổi chia lìa.

Má đã tưởng đưa con mình tới bến bờ mà dâu biết bến bờ còn xa lắc.

Khổ tâm vì chồng ghen tuông, khổ tâm vì vợ chồng con trai đổ vỡ, tưởng má sợ gánh nặng chồng con lắm rồi nào ngờ một ngày kia đi chợ Rạch Giá má gặp người phụ nữ nọ ôm đứa bé gái mới bảy ngày tuổi than thở nghèo khổ quá không nuôi nổi con, má động lòng thương bèn xin nhận em bé coi như con của mình.

Má đưa em bé về nhà còn quấn kín trong khăn lông tã lót chưa nhìn thấy gái trai, ba tuyên bố "Là con trai thì tôi nuôi, con gái thì mẹ con bà muốn làm gì thì làm." Mặc kệ ai đòi phân biệt gái trai, má sai chị Ba giữ em để má đi mua sữa. Lại nuôi con mọn đêm hôm thức giấc vất vả trăm bề...

Má đặt tên em bé là Thành, cùng vẫn với tên tôi là Khánh do ông ngoại đặt.

Gia đình không yên ản

 Trường làng quê là một ngôi nhà lá. Một mình cô giáo Thể dạy từ lớp năm tới lớp nhứt. Khi tôi bắt đầu đi học thì lớp năm có được hai chục đứa ngồi ở bốn bàn đầu, mấy bàn kế tiếp là của lớp bốn, lớp ba. Lớp nhì ngồi hai bàn gần cuối và lớp nhứt là hai bàn cuối cùng. Sau này tôi mới biết càng lên cao thì học trò rụng rơi dần. Vùng nông thôn thời đó hiếm có gia đình nào nuôi con ăn học cho đến hết lớp nhứt bởi vì người dân quê tôi quan niệm “học không ra cơm ra gạo” nên cho con đi học tới biết đọc biết viết là nghỉ, ra ruộng đồng phụ cha mẹ làm lụng. Vậy nên tính ra cả xã, gia đình nào mà có con học hết đệ nhị (lớp 11) và đệ nhất (lớp 12) chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Ba tôi rất cứng tôi, cho đi học sợ bị các bạn ăn hiếp nên khi tôi tám tuổi mới gởi tới cô giáo Thể trường làng. Hàng ngày có lúc ba đưa tôi đi bằng xuống có lúc

ba công tôi trên vai lội qua những con rạch có cây cầu tre bắc ngang.

Ngày đầu tiên đi học tôi được ba cho mặc bộ đồ mới, áo trắng và quần kaki xanh, đầu đội mũ lưỡi trai, cái cặp mới màu đen và hai quyển vở năm mươi trang cùng cây viết chì, chân đi đôi dép quai màu xanh. Đầu tóc thì chiều qua có ông hớt tóc dạo ngang qua, ba kêu ông húi ca rê cho tôi. Chính ba đưa tôi đi học bằng xuồng ba lá. Khi gặp cô giáo ba tôi dặn dò đôi điều và nói với tôi “Con ở lại học trưa ba xuống rước.” Chưa quen lớp quen trường nên tôi rất bối ngỡ, giờ ra chơi tôi ngồi trong lớp nhìn ra sân vui nhộn trò chơi trò cò cò, tạt lon, bắn bi... Rồi tiếng trống vang một hồi, tất cả lục tục đi vào lớp.

Cô giáo Thế rất hiền, gương mặt phúc hậu và nụ cười dễ mến. Bắt đầu buổi học, cô kêu mấy đứa lớp năm nộp vở để cô viết chữ i chữ o đầy trang giấy, rồi cô phát vở lại cho học trò đồ theo. Trong khi mấy đứa lớp năm như tôi bặm miệng cầm cây bút chì tập đồ sao cho chữ đừng bị xiên xẹo thì cô Thế dạy toán cộng trừ cho lớp bốn. Rồi trong khi mấy đứa lớp bốn làm toán thì cô dạy lớp ba học bản cửu chương hay tập làm văn tả con gà... Cứ vậy, cô lần lượt dạy tới lớp nhì lớp nhứt thì quay lại chấm điểm tập viết cho lớp năm.

Tôi rất thích lớp ba vì cô dạy tả con vật nghe hay và đẹp quá. Khi hết hồi hộp căng thẳng vì đã quen với lớp học, tôi vừa tập viết chữ vừa hóng tai nghe cô dạy cách miêu tả con chó. Con chó trong bài tập làm văn lớp ba rất giống con chó Bắc nhà tôi, chỉ khác màu lông. Lông con Bắc nhà tôi màu vàng “chó phèn”, còn con chó cô dạy có bộ lông màu đen gọi là “chó mực”. Con mèo nhà tôi màu xám, khi ngủ thì nó nhắm mắt, khi nằm thu lu trước sân nhìn nó như một đồng tro bếp. Vậy mà con mèo của cô Thế dạy thì “lim dim” và “đuỗi thân hình mềm mại phơi nắng trước sân, thỉnh thoảng mở đôi mắt tròn xoe xanh biếc...” nghe thật là đẹp.

Lên lớp hai, ngồi làm bài toán cộng trừ mà lòng tôi mong ngóng tới khi mình được lên lớp ba, để tới lúc cô ra đề về con trâu thì tôi sẽ tả con trâu Pháo nhà tôi. Cả bấy trâu hơn chục con nhưng tôi rất thích con Pháo vì ngày nào tôi cũng vỗ tay lên đầu nó để nó cúi xuống rồi tôi nằm hai sừng leo lên lưng. Chiều nào tôi cũng cỡi trâu ra đồng cho nó ăn cỏ, ở thì trên trời có mây, dưới đất có cỏ xanh và mấy con mương con lạch, nhưng mà sao cô Thế miêu tả hình ảnh một thằng nhỏ cỡi trâu giữa đồng cỏ xanh dễ thương quá chừng. Cũng như ngày nào tôi cũng nhìn thấy con trâu Pháo nhưng miêu tả “lớp lông lúa thưa lộ rõ làn da đen bóng”, “hai

tai như hai cái lá to phe phẩy"... và cặp sừng thì so sánh "cong như lưỡi liềm" thì quá là hay.

Tôi thích để bài hầy tả má của em nữa. Cô Thế nói đừng có tả lung tung coi chừng lạc đề, hãy chọn lúc má làm việc gì mà em thích nhất. Tôi phân vân lắm, má làm gì tôi cũng thấy thích trừ lúc má rầy la tôi ham chơi túm tụm với tụi thằng Hòa Long với thằng Thanh, thằng Kịch, thằng Tựu ... đi đá dế, bắt cá thia lia, đánh đáo, tạt dây thun... Trời mưa không đi chơi được thì tụi tôi lượm lá dừa đem về thắt thành con cào cào, con cá rối thì xả rác đầy nhà. Tôi còn nhớ có lần cả sáu bảy đứa nghịch trò "xoay khỉ" - Lấy khăn trùm lên đầu thằng Hòa Long rồi mấy đứa còn lại đi chung quanh đọc bài Xoay Khỉ:

"Xoay khỉ...

Khỉ ngồi sông cái

Ngựa chạy đường dài

Xuất bố lô bố la

Chết cha con khỉ đột"...

Cứ đọc đi đọc lại và xoay tròn như vậy, bỗng thằng Hòa Long nhả nhả miệng và khề khề rồi phóng như khỉ rượt đuổi mấy đứa cùng chơi khiến tụi tôi một

phen khiếp vía. Để ngăn thẳng Hòa Long đừng rượt đuổi nữa, phải lấy thùng nước dội vào người nó và hậu quả là nó lăn ra bất tỉnh. Tôi bị má la cho một trận, từ đó về sau không dám chơi trò đại nư vậy nữa. Còn thẳng Hòa Long thì bị bệnh ngặt nghèo cả tháng trời mới trở lại bình thường.

Dĩ nhiên tôi thích nhất khi má đi bán ở chợ về, trời nắng trời mưa gì thì tôi cũng có quà là bánh chuối hấp nước dừa hay bánh cam..., nếu tôi chọn miêu tả má lúc đó thì có bị cô Thể la là tham ăn không? Vậy thì tôi sẽ tả khi má nấu cơm, bàn tay má làm ra những món thơm ngon.

Nhưng mà tôi không thích đề bài “Hãy tả bữa cơm mà gia đình quây quần bên nhau.” Bữa cơm nhà tôi ngày càng buồn, ba má ngồi đối diện nhau mà đẩy xa cách, nhiều khi má nhích lại gần tôi và gấp vô chén của tôi khúc cá hay múc cho tôi muỗng tép rang... rồi má cúi mặt lua cơm nhanh cho xong rồi lấy có làm công chuyện mà bưng thau áo quần đem ra bờ sông giặt giũ hay đi ra vườn nhổ khoai hay đi ra đồng mò tôm bắt cá... Càng khổ tâm má càng vui đầu vô công việc, lấy bận bịu để không phải nghĩ ngợi sầu muộn, hay là má cố gắng làm nhiều hơn để bù đắp cho việc ba bán tài sản chắt chiu tích góp bao năm? Nhưng làm sao mà

bù đắp nỗi. Người nông dân mua được vài con trâu để phục vụ kéo lúa và mảnh ruộng làm căn cơ mà ba thẳng tay bán lần hồi, từ ruộng tới trâu.

“Ngu sao để thẳng khác hưởng” câu nói của ba như dao đâm lòng má. Lớn lên, nghe kể lại đoạn đời nghiệt ngã này, tôi tự hỏi có phải vì ba đã từng trắng hoa nên suy bụng ta ra bụng người? Có thật là ba ghen tuông mù quáng hay đó chỉ là cái cớ để ba bán ruộng bán trâu lấy tiền đua đòi trường giả như trước đây ba từng ham vui ham chơi thời trai trẻ? Hay là...

Rất nhiều suy diễn trong tâm trí tôi mà chẳng rõ lý do nào là chính, hay tất cả cùng là lý do? Tôi nhớ có lần má kể đã từng âm tôi về ngoại trong nước mắt. Nhưng má chỉ âm được mỗi mình tôi đi thôi, còn anh Hai và chị Ba thì vẫn ở nhà với ba. Vậy nên chỉ được mấy bữa thì má gạt nước mắt đưa tôi trở về, để con cái của mình được có đủ mẹ cha. Vì con, người đàn bà nông thôn muốn đời vì con mà quên đi hạnh phúc bản thân mình. Vì con, mà một đời làm vợ chẳng khác nào làm kẻ hầu hạ cho người đàn ông phong kiến gia trưởng độc đoán. Vì con, mà chấp nhận hy sinh...

Ba má tôi lấy nhau từ thuở trắng tay, để có được hai chục mẫu ruộng và chục con trâu là biết bao mồ hôi

nước mắt suốt bao năm dài. Có lần má tôi kể chú Tám đã thách thức và xem thường ba tôi với câu nói “Anh về bán hết gia tài bên vợ anh cũng không mua nổi đôi trâu, đừng nói làm giàu.” Cũng từ câu nói của em mình mà ba tôi tự ái. Ba má đi làm thuê, tần tảo chặt bóps và vay mượn thêm để đủ tiền mua ruộng. Vụ mùa đầu tiên cày xới trên mảnh ruộng của chính mình, hai vợ chồng vừa làm vừa khóc vừa cười, mừng vui biết mấy. Mùa gặt đầu tiên trên ruộng của chính mình, ăn chén cơm từ hạt lúa trồng trên ruộng của mình mà nước mắt chan hòa niềm hy vọng.

Vậy mà giờ đây... Má khóc thầm và cả khóc ra nước mắt cũng không khiến ba ngừng lại. Tiêu xài hết tiền bán mẫu ruộng này thì ba bán tiếp mẫu ruộng khác.

“Ngu sao để thằng khác hưởng.”

Không ai ngờ câu nói đầy tính sát thương này báo trước điềm xấu cho chính ba. Thời đó, thấy trong người mệt mỏi khác thường thì đi xuống chợ xã tới tiệm thuốc Bắc có ông thầy lang người Hoa bắt mạch bốc thuốc. Bệnh càng dây dưa lâu thì tiền thuốc càng tăng vì thấy lang nói bệnh nặng cần thêm nhiều vị bổ dưỡng, mỗi thang thuốc ngang ngửa nửa phân vàng.

Con có nhớ Ba không?

 Ba tôi ra đi vào tháng Chạp, trùng với ngày sinh ra tôi, ngay mùa thu hoạch và cũng là mùa lũ về. Cực khổ vô cùng là gặt chạy mưa, coi như là đua với ông trời mà có người nông dân nào thắng được ông trời đâu? Nghe kể lại, tôi hỏi má, khi thất ngật đó sao nhà mình không nhờ nội ngoại hai bên giúp đỡ? Má ứa nước mắt nói, má có đi xuống chú Tám hỏi mượn tiền mua hòm cho ba vì trong nhà dù có vài chục gạ lúa vừa mới gặt xong nhưng không thể bán vì lúa gặt chạy mưa thường là xấu, chẳng ai muốn mua, để dành nhà xây ăn dần là chính. Hơn nữa, ngày tết đã cận kề, không có thương lái nào ngang qua để mà mua mua bán bán. Khi má hỏi mượn tiền thì chú Tám từ chối nói không có. Cảnh nhà thiếu trước hụt sau giữa mùa lũ, má có đến một vài người họ hàng bên ngoại hỏi mượn tiền để làm đám tang chồng, nhưng ai cũng lắc đầu “Mẹ góa con

côi lấy gì trả nợ?” Ngay cả anh ruột của má cũng thẳng thừng “Giờ tao cho bây mượn sau này lấy gì trả?” Má buồn thiu ra về đi ngang qua chợ gặp anh “Tám Thệt” là anh rể của chồng chị Ba tôi.

Anh hỏi: “thím Bảy¹” đi đâu mà sao buồn vậy?

Má tôi trình bày sự việc, anh nói thím Bảy vào nhà tôi muốn mượn bao nhiêu tôi cho mượn. Má tôi mừng phát khóc. Không họ hàng máu mủ mà người ta giúp đỡ tận tình, còn ruột thịt thì lại làm lơ. Cuộc đời thật nhiều nỗi!

Má đem số tiền mượn của anh Tám Thệt về mua hòm lo đám tang cho chồng.

Đàn bà nông thôn mất chồng khác gì nhà không có nóc, ai cũng nghĩ vậy, ngàn đời nay.

* * *

Ba mất. Anh Hai phải đi lính. Chị Ba theo chồng về Lai Vung - Sa Đéc. Nhà còn lại má và tôi cùng đứa em gái nuôi tên Thành.

Làm ruộng mỗi năm chỉ một vụ nên sau đặn thu hoạch trong mùa nước lớn lũ đỏ trong làng tôi nhà ai

¹ Về phía bên nội, do ba tôi là người con thứ bảy trong gia đình nên họ hàng phía bên nội gọi má là thím Bảy hoặc bác Bảy.

cũng khó khăn, mọi người rủ nhau đi làm thuê làm mướn ở miệt Thứ. Má thấp hương thừa với ba vì má đi xa kiếm tiền nuôi con nên không nhang khói hàng ngày được, mỗ mả lạnh lẽo xin ba đừng giận. Rồi má bơi xuống đưa tôi và em Thành cùng ông ngoại và cậu Út đi xuống Thứ Chín.

Có ông ngoại và cậu Út nên má con tôi không đến nổi đơn độc. Ban ngày, tôi ở nhà giữ em, má và ông ngoại cùng các cậu đi gặt lúa. Chiều, về tới nhà chủ thì đã tối, má dọn dẹp giặt giũ... Mỗi ngày đâu còn lạ lắm nên tôi chỉ ở nhà, sau thì quen với mấy đứa trong xóm nên tôi cùng em Thành đi chơi nhà này nhà kia. Thấy anh em tôi lạ, có người hỏi “Đứa nào đây” thì câu trả lời là “ Con cháu của mấy người tới đây làm mướn”. Mỗi đêm khi anh em tôi ngủ má tôi nằm trần trọc mãi vì cảm thấy buồn khi phải tha phương đi làm mướn. Có lúc tôi quàng tay ôm má và đựng nước mắt đầm đìa. Lúc đó tôi chưa hiểu nỗi tủi thân chạnh lòng của người từng là chủ của hai mươi mẫu ruộng đến mùa gặt kêu hàng chục người làm công cho mình, nay thì đem thân đi ở nhờ làm mướn. Phấn thương nhớ chồng, phấn thì nhìn các con ăn ngủ vất vả, má khóc. Lúc đó, tôi chỉ biết sà vào lòng ôm má.

Mùa gặt muốn qua đi, má và anh em tôi trở về nhà. Má mua cho anh em tôi quần áo mới. Việc đầu tiên là má nhổ sạch đám cỏ mọc đầy trên mộ ba rồi nấu mấy chén chè trôi nước thập hương. Má khấn vái thì thầm “Trà được một ít nợ rồi đó, mình sống khôn thác thiêng phù hộ cho má con tôi được khỏe mạnh làm ăn trả hết nợ cho người ta.” Má vừa lạy vừa chảy nước mắt, còn tôi thì chỉ mong nhang tàn nhanh để được ăn chè!

Chiều chiều, má đến thắp nhang trên mộ ba, rồi má vô nhà thắp nhang bàn thờ ba. Khi đó nhìn má kỳ lạ lắm, khóc không thành tiếng, nước mắt thì nhau trào ra rồi tuôn xuống cằm. Có khi phát hiện ra tôi đang lén nhìn, má vội lau nước mắt và ôm tôi vô lòng mà thủ thỉ “Con có nhớ ba không?”

“Có ạ!”. Tôi nhớ ba lắm. Tôi được ba cưng chiều vì là con út, đi học thì được ba đưa đón mà đi săn hay bắt rắn ba cũng dắt tôi theo. Hồi đó, anh Hai chị Ba ganh tỵ nên hay nói “Ba chiều nó quá lớn lên hư cho mà coi.” Nhưng lúc này đây, tôi nhớ ba không phải là nhớ những lúc được cưng chiều để mà nuôi tiếc...

Tôi nhớ vì khi chiều tối, căn nhà không có người đàn ông nên đầy nỗi sợ hãi... Trước đây, khi còn có ba, buổi tối, ba bơm “đèn măng xông” treo giữa nhà, ánh

sáng tỏa ra tận ngoài đường. Má thường hay làm gì đó trong bếp còn ba nằm võng trên thềm, hàng xóm ngang qua chào vọng một câu, có khi ghé vô chơi luôn thì ba mời nhâm nhi một vài chung rượu. Ba có khách tôi thừa cơ đó chạy ra đường chơi với mấy đứa con của chú Hai Tiến, chú Tư Dừa...

Nay thì trời vừa sụp tối má đã đóng cả cửa sổ. Cây “dèn măng xông” vẫn treo đó nhưng lâu rồi không được thắp sáng. Từ trong nhà nhìn qua khe, sân nhà tôi tối thui, bóng người đi ngang nhà cũng tối thui. Những đêm có trăng thì sự nửa sáng nửa tối ở những lùm cây dừa và những chỗ cành lá chập chờn càng gây nhiều nỗi tưởng tượng đáng sợ.

Tôi ngồi vô bàn học bài, em Thành ngồi cạnh bắt chước đọc theo

*“Trống trường đã điểm một hồi
Sao không đi học còn ngồi chi đây
Đến trường nghe lấy lời thầy
Học hành chăm chỉ sau này sướng thân...”*

Bỗng có tiếng động bên ngoài, em Thành nín bật và ôm chăm lấy tôi. Má đang cầm cây dèn hột vệt lạng lẽ đi lên đi xuống làm cái này cái kia, thấy anh em tôi

cóng róng, má lấy giọng cứng cỏi “Chuột chạy quanh đồng rơm chớ có gì đâu mà sợ hà con?” rồi ôm đầu anh em tôi mà xoa xoa tóc. Sáng nào mở cửa ra má cũng dò mắt quanh sân tìm dấu tích của cái gì đó gây nên tiếng động đêm qua. Nếu có mấy trái dừa khô rụng chẳng hạn, má vui vẻ nói to “À, mấy trái dừa khô rụng nè, hèn chi...” Vậy, trái dừa khô rụng đôi khi trở thành lý do để đổ thừa cho nỗi sợ hãi.

Có những đêm du kích đi qua, tiếng chân lịch kịch trên đường đất, chó sủa râm ran, tiếng bước chân dừng lại và mùi thuốc lá. Má thổi phụt tắt đèn và ôm hai anh em tôi thật chặt. Tôi nghe trái tim má đập thình thịch. Một hồi sau thì tiếng bước chân dần xa và lũ chó sủa liên hồi từ đầu xóm tới cuối xóm...

Má soi cho anh em tôi lỗ đường về



Không thể sợ hãi hoài mãi hay nói cách khác là má con tôi quá quen với nỗi sợ đêm tối để rồi không sợ nó nữa.

Đoàn cải lương về xã. Chiếc xe nổ phành phạch giương cao hình ảnh đào kép đẹp dễ lòng lấy chạy khắp nơi rao vang tối nay diễn tuồng gì, giữa những đợt rao là vài ba câu vọng cổ ngọt lịm khiến dân tình xôn xao kể chuyện đào này kép nọ.

Đoàn cải lương dựng rạp trên bãi đất trống trước chợ, che mấy tấm mê bố hoặc mấy tấm cà tăng quây bốn phía để phân biệt ai có vé ai không. Những người có tiền mua vé thì được xếp chỗ ngồi bên trong vòng mê bố, có ghế ngồi dằng hoàng. Những ai coi cộp thì “chui lỗ chó” vào hoặc đợi gần văn tuồng thì người ta mở cửa cho vô tự do.

Thấy tôi háo hức hóng chuyện mọi người xôn xao tung tích, má nói “Con thích thì tối nay má cho tiền dắt em Thành qua chợ xã mua vé coi cải lương.” Má ở nhà một mình không sợ hả? Tôi vô tư hỏi lại. Má lắc đầu thật mạnh, có gì đâu mà sợ hả con!

Nhớ lại mà thương má quá chừng. Kiếm đồng tiền rất vất vả nhưng mà má không nề để anh em tôi phải “chui lỗ chó”. Chẳng những anh em tôi có tiền mua vé đàng hoàng đi vô rạp có ghế ngồi chứ không phải chầu chực bên ngoài đợi tới khi sắp văn tuồng mới được xả giàn, mà trên đường về trong đêm tối, từ xa tôi đã thấy sân nhà mình thấp đèn măng xông sáng rực, là má soi cho anh em tôi rõ đường về.

Nhớ khi ba tôi còn sống và chị Ba còn ở nhà, mỗi khi có đoàn cải lương hay hát bội về chị Ba thích lắm, đi coi cộp hoài nên chị ước có tiền mua vé để vô rạp có ghế ngồi cho oai! Chị Ba xúi tôi xúc trộm lúa đem gởi nhà người ta đợi khi thương lái tới thì bán. Mùa gặt, ba má bận bịu ruộng đồng, lúa đổ đầy nhà, xúc vài ba bao thì không ai hay biết, là tôi với chị Ba tưởng vậy. Nhưng má là má, bận bịu tới cỡ nào má vẫn để mắt tới anh chị em tôi, đứa nào làm gì má cũng biết rõ. Biết tôi xúc lúa mà má làm lơ... Lớn lên tôi mới hiểu, người đàn bà thương con, muốn con mình được vui chơi đôi chút mà chống thì quá chặt chẽ tiền bạc...

Rạp cải lương sáng đèn rực rỡ thật là hấp dẫn mà hấp dẫn hơn nữa là ở phía sau, nơi không có trang trí màu mè mà chỉ là mấy tấm vải bố nối với nhau để che chắn hậu trường làm chỗ cho diễn viên hóa trang. Bọn thằng Tầm với thằng Kính con ông Ba Két đang tùm tùm ở đó thì dĩ nhiên tôi cũng chạy tới chỗ đó, cả lũ dán mắt qua khe hở háo hức nhìn ngó những khuôn mặt người bình thường nhờ son phấn mà biến thành vua thành quan... Đoàn hát bội về cũng vậy, bọn con nít tụi tôi vẫn thích nhìn ngó diễn viên hóa trang trước khi lên sân khấu, riêng tôi thì vì trước đây được chị Ba dắt đi coi hát bội nhiều lần nên tôi rành vai nào hiền, vai nào dữ, vai nào trung thành, vai nào phản bội. Tôi làm tài lanh giải thích cho mấy đứa nghe, ông đang xoa màu đỏ lên mặt sẽ là viên quan trung nghĩa khí tiết còn cái người đang xoa màu trắng mốc kia sẽ là gian thần nịnh bợ... “Thiệt không đó?” “Sao mày biết?” Mấy đứa nửa tin nửa ngờ để rồi khi diễn viên bước ra sân khấu nhập vai đúng y như tôi nói, đứa nào cũng phục lăn. Đám ra mỗi khi chạy tới chỗ diễn viên hóa trang thì bọn nó hay đứng lại đợi tôi cùng nhập bọn và hỏi tôi ông râu vểnh này cô má hồng kia sẽ diễn vai gì cho tới lúc ông bảo vệ từ đâu đi tới gần và hét to “Mấy đứa này bu lại đây làm gì hả?” thì tất cả bỏ chạy.

Tôi vì có em Thành nên chạy chậm hơn, bị ông túm cổ. Nhưng cũng may, thấy tôi công em nên ông bảo vệ động lòng thương, miệng ông la lối om sòm mà tay thì đẩy tôi tới một chỗ bên ngoài sợi dây thừng mà cũng gần sân khấu và nói “Ngồi đợi đó đi nhỏ, đừng có bỏ đi chỗ khác mắc bẽ em không chen lấn nổi đâu.”

Đoàn cải lương đông khách được một hai đêm đầu tiên, qua đêm kế tiếp vì diễn lại tuồng cũ cho nên khách ít dần vì đã coi rồi nên người ta không đi coi nữa, cho tới khi chiếc xe trang trí màu mè lại chạy phành phạch rao diễn tuồng mới...

Thương vậy mà chẳng biết làm gì

 Chiến sự ngày càng ác liệt, làng quê tôi nằm trong vùng xôi đậu, ban ngày binh lính Quốc Gia kiểm soát, tối đến thì du kích Cách Mạng đánh đồn. Nhà ai cũng đào hầm để có chỗ ẩn náu khi bom đạn. Có những lúc má con tôi phải nằm dưới **tràng xê** cả đêm vì sợ những đợt pháo tử thị xã bắn vào.

Nói hai tiếng Cách Mạng nghe có vẻ to tát vậy chứ quân du kích cũng là con cháu của người dân trong vùng, nếu không quen biết thì cũng dây mơ rễ má con của em vợ ông cậu hay là cháu của bà bác bên chồng... Chẳng xa lạ gì nên nửa đêm gõ cửa xin gạo và nhờ mua thuốc trị sốt rét là chuyện bình thường. Ngoài những việc trên, du kích còn tổ chức dân vận với các chương trình văn nghệ để thu hút thanh niên tham gia du kích, góp thuế nông nghiệp của nông dân xây dựng lực lượng du kích địa phương chống chính quyền.

Chính quyền Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ đã quyết định lập ấp chiến lược để cắt đường tiếp tế cho bên Cách Mạng. Gia đình tôi phải dọn ra kênh Cái Sắn ở nhờ trên khu đất bà Bảy di của má. Phận dân đen, ở đâu thì cũng vất vả kiếm ăn. Việc ruộng đồng cũng gặp khó khăn do chiến tranh gây ra, má tôi làm thêm việc giã bắp và làm bánh tằm đem qua chợ bán. Má thức khuya dậy sớm tần tảo, có ngày quên cả ăn cơm. Vừa đi bán ở chợ về thì má vội quay ra vớt thau bắp ngâm vôi từ tối hôm qua chuẩn bị đưa vào cối giã, rồi sàng, để khuya thức dậy nấu tới sáng thì đem qua chợ bán. Tôi hỏi sao má không ăn cơm rồi hẵng làm má nói má không đói! Có khi làm xong hết mẻ bắp má mới ăn bữa trưa thì lúc đó đã gần ba giờ chiều. Trong giai đoạn đó má tôi thân hình ốm o càng ngày càng gầy thấy rõ.

Qua mùa bắp thì má bày ra làm bánh tằm. Cái thớt bằng gỗ để se sợi bánh tằm, gọi là cái thớt mà nó hình chữ nhật, bề ngang khoảng bốn mươi phân và bề kia thì dài cả thước. Nhồi xong thau bột, má chà cục sếp ong khắp mặt thớt để khi se bột không bị dính. Bàn tay má khéo léo rẽ từng cục bột cho nó thành hai sợi dài rồi cuộn tròn lại như cái nhang vòng. Má ngồi suốt buổi chiều mới se xong thau bột. Rồi thì nạo dừa khô để làm nước cốt và rang mè để làm muối mè, nấu nước mắm,

lặt rửa rau thơm và mấy trái dưa leo. Chuẩn bị cho buổi chợ sáng mai xong thì trời đã sụp tối, mà má phải thức dậy từ khuya để còn hấp bánh...

Món bánh tằm này làm rất lâu công nên suốt mùa làm bánh tằm má tôi càng gầy guộc hơn vì suốt cả ngày không được nghỉ ngơi chút nào.

* * *

Em Thành đến tuổi đi học. Ngày ngày tôi dắt em tới trường. Tôi ngồi ở bàn gần cuối, lớp nhì. Vừa làm bài tập của mình tôi vừa nhìn lên em Thành ngồi ở bàn đầu, đang cầm cúi tập đồ chữ i chữ o, giống y như tôi trong những ngày đầu tiên, thỉnh thoảng em len lén quay nhìn về phía sau. Tôi ra dáng làm anh trứng mắt ra hiệu “Lo viết bài của mình đi” thì em le lười rồi vội quay lên và lại cầm cúi.

Buổi tối, hai anh em tôi ngồi học bài viết bài. Em Thành nhìn qua vở của tôi có đánh số thứ tự ở góc trang giấy mà thắc mắc ghen tỵ “Sao vở của em không có số như vở của anh?” Tôi trả lời mai mốt em lên lớp lớn hơn thì vở cũng sẽ có số như vậy, vì học trò lớp lớn có mấy đứa cầu thả hay xé vở nên cô Thế bắt đánh số thứ tự từng trang để biết học trò nào xé vở mà phạt quỹ hay khê thước vô tay. Nghe kể bị khê thước vô tay em Thành sợ lắm.

Má đi lui đi tới làm công chuyện nhà thỉnh thoảng đi tới bàn nhìn ngó anh em tôi học, nghe nói chuyện xé vở, má tặc lưỡi, mua vở tốn tiền mà xé vở là phạm lỗi đó, bị cô giáo phạt là đúng rồi. Má nói như là nhắc nhở anh em tôi đừng bắt chước mấy đứa xé vở, tới trường tới lớp thì phải nghe lời dạy của cô giáo. Em Thành hỏi lại, như vậy thì lớp năm rất ngoan ngoan nên mới không cần đánh sổ trang vở phải không? Câu hỏi bằng giọng hớn hờ lém lỉnh như khoe với má mình là học trò ngoan khiến má ôm em vô lòng mà khen con của má giỏi quá.

Tấn tảo chặt chiu, má đã trả xong món nợ lúc ba năm xuống và mua lại được đôi bông tai và sợi dây chuyền mà hồi kết tiền phải bán. Bây giờ đây, vất vả đến mấy mà hai anh em cố gắng học hành là má thấy vui rồi.

Ngờ đâu...

Em Thành đổ bệnh. Thời đó người ta nói em Thành bị bệnh “ban đen.”

Một lần nữa, má lại bán đôi bông tai và sợi dây chuyền để lo thuốc thang, lại vay mượn...

Và lại khóc cho nỗi biệt ly.

Mặc bao tận tình chăm sóc yêu thương, em Thành đã bỏ má bỏ tôi mà đi.

Nước mắt khóc chống chưa nguôi thì giờ đây má lại khóc con. Anh Hai chị Ba về thăm, an ủi má, nhưng anh chị chỉ ở với má được vài ngày thôi rồi phải trở về với gia đình riêng của mình.

Chỉ còn lại hai má con. Tôi bắt đầu phụ giúp má việc đồng ruộng, khi đó tôi mới thật sự nếm trải sự vất vả khổ ải của nông dân. Người phụ nữ thì còn trăm lần khổ hơn vì khi về nhà thì họ còn phải làm bao công việc khác và chăm lo cho chồng con mà đàn ông thời đó thì coi vợ là người hầu. Như má tôi, hết lòng vì chồng con mà ba tôi thì gia trưởng độc đoán ích kỷ.

Cấy lúa mùa mưa, suốt buổi ngâm hai cẳng chân trong nước lạnh lẽo, cầm nọc cấy bụi lúa mà bỗng vọt lên con đĩa cầm ngay cổ tay, nhìn xuống thì hai chân đĩa đeo lổm đổm. Trên mặt thì bị bù măt bu, vừa ướm át vừa ngứa hai con mắt rất khó chịu. Tắm ni lông cột choàng qua vai che mưa không ngăn được gió tạt nên một hồi thì ướm át khắp người và cơn lạnh thấm dần thấm dần...

Nếm mùi cực nhọc, tôi mới biết thương má nhiều hơn nhưng thương vậy mà chẳng biết làm gì. Có lần tôi

buột miệng nói mình hãy bán ruộng rồi ra ngoài thị xã buôn bán sống đi má, ở đây cực quá. Má chỉ cười. “Ồ đâu quen đó con à. Ra ngoài thị xã lạ nước lạ cái làm sao mà sống.” Thằng nhóc khờ dại là tôi hồi đó thấy má bưng thúng bắp xuống xuống qua chợ xã bán xong khi trở về luôn có quà bánh cho con hoặc tập vở mới và áo quần mới nên tôi tưởng việc buôn bán là dễ dàng, đâu biết thúng bắp thúng bánh trên đôi tay gầy của má là bao tính toán cân đo, tần tiện chặt chiu gom góp suốt bao tháng ngày mới đổi được năm phân vàng để dành phòng lúc ốm đau hay trong nhà có việc. Thằng nhóc khờ dại là tôi khi đó đi ba lần đi theo má ra chợ tỉnh nhìn thấy người đi trên đường quần là áo lượt và nhiều nơi sáng đèn rực rỡ cho tôi mơ tưởng cuộc sống phố thị an nhàn với tất cả, đâu biết nơi chốn cũng chọn người.

Những buổi tối tôi ngồi học bài một mình, không còn em Thành bên cạnh hỏi chữ này là chữ gì, không còn em chờ khi tôi quay nhìn nơi khác để lén cầm cây bút lá tre chấm mực làm dơ trang vở khiến tôi nổi cáu và bị má rầy là làm gương xấu cho em. Má không còn nói tôi gắng học giỏi để mai mốt dạy lại cho em, má không còn nói tôi là anh nên làm việc gì cũng phải nhớ là mình đang làm gương cho em, má không còn căn

dẫn tôi khi má vắng nhà thì tôi là người lớn nhất nên tôi phải chăm sóc em như vậy như kia...

Má buồn bã sầu muộn và đắm ra hay lo âu về những mất mát có thể xảy ra mà mình không lường được không tránh được. Có đêm giữa khuya, hai má con giật mình thức giấc vì đạn nổ vang trời. Hai bên đánh nhau, cách nhà tôi vài cây số bên này sông súng bắn qua bên kia sông đồn bắn lại và đạn pháo ngoài Rạch Sỏi nã vào... “Trời ơi không biết anh Hai của con ra sao?” Má hỏi tôi mà tôi thì biết nói gì đâu. Má hỏi tôi mà cũng như là tự hỏi mình. Má đi lui đi tới đứng ngồi không yên đợi trời vừa tờ mờ sáng là má bơi xuống qua sông đón xe lên tận nơi anh Hai đóng quân để xem anh có bị gì không...

Má có tấm lòng như vị Bồ Tát lặng lẽ thu nhận tất cả những gì chống con đổ xuống mình rồi đáp trả bằng tình yêu thương và sự nhẫn nại không bến bờ.

An Hòa Tự - Chùa Bửu Thọ

 Ngôi chùa cách nhà tôi vài trăm mét. Gọi là ngôi chùa nhưng cũng giống ngôi trường tiểu học của làng tôi, chỉ là một gian nhà lá được gọi là An Hòa Tự nằm giữa miếng đất rộng khoảng một công có vài bụi chuối và vài cây trám bầu với cây bình bát.

Trước chùa là một cái sân nhỏ có bàn thờ ông Thiên, trong chánh điện người dân xây một bàn Phật có ba bậc, bậc trên cùng thờ ba vị Phật, bậc kế tiếp dùng để chưng bông trái và bậc cuối là bát hương và chân đèn bằng gỗ. Ngoài ba vị Phật bằng xi măng do người dân tự đắp còn có bàn thờ ông Quan Đế Thánh Quân phía bên phải nhìn vào đặt ống xin xăm và quyển sách giải thích xăm để thấy nói cho người ta biết lá xăm của họ hung hay kiết, bên trái là bàn thờ Tổ Bồ Đề Đạt Ma.

Phía dưới bàn Phật là khoảng trống dùng để chén đĩa cúng mỗi khi có lễ, và đây cũng là nơi khi sau này

xuất gia tôi thường chui vào khi pháo bay đạn nổ khi du kích về đánh đồn vì chùa không có trăng xê như nhà người dân trong vùng.

Chùa khi có người ở khi không, như là nơi tạm dừng chân mỗi khi, thỉnh thoảng, có vị tăng từ đâu đến lưu lại một thời gian ngắn rồi ra đi, chùa lại nguội lạnh khói nhang.

Có một đạo, dân làng rủ nhau đóng góp mua cây lá sửa sang chùa cho các cụ già có chỗ ở lại cùng nhau tập tu. Bà nội tôi hằng đêm tụng kinh. Đáng ngạc nhiên là mù chữ mà chẳng biết bà nội và các cụ bằng cách nào lại thuộc lầu rất nhiều bài sám như Sám nhất tâm và các kinh chú như Kinh cứu khổ, Chuẩn đề thần chú...

*“Một lòng mỗi một không nài
Cầu về Cực Lạc ngồi đài liên hoa
Cha lành vốn thật Di Đà
Soi hào quang tịnh chói lòn thân con
Thấm sâu ơn Phật hằng còn
Con nay chánh niệm lòng son một bề
.....”*

....“Bá thiên vạn ức Phật, hằng hà sa số Phật, vô lượng công đức Phật. Phật cáo A Nan ngôn, thủ kinh

đại thánh năng cứu ngục tù, năng cứu trọng bệnh, năng cứu tam tai bá nạn khổ. Nhược hữu nhơn tụng đảnh đức nhưt, thiên biến nhưt thân ly khổ nạn, tụng đảnh đức vạn biến hiệp gia ly khổ nạn. Nam mô Phật lực oai. Nam mô Phật lực hộ, xử nhơn vô ác tâm, lịnh nhơn thân đắc độ, hồi quang Bồ Tát, hồi thiện Bồ Tát a nậu Đại thiên vương chánh điện Bồ Tát, Ma kheo, Ma kheo thanh tịnh tùy kheo, quan sự đắc tán tụng, sự đắc ưu Chư vị Bồ Tát....”

Điều đáng nói là bà nội tôi và các cụ dù rủ nhau ở lại chùa để tu tập nhưng cũng hờn giận cãi cọ, xử sự với nhau chẳng khác gì đời thường, ai cũng cho mình đúng, thường xuyên xảy ra bất đồng ý kiến dẫn đến bất hòa.

Có lần Sư ông Thiện Đức trụ trì chùa Bửu Khánh có dịp tới thăm, nghe chuyện mấy bà già ở chùa mà cứ lục đục, Sư ông nói chùa tên An Hòa mà trong chữ Hòa (和) có bộ khẩu (口) nên quý cô mới hay cãi vã, vậy Sư ông chọn chữ Bửu Thọ (寶樹) thay cho An Hòa để chùa được yên ổn!

Dù chùa cũng đã đổi tên mới là Bửu Thọ, nhưng các cụ vẫn giận hờn lục đục buồn giận trách hờn!

Khi tôi còn nhỏ được bà nội cưng chiều thương yêu vì quan niệm của bà cũng trọng nam khinh nữ, tôi

và đưa con trai người chú luôn luôn được quan tâm chăm sóc, đi đâu cũng dắt tôi theo nên bà nội đi chùa thì tôi cũng theo đi chùa. Tôi được khen sáng dạ vì mau thuộc những bài sám và chú mà bà hay tụng, cả “lòng phái quy y” của bà nội bằng chữ Hán tôi cũng đọc vanh vách dù chẳng hiểu gì, chỉ cảm nhận âm thanh của lời kinh tiếng kệ rất thân thuộc với mình và dễ thấm vào tâm trí.

*“Lâm tế chánh tông
Thiên đồng phát phái kệ vân
Thật tế đại đạo
Tánh hải thanh trường
Tâm nguyên quảng nhuận
Đức bốn từ phong
Giới định phước huệ
Thể dụng viên thông
Vĩnh siêu trí quả
Mật kế thành công...”*

Nhưng cho dù chẳng hiểu gì thì đó cũng là hạt mầm gieo trong tôi đợi đến một ngày tôi nhận ra mình thích những lời kinh và cuộc sống của mấy chú ở chùa...

Có thể nói đó là hạt giống trong tôi đã được gieo và chỉ chờ có cơ hội được tưới tắm là nảy mầm và đó cũng chính là con đường tôi chọn cho mình sau này để trở thành chú Đạo quảng mình vào chốn thiền môn.

Rồi bà nội tôi và các cụ vì già yếu bệnh tật nên con cháu rước trở về nhà, ngôi chùa lại rơi vào tình cảnh bị bỏ hoang. Cho tới năm tôi học lớp ba, có một vị thầy già về. Thấy sửa sang chùa, lột lại mái lá và trám những chỗ bị sứt mẻ trên ba pho tượng. Sau mấy tháng thì chùa có thêm hai chú điệu tóc để chòm. Sáng chiều tiếng chuông mõ kinh kệ vang xa khiến ngôi chùa trở lại ấm cúng, ngoài người lớn tuổi thì còn có một số thanh thiếu niên trong xóm cũng tới chùa tụng kinh hàng đêm và theo thầy đi hộ niệm mỗi khi trong xóm có người mất. Chiều nào khi hai chú điệu tới giờ công phu thì tôi đứng ngoài sân chùa lắng nghe và bài kinh công phu chiều cứ tự nhiên mà thấm vô tâm trí.

“Như đẳng Phật tử chúng

Ngã kim thí như cúng

Thử thực biến thập phương

Nhứt thiết Phật tử cộng

Nguyện dĩ thử công đức

Phổ cập ư nhứt thiết

Ngã đẳng dữ Phật tử

Giai cộng thành Phật đạo.....”

Càng ngày tôi càng thích tới chùa hơn, buổi chiều nghe tiếng trống tiếng báo chung báo hiệu giờ công phu chiều dù đang làm gì tôi cũng bỏ đó để chạy tới chùa, tôi thích nghe đọc kinh, thích tháp tùng theo thầy mỗi khi trong xóm có đám tang.

Một hôm, tôi và hai chú đạo đang chơi ở sân chùa, thầy kêu tôi lại và hỏi “Giờ công phu chiều nào cũng thấy con nhìn mấy chú tụng kinh, thấy nghĩ chắc là con có duyên với Phật. Con thích xuất gia thì về xin mẹ con đi. Nếu mẹ cho thì thầy sẽ xuống tóc cho con ở đây với mấy Đạo cho có huynh đệ.”

Thời đó, miền Tây thường gọi mấy chú tiểu mới vào chùa là ông Đạo.



Những người tu tại gia không được chư tăng ni hướng dẫn và không nghe được Pháp Phật để chuyển hóa vào việc tu tập nên việc người dân đi chùa chỉ theo tín ngưỡng đạo thờ ông bà là một điều dễ hiểu. Đến chùa họ chỉ lễ Phật cầu nguyện ơn trên ban phước, xem Phật như một vị thần linh.

Mới biết thuộc kinh lâu lâu mà không thấu hiểu để tu tập thì uống phí một đời. Cho nên đọc kinh nhiều chưa hẳn là tu, có một số quan niệm cứ ăn chay niệm Phật là tu nhưng khi gặp duyên gặp cảnh trái ý nghịch lòng thì sân si phiền muộn nổi lên do vì không biết chuyển hóa nội tâm, chỉ tu hình thức mà không nhận ra đâu là gốc của sự tu...

Thế mới biết việc bất hòa trong cuộc sống mà lấy lý do là tại vì tên chùa hay tên Pháp danh chỉ là sự đổ thừa! Con người mới là nguyên nhân quyết định của đời sống hạnh phúc hay khổ đau."

Khi đã biết tu thì thân miệng ý lúc nào cũng thiện, ba nghiệp mà thiện thì tự thân được an vui, trong gia đình trên thuận dưới hòa, ngoài xã hội không gây xáo trộn sẽ được trật tự an bình. Như vậy người biết tu, chẳng những chính bản thân mình được lợi ích, mà gia đình và xã hội cũng được lợi ích. Đó là người tu đúng theo lời Phật dạy.

Nếu chỉ biết ăn chay, tay lẩn tràng hạt, mà mỗi khi có ai xúc phạm đến thì phản ứng lại bằng cách la lối cãi cọ và cho mình đúng, người kia sai... như vậy chưa phải là người tu. Vậy nên người đời mới có câu chế nhạo "Miệng thì nam mô, trong bụng thì chứa một bồ dao găm."

Vậy, tu cốt là chuyển ba nghiệp ác thành ba nghiệp thiện là bước đầu, tụng kinh niệm Phật là bước kế tiếp. Bước đầu là nền tảng mà không thực hiện trước, lại đi bước thứ hai, giống như cất nhà lầu mà không xây nền móng, cái nhà sẽ đổ.

(Trích Tu là chuyển nghiệp – hòa thượng Thanh Từ)



Cho con đi tu ghen má

 Một buổi chiều, khi má tôi đang ngồi sàng bắp chuẩn bị cho buổi chợ sáng mai, tôi ngồi nhìn má hai tay đều đều xoay cái giần, mớ mảy bắp dần dần gom lại chính giữa và má chụm hai tay hốt hất mớ mảy ra ngoài một cách gọn gàng.

Thấy má vui nên tôi buột miệng nói “Cho con đi tu ghen má.”

Cái giần trên tay ngừng khựng, má thử người một hồi rồi bắn thần nói “Nhà có hai má con... Liệu đi tu có được không hay vì ham vui nay tu mai bỏ về thì mang tội.”

Có lẽ trong ý nghĩ của má, tôi là đứa con được nuông chiều từ nhỏ nên vô chùa sẽ khó mà chịu được sự cực nhọc, và má cũng muốn tôi ở nhà với má.

Má thốt hai tiếng “Tùy con” một cách cam lòng, đúng như tính ít nói của má và lòng thương con không

nữ can ngăn. Rồi thì má may cho tôi hai bộ áo vạt khách với hai cái quần lá nem và đưa tôi tới chùa.

Khi đó tôi chưa biết là tôi vừa quyết định một điều trọng đại của đời mình, chỉ là thích ở chùa đọc kinh mà thôi, chưa hề có ý thức về tu hành như thế nào, chưa từng ở chùa ngày nào, không hiểu sự đi tu để làm gì. Chỉ biết khởi tâm thích tiếng mõ chuông và tiếng bảo chung mỗi khi đến thời công phu chiếu.

Ngày rằm tháng Tư năm 1963 thấy tổ chức lễ xuất gia cho tôi, rất đơn sơ, chỉ có má tôi chứng kiến. Thấy mời má tôi nguyện hương trước chánh điện nhưng má tôi từ chối vì “Con tôi muốn đi tu, tôi bằng lòng nhưng nó còn quá nhỏ không biết vô chùa ở được bao lâu, tôi không thể phát nguyện cho con, lỡ mai một nó tu không được tôi lại mang tội thất hứa với Phật.”

Thấy cạo tóc tôi chưa lại một cái vá ở chòm, vài ngày sau, thấy dẫn tôi ra chùa Bửu Khánh, sư ông Thiện Đức ở đó đặt cho tôi pháp danh Thiện Bảo. Từ đó tôi trở thành một chú tiểu ngày ngày quanh quẩn mái chùa làng quê.

Thời gian biểu của tôi có thêm ba thời khóa tụng kinh công phu chiếu, tịnh độ buổi tối và công phu khuya. Chiếu, đi học về, ăn cơm, tụng kinh xong thì

hai chú tiểu kia vì đã nghỉ học nên đi ngủ sớm, còn lại mình tôi với cây đèn dầu ngồi học bài làm bài trên trường, bốn giờ sáng thức dậy công phu, sau đó tôi chạy về nhà phụ má bưng mấy thau bắp đem xuống xuống qua chợ bán, phần má thì luôn để dành lại cho tôi một đĩa cơm cháy bắp là món tôi thích. Ăn sáng ở nhà xong, tôi chạy về chùa quét dọn và cùng với hai chú đệ nấu cơm trưa. Bữa cơm chùa quê đơn giản chỉ có rau lang luộc, canh khoai lang nấu với bù ngót, có hôm là bông súng nấu canh hoặc rau muống luộc chấm tương chao... Ăn trưa xong thì tôi đi học trường làng như thường lệ. Mấy đứa bạn học cùng lớp hay nhìn chòm tóc của tôi mà tò mò đủ chuyện, có đứa còn hỏi “Má mày đuổi không cho mày ở nhà hả?” Cô giáo Thế thì nhẹ nhàng hơn “Tại sao em đi tu?” Tôi không biết trả lời ra sao, chỉ cười và lặng thinh.

Mùa hè tới, học xong lớp nhứt, một hai đứa bạn cùng lớp may mắn có được gia cảnh khá giả thì bàn chuyện qua trường xã học tiếp đệ thất, phần lớn thì nghỉ học ở nhà làm ruộng. Tôi không đi học trường lớp nữa thì hoàn toàn ở chùa, ngày ngày hai thời công phu và khi có đám tang thì theo thầy tụng kinh.

Sau này tôi mới biết, thầy xuất gia khi tuổi đã cao, được hòa thượng Thích Bửu Thành làm lễ thế phát tại

chùa Nam An ở Mặt Dưng An Giang và đặt đạo hiệu là Trí Hoa, thuộc dòng Lâm Tế thứ 40.

Nhập chúng tu học tại chùa Nam An được ba năm, thấy về lại Kiên Giang và y chỉ Yết ma Thích Thiện Đức trụ trì Chùa Bửu Khánh (Rạch Mèo, Kiên Giang). Sư ông Thiện Đức thấy thấy tu tập rất tốt nên cử thầy về Bửu Thọ. Lúc đó, thật lòng thấy không muốn đảm nhận công việc trụ trì nơi đây. Một phần vì thấy mới xuất gia chưa được bao lâu, một phần khi ấy tuổi thầy đã gần sáu mươi, thân thể đã chớm bệnh này tật kia. Nhưng không muốn phụ lòng Sư ông Thiện Đức và nghĩ tới bà con nơi thôn quê nghèo khó mà không có tăng ni chăm sóc đời sống tinh thần nên thấy đồng ý. Có lần thấy nói với tôi "Cả hơn nửa đời của thầy đã lăn lộn trong thế gian, nay cuộc sống còn lại bao năm thầy xin hiến dâng cho Tam Bảo."

Lúc thầy mới về, chùa chỉ có ngôi chánh điện bằng lá xiêu vẹo, mái thì dột, cột thì mối mọt, vách lá thì rách, chánh điện thì ngập nước, thấy chẳng bao giờ ngủ được ngon giấc khi trời đổ mưa. Vậy mà với đôi tay cần mẫn và bằng tất cả tấm lòng của người tu, thầy đã tạo dựng được Tổ đường, phòng nghỉ và nhà bếp. Diện mạo ngôi chùa sau khi thầy về khang trang hơn nhiều so với trước.

Ông Nguyễn Văn Sương (*thường gọi bác Tám Sương*) được cử làm thủ bốn tức là thủ quỹ của chùa nhưng ông chẳng giữ được đồng nào, vì khi ấy ai cũng thiếu trước hụt sau, làm không đủ ăn thì lấy đầu ra tiền mà cúng dường. Đến ngày lễ lớn như rằm tháng giêng, Phật Đản và Vu Lan... thì mọi người hùn nhau vài trái dưa và mấy lít nếp để nấu xôi, nấu kiểm. Trước dâng cúng Phật sau là người dân đến chùa lễ lạy xong thì cùng hưởng chút lộc Phật.

Quanh năm suốt tháng, thấy trang trải cuộc sống bằng sức lao động của mình. Vì thương ông thấy già cặm cùi sớm hôm một thân một mình chăm sóc ngôi chùa nghèo nên người trong xóm mỗi khi thiếu cái bàn cái ghế hay tủ chén tủ thờ đều đến thuê thấy đóng. Thấy rất khéo tay nên sản phẩm không chỉ bền chắc mà còn sắc sảo. Công việc thợ mộc có chút thu nhập giúp cuộc sống của thầy đỡ cực và cũng nhờ nghề mộc mà thầy kết thân được với một vài ông bạn già trong xóm, nhờ đó mà bớt quạnh hiu và có người chăm sóc giúp đỡ thầy mỗi khi trái gió trở trời.

Ông Nguyễn Văn Chắt (*thường gọi bác Năm Chắt*) là người thường xuyên lui tới uống trà, tâm sự với thầy chuyện ruộng đồng. Dù bác Năm Chắt không phải là Phật tử, bác chẳng biết quy y là gì, nhưng chứng kiến

thấy vất vả và hết lòng hết dạ với ngôi chùa làng, bác sinh lòng cảm mến và về bàn với các con hiến hai công đất sau chùa để thấy trống trọt. Nghe vậy thấy rất mừng và nói với tôi rằng “Thấy trò mình có cơ hội xây dựng lại chùa rồi.” Mừng vui và cũng rất lo lắng bởi từ trước tới nay thấy chỉ làm công cho ghe lưới và làm mộc chứ nào đâu biết làm vườn.

Sau khi nhận đất, thấy thuê một vài người cùng thầy đào mương, lên liếp đồn tre, hạ trúc, chặt sậy làm giàn. Thấy ra Rạch Giá mua các loại hạt giống như bắp, khổ qua, đậu đũa, dưa leo về trồng. Có khi thu hoạch đem ra chợ bán được tiền, có khi chỉ đủ thấy trò ăn và đem biếu bác Năm Chắt và bác Tám Sương cùng với vài người quen thường mang gạo và nước tương đến cúng chùa.

Tôi nhớ có lần thấy trống dưa hấu và hy vọng sẽ bán được giá khi tết đến, nhưng thật thê thảm vì nguyên cả mảnh đất trống dưa bị sâu ăn hư sạch. Bao nhiêu vốn liếng và công sức bỏ ra chẳng những không thu được đồng nào mà còn thiếu nợ tiền mua giống mua phân. Thế là ước nguyện trồng hoa màu để có tiền sửa chùa suốt hai năm trời không thể thực hiện được.

Đáng ra, cái tuổi ngoài sáu mươi người ta thường nghỉ ngơi dưỡng già thì thấy lại cần mẫn ngày đêm,

không ngại gian lao khó khổ. Cũng chính vì lao động nặng nề mà ăn uống kham khổ đã vắt cạn sức lực của thầy. Da thấy xạm, thân thể ốm gầy, mắt sâu hút, hai má hóm vào vì hai hàm răng rụng hết. Vậy mà lúc nào thầy cũng cười vui vẻ lạc quan. Tôi chỉ thấy thầy buồn khi hai chú tiểu bỏ chùa trở về nhà với cha mẹ. Nỗi buồn của thầy còn là vì túng quá nên không có quà cho đệ tử nhỏ tuổi lúc chia tay.

Năm kế tiếp lại càng khó khăn hơn nhưng thầy vẫn kiên trì nhẫn nại lo cho chùa. Làm vườn không được mà sức khỏe ngày càng kém dần nên thầy học làm nhà kho, nhà minh khí với ông Năm thầy cúng ở An Hòa. Thấy đặt người ta làm một cái mộc bằng gỗ, phía trong là bài chú vãng sanh bằng chữ Tàu. Thấy mua mực đỏ vẽ pha với dầu lửa rồi đóng dấu lên trên giấy vàng mỏng, cuốn lại bỏ vào nhà kho. Gia đình nào có nhu cầu làm tuần thất thì mua về đốt cho người thân đã mất.

Thầy làm đủ thứ để kiếm tiền sửa sang chùa. Nhưng chất chiu từng đồng từng cắc, tích góp dành dụm cả năm mà vẫn không dư được bao nhiêu. Khó khăn quá nên trong lần về thăm nhà, thầy dự định sẽ nhờ vợ chồng người con trai cả giúp đỡ một ít để thầy trả nợ cho người dân trong xóm. Dù họ rất thông cảm cho hoàn cảnh khó khăn của thầy và họ biết tiền thầy

mượn là để sửa sang chùa chứ không hề tư túi gì, nhưng thấy vẫn cảm thấy áy náy vô cùng mỗi khi gặp họ.

Dự định là vậy nhưng khi về nhà gặp cảnh ghe đánh cá mới về, những cặp vợ chồng con cái và người làm công đang ngồi vá lưới, ... thấy chỉ hỏi thăm vài câu rồi vào thắp hương cầu huyễn và ra về.

Khi hai thầy trò ngồi trên chiếc xe Lambetta về lại chùa, tôi hỏi: “Thưa thầy, thầy quên hay sao mà thầy không xin tiền anh chị hai?”

Thầy nói: “*Thầy đâu có quên, nhưng mà nghĩ lại. Thầy đã bỏ gia đình đi tu không giúp được gì mà lại khiến con cháu thêm nặng gánh quả thật lòng thầy cảm thấy không vui. Thôi, thầy trò mình cố gắng vượt qua khó khăn, sông có khúc người có lúc con à.*” Nói xong thầy lại mỉm cười tỏ vẻ lạc quan.

Nói vậy, mà về chùa lòng thầy cũng không yên vì nợ mượn chưa trả được mà tết Nguyên đán đã gần kề. Năm đó, thầy tìm đến một ông thầy cúng lấy về một số loại giấy mà dân gian thường dùng dán trước cửa nhà khi Tết đến. Thầy đưa tôi một xấp giấy hồng đơn in mực tàu và bảo: “Đây là lá phù Thái Tuế, dùng treo ở cửa cái vào dịp xuân về để xua đuổi tà ma, ngăn chặn những điều xấu vào nhà. Con chịu khó đem những miếng

giấy này đến nhà bà con quanh đây bán cho họ, nhưng không nên nói giá mà tùy họ cho bao nhiêu mình nhận bấy nhiêu, biết đâu bán được thì thấy trò mình có tiền ăn tết”. Lúc đó, thật lòng tôi không muốn đi nhưng câu “con quyết lòng vì đạo hy sinh” vang vọng bên tai khiến sự mặc cảm trong tôi tan biến!

Tôi còn nhớ khi ấy tôi mặc bộ đồ vật khách màu nâu đậm, trên đầu đội khăn, tay xách cái giỏ cói, bên trong đựng chừng năm mười miếng giấy hồng đơn. Mỗi miếng bề ngang khoảng hai mươi phân bề dài tám bốn mươi phân có in chữ Tàu. Tôi đọc được hai chữ “Sắc Lệnh” và khuôn hình bát quái, còn lại thì ngoằn ngoèo tôi không biết là chữ gì. Vì ngại gặp người quen nên tôi đi xuống khu vực Cầu Móng cách xa chùa chừng năm cây số để bán. Suốt ba ngày tôi đi từ sáng đến trưa, có người thấy tội nghiệp tôi nên mua ủng hộ nhưng bán không được bao nhiêu. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi đi bán dạo và đó cũng là kỷ niệm sâu đậm nhất trong những ngày tháng tôi sống cùng thầy nơi ngôi chùa làng quê.

* * *

Làm gì cũng thất bại và ngay cả dịp tết đi bán lá phù dán cửa nhà là một trong những thứ mà người

dân quê lạc hậu thường chọn cho những ngày đầu năm mới mà cũng rơi vào cảnh ế ẩm, cảnh chùa túng trước thiếu sau, thấy an ủi tôi “Đừng vì vậy mà nản nghe con. *Chuyện đi tu là dễ nhưng giữ được đạo tâm lâu bền mới là khó.*” Thật tình, thấy nói gì thì tôi cũng “Dạ” chứ khi đó tôi có hiểu gì đâu, chỉ biết là thấy đang an ủi để tôi đừng buồn nản mà bỏ chùa về nhà như hai chú tiểu kia. Mà tôi thì chưa bao giờ có ý nghĩ bỏ chùa, suốt đường tu dù những lúc trở ngại nhất tôi có khi buồn khi lo lắng nhưng ý nghĩ bỏ chùa thì chưa bao giờ xuất hiện trong đầu.

Nhớ lại giai đoạn đầu đời tập tu đó, tôi chỉ được thấy dạy hai thời công phu sang tối. Nhưng tôi không thấy buồn bức chán nản mà vẫn thích tu và lòng tôn kính trò dành cho thầy thì đúng như bài học cô Thế dạy:

*“Trọng thầy mới được làm thầy
Những phường vô lễ sau này ra chi.”*

Chùa quê, thầy quê mùa, trò cũng quê mùa, hàng ngày lập đi lập lại chừng đó việc và thời gian cứ vậy trôi qua. May sao có một dịp được đi học, đó là lần thầy gởi tôi cho Sư ông chùa Bửu Khánh tại Rạch Mèo gần thị xã Rạch Giá cách chùa làng tôi khoảng mười lăm cây số.

Chùa Bửu Khánh nằm cách mặt lộ ra thị xã Rạch Giá khoảng một trăm mét không phải là một ngôi chùa cổ nhưng kiến trúc theo lối xưa. Thờ tam thánh Di Đà, Quan Âm, Thế Chí trên chánh điện, và cùng thờ rất nhiều vị Phật và Bồ Tát. Tường xây, mái ngói, nền lát gạch tàu, phía sau chánh điện là nhà thờ tổ, hai bên nhà thờ tổ có hai phòng. Một phòng của Sư ông còn phòng kia khi tôi đến thì Sư ông cho tôi vào đó ở, phía sau cùng là nhà bếp. Ở đây tôi chỉ công phu chiếu thí thực cô hồn và buổi tối Tịnh độ đọc kinh một mình, thời công phu sáng chỉ thỉnh đại hồng chung. Tôi có cảm giác chùa Bửu Khánh hơi huyền bí so với chùa quê tôi.

Chùa Bửu Khánh cũng vắng vẻ, chỉ có một mình Sư ông, thỉnh thoảng thấy một vài người đến nhờ Sư ông xem ngày dựng nhà hoặc cưới hỏi... Trong thời gian tôi ở đó, buổi tối không thấy có Phật tử tới tụng kinh, chỉ có người con trai của một gia đình sống gần chùa thường tới làm công quả quét dọn bàn thờ Phật vào buổi sáng.

Ở đó tôi được dạy chữ nho, quyển sách đầu tiên tôi học là Minh Tâm Bửu Giám bằng Hán văn do Sư ông viết tay bằng mực tàu, nét rất đẹp. Trong sách trích dạy lời Khổng Tử như là “Vi thiện giả, thiên báo chi di phúc. Vi bất thiện giả, thiên báo chi di họa” Dịch

nghĩa: người làm điều tốt lành thì trời lấy phúc báo đáp lại người đó, kẻ làm điều không tốt lành trời lấy họa báo đáp lại kẻ đó. Và lời của Mạnh Tử “Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.” Dịch nghĩa: *thuận theo lẽ trời thì còn, nghịch với lẽ trời thì mất.*

Sau này, tôi mới biết bất cứ vị xuất gia nào mới bước chân vào đạo đều phải học bốn quyển Luật Tiểu bằng Hán Văn (Tỳ Ni, Oai nghi, Sa di và Cảnh Sách) thuộc cả âm lẫn nghĩa. Nhưng lúc đó, tôi không hiểu tại sao Sư ông không dạy Kinh Phật mà dạy sách Nho gia, nhưng còn quá nhỏ để phân biệt chỉ biết Sư ông dạy gì thì tôi học nấy!

Khoảng ba tháng sau thì thấy tôi tới xin Sư ông cho tôi về. Thấy nói “Thôi về chùa mình tự học.” Mong muốn được ở lại học thêm nữa, nhưng tôi đành vâng lời thầy trở về chùa làng. Tôi xin Sư ông quyển Minh Tâm Bửu Giám có chú âm Hán Việt, và Tam Tự Kinh... Tôi tự học bằng cách viết chữ trên lá chuối với cây bút lông. Một tàu lá chuối chia ra nhiều mảnh nhỏ, lật mặt bết trái xanh nhạt, viết chữ xong thì tôi lấy giẻ lau sạch rồi viết lại. Mỗi mảnh lá chuối viết được ba bốn lần mới bỏ đi.

Từ ngày đó về sau, dù vẫn còn nợ dân trong xóm nhưng tôi không nghe thấy nhắc chuyện khó khăn

tài chính nữa. Một hôm thầy kêu tôi lại và nói “Thôi con ở lại giữ gìn chùa, thấy ra Hòn Nghệ tịnh tu một thời gian.”

Vậy là thầy đi.

Một mình ở lại chùa tôi tiếp tục đi cúng đám tang, làm nhà kho, nhà minh khí.. không chỉ chuông mõ đọc kinh mà nhờ chăm chỉ tự học chữ Hán nên tôi còn tự viết được liễn tang và lá triệu cho gia đình khi người ta có nhu cầu!...

Nếu không có duyên sâu dày với Phật Pháp có lẽ đường tu của tôi chỉ là ông thầy cúng nhà quê đốt nát dựa dẫm kinh Phật làm kế mưu sinh. Quanh tôi là những người dân quê đến chùa vào ngày mừng một và rằm để cầu xin Trời Phật gia hộ, họ cần có ông thầy tu để khi đám tang tụng kinh cho người chết, đốt vàng mã, cúng tuần thất. Vậy thôi.

Và nếu không có sự trợ giúp của má... Những khi nhớ lại, tôi tự hỏi nếu không có má thì chẳng biết đoạn đường tu đó của tôi đã rẽ qua lối nào? Tuổi mười lăm, không có thầy dạy dỗ hướng dẫn cũng không hiểu biết gì về đời sống của người xuất gia và rồi một thân một mình ở một chùa... Có người tới chùa còn gọi tôi bằng tên tục như con cháu trong nhà là thằng Khánh chứ có mấy ai biết tới pháp danh Thiện Bảo!

Má đem đồ đạc ở nhà tới, bàn ghế và cả bộ ván trước đây ba hay năm... Má sắp xếp bày biện cho ngôi chùa được tươm tất. Ban đầu, khi thấy mới đi, má nấu cơm đem tới cho tôi, sau thì má xay lúa đem gạo tới chùa để đó, ngày ngày má tới nấu cơm. Mọi việc của chùa má đều cáng đáng. Sợ tôi một mình giải đãi ngủ quên nên bốn giờ sáng má xách cây đèn dầu tới chùa thức tôi dậy công phu, lạy Phật xong thì má tắt tả đi về nhà để qua chợ bán... Má quay vòng vòng giữa việc đời và việc chùa, còn tôi thì vẫn tu một cách vô tư. Có những đêm, vừa xong đợt đạn pháo vang trời không khí còn nóng nực mùi thuốc súng, tôi nghe tiếng gõ khe khẽ cùng với ánh đèn vàng thấp thoáng qua khe cửa và giọng má thì thảo "Khánh ơi con có sao không?" Là má sợ lỡ tên bay đạn lạc trúng ngôi chùa nhỏ nên dù đạn vẫn còn nổ đi dùng má vẫn xách cây đèn bươn bả trong đêm tới chùa, tận mắt nhìn thấy tôi vẫn bình thường thì má mới yên tâm quay về nhà. Nhiều lần tôi nói: "Má đừng đi ra đường giờ này nguy hiểm lắm." Má gạt đầu, ở ờ... Rồi thì vẫn vậy, sau mỗi đợt súng đạn vang trời thì má lại đi tới chùa rón rén gõ cửa và thì thảo gọi xem tôi có ổn không.

Chùa Phổ Minh - duyên lành

 Tôi tới tuổi động viên, người xuất gia ở chùa cũng phải có giấy hoàn dịch do Nha động viên - Bộ Quốc Phòng cấp từng năm với sự xác nhận của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Tôi tu ở chùa làng quê chẳng biết gì về thủ tục này. Má tôi vì thương con hay hỏi han tìm hiểu về cuộc sống tu hành nên khi tôi tới tuổi động viên thì má nhờ người cậu quen biết xin Tỉnh Giáo Hội làm thủ tục hoàn dịch cho tôi.

Ông cậu của đứa em chú bác hướng dẫn tôi đến gặp Đại Đức Thích Minh Giác trụ trì Chùa Phổ Minh lúc bấy giờ dành lễ y chỉ thấy. Má tôi cung cấp tiền bạc gạo tương để nhờ một bà già là bà Tư đến ở giữ chùa Bửu Thọ cho tôi ra chùa Phổ Minh nhập chúng tu học.

Chùa Phổ Minh thành lập năm 1964 do Thầy Thích Minh Giác đứng ra xây dựng khi được Giáo Hội bổ nhiệm Chánh Đại Diện Giáo Hội Phật Giáo Việt

Nam Thống Nhất, thấy cùng một số Phật tử đứng ra vận động chính quyền tỉnh mua một mảnh đất khoảng 3000 m² tọa lạc tại số 27 Cô Bắc (*thường gọi là ngã tư Phan Nhị - Cô Bắc*). Nơi này đã từng là một khu đường lão và cũng là trại phong của tỉnh. Được sự chấp thuận của ông tỉnh trưởng lúc bấy giờ bán với giá tượng trưng là một đồng danh dự. Sau khi có đất thấy đã vận động Phật tử đứng ra xây chùa Phổ Minh làm văn phòng Ban Đại Diện Phật giáo tỉnh.

Khi tôi mới đến, đây nhà trước đây là khu đường lão vẫn còn, sau này chỉnh trang lại thành hồ sen. Kế sau hồ sen là ngôi thất cất theo kiểu nhà sàn của người dân tộc mái kiểu nhà rông Tây nguyên lợp bằng lá đơn sơ làm nơi thầy trụ trì ở.

Chùa có cổng tam quan xây dựng kiên cố, bước vào bên phải là chánh điện được xây dựng theo kiểu mái chống diêm, bên dưới là tượng hai con sư tử, trong chánh điện thờ đức tôn đức Thích Ca và sau này quân đội Hoàng gia Thái Lan có tặng cho chùa tượng Phật Thích Ca bằng đồng kiểu Thái Lan cao khoảng 1m40 được tôn trí phía trước tượng Bồ tát. Đằng sau chánh điện là ngôi nhà tổ xây dựng kiên cố. Bên trái là dãy phòng Tăng. Lúc đó chùa có khoảng trên mười vị xuất gia, ngoài thầy Minh Giác là vị Đại Đức lớn tuổi nhất,

khoảng bốn mươi, còn lại thì các vị khác tuổi đời không quá hai mươi. Đáng nói là tất cả đều được đi học, có vài vị còn đi học tận Sài Gòn. Điều này tác động đến tôi rất nhiều.

Khi đến đánh lễ thấy tôi được ông cậu dẫn đi, hành lý chỉ có hai bộ áo vạt khách màu nâu và một áo tràng lam lễ Phật.

Từ một ngôi chùa quê có duyên gặp vị thầy già đặt kéo cắt tóc làm Tăng đã là một hạnh phúc lớn với tôi. Dù kém phước do sinh ra ở vùng nông thôn thiếu ánh sáng Phật Pháp nên không được thấy hướng dẫn từ oai nghi tế hạnh và các nghi lễ trong chốn Thiền môn, khi gặp Thấy Minh Giác tôi chỉ mặc chiếc áo vạt khách, quý đánh lễ thấy mà không có lời tác bạch nào. Được thấy tiếp nhận, thấy gọi chú thị giả dẫn tôi xuống phòng tăng. Tôi hoàn toàn bờ ngỡ, vừa lạ chỗ vừa mặc cảm mình là người nhà quê. May sao nhờ phước duyên, quý thầy quý chú rất thông cảm với tôi và đến hỏi thăm làm quen rồi tận tình chỉ dạy những nghi lễ cần thiết.

Thời đó, thấy Minh Giác là chánh đại diện Giáo hội tỉnh Kiên Giang nên thường gọi là thầy Chánh. Hỏi chuyện, khi biết tôi ngay cả giấy khai sinh cũng không có, lúc đó trong phòng khách có Phật tử nam ăn

mặc rất lịch sự đến thăm, thầy nói “Đạo hữu giúp cho chú này làm khai sinh. Chú ở quê không có giấy khai sinh thì sao làm giấy hoàn dịch và các giấy tờ liên quan khác được?” Vài tuần sau tôi được quý thầy trong chùa hướng dẫn và mời má tôi ra dựng khai sinh trong một phiên tòa. Sau này tôi biết vị Phật tử đó là ông Huỳnh Trung Chánh, chánh án tòa án “Rộng Quển” tỉnh Kiên Giang lúc bấy giờ.

Sống ở Phổ Minh cùng với huynh đệ có niềm vui vì tăng chúng đông nhưng thấy ai cũng được đi học nên tôi tự ti mặc cảm mình là dân nông thôn quê mùa, cảm thấy tủi thân lắm. Suy nghĩ này khiến tôi buồn nhưng đó chính là động lực cho tôi cố gắng vươn lên.

* * *

Năm 1968, đại giới đàn chùa Phước Hậu thị xã Long Xuyên thấy Minh Giác hướng dẫn tôi và một số huynh đệ đi thọ giới, năm đó tôi được thọ giới Sa Di và tôi cũng phát tâm xin thọ Bồ Tát giới. Nhờ những lần đi với quý thầy, tôi nhận thức rõ hơn về đường tu của mình mà năm tháng xuất gia ở chùa Bửu Thọ tôi chưa hề nghĩ tới. Mỗi khi thấy huynh đệ đi học xa về thăm thấy Minh Giác, tôi thầm ao ước phải chi mình được đi học.

Duyên lành đến khi tôi gặp đoàn công tác Như Lai sứ giả của Giáo Hội đến chùa Phổ Minh trong đó có thầy Minh Thông và thầy Trí Tuệ ở Phật học viện Huệ Nghiêm ra đảo Phú Quốc hoằng pháp.

Tôi làm thị giả cho quý thầy, công việc của tôi là treo áp phích và băng rôn thông báo ngày giờ giảng Pháp cho Phật tử đến tham dự và cùng tháp tùng đi thăm một số chùa ở Dương Đông và An Thới. Trong lòng tôi rất mong muốn được biết về sự học hành ở thành phố như thế nào. Tôi lần la hỏi thăm thầy Minh Thông ở Phật học viện Huệ Nghiêm mà cũng không dám hỏi nhiều. May sao có thầy Minh Cảnh tính cách dễ chịu, gần gũi nên tôi mạnh dạn tỏ bày.

Sau chuyến tháp tùng cùng quý vị trong đoàn Như Lai sứ giả trở về, tôi xin đi học nhưng thầy Minh Giác nói “Con đi lên Sài Gòn sẽ khó mà tu lắm. Con còn trẻ, sống ở nông thôn quen rồi, nay đi xa thấy xa huynh đệ thấy không yên tâm chút nào.”

Hai lần thưa với thầy đều không được. Đến lần thứ ba, nhân dịp sư huynh Minh Cảnh trụ trì Niệm Phật Đường Liên Trì là đệ tử lớn của thầy về thăm, thầy tôi cứ hỏi thăm về chuyện học ở Sài Gòn, sư huynh hứa nếu tôi lên Sài Gòn thì sẽ cho tôi ở lại Niệm Phật Đường.

Một lần nữa tôi lại xin đi học. Thấy nói “Tùy con, thấy không muốn con đi xa nhưng con thích thì lên ở với Minh Cảnh cũng được.” Tôi mừng vô cùng và háo hức sửa soạn cho chuyến đi.

Buổi sáng sau khi công phu xong tôi lên đánh lễ thầy Minh Giác ba lạy. Thấy cho tôi tiền mua vé xe và đi đường, rồi dặn dò phải lo học hành vì cuộc sống thành phố có nhiều điều phức tạp. Tôi nghe mà lòng se thắt muốn bật khóc vì từ khi đi xuất gia đến nay là lần đầu tiên được có vị thầy khuyên bảo dặn dò đầy thương mến như vậy, còn sư huynh Huệ Trí thì mua giùm vé xe liên tỉnh Liên Trung và đưa tôi ra bến xe.

Mừng vui được đi học nhưng sợ má buồn vì con đi xa nên tôi không dám nói. Từ Rạch Giá lên Sài Gòn trên chuyến xe Liên Trung chạy ngang nhà, tôi viết vài dòng thư nhờ anh lơ xe gởi một người quen bên quốc lộ chuyển thư cho má, thư viết con đi học vài tháng rồi về. Tôi không dám nói đi học lâu sợ má và bà Tư già giữ chùa lo lắng chờ đợi, mà tôi thì đang là con chim sổ lồng tung bay chưa hẹn ngày quay về tổ. Tôi cứ nghĩ lan man mà nước mắt chảy dài, chắc má sẽ buồn khi đọc thư của tôi, từ nay má một thân một mình. Nhớ có lần giỗ ông ngoại, cậu Bảy tôi nói “Mày đi tu là bất hiếu bỏ mẹ già không ai nuôi dưỡng.”

Ngồi trong xe nhìn ra cảnh vật hai bên đường, làng quê thân quen xa dần ở phía sau, phà Vàm Cống rồi đến Mỹ Thuận người qua lại tấp nập khiến tôi thấy quá xa lạ và cũng quá ngỡ ngàng. Rồi xe chạy qua cầu Bến Lức, cây cầu mà khi học lớp hai tôi đã được học và chỉ nhìn qua hình trên sách nay hiện ra trước mắt, cây cầu bằng sắt bắc qua sông ...

Xe đến bến Miến Tây vào buổi chiều. Tôi nhìn qua bên trái thấy tấm bảng Phật học Viện Huệ Nghiêm đúng như trước đây thấy Minh Thông cho địa chỉ. Tôi hỏi hộ đi vô chùa và xin gặp thầy Minh Thông. Thấy Minh Thông rất vui vẻ, thầy chúc mừng tôi và kêu xe xích lô chở tôi đến Niệm Phật Đường Liên Trì.



...Tuy thấy Minh Giác không phải là vị thầy Bốn sư xuống tóc đặt pháp danh nhưng tôi ghi nhớ mãi ân tình và nghĩa cử của Thầy. Tôi đã xem thấy như vị ân sư trong đời tu của tôi vì chính nơi Phố Minh này tôi thực sự đã có cơ duyên làm được những điều tôi mong ước...

Gặp được vị thầy luôn luôn quan tâm dạy dỗ, chăm sóc từ oai nghi, lời nói tâm lý của người trẻ thì đó là một phúc duyên lớn trên con đường tu tập và đời tu của mình.

"... Đối với người xuất gia, không phải người nào đi tu cũng đều ý thức và giác ngộ được chân lý mà đi tu, nhất là mấy chú Sadi còn nhỏ tuổi, đi tu nhiều khi thấy vui vui mà đi; mấy người trung niên, đi tu vì chán chường, thất vọng trong cuộc đời... Nhưng dù cho lý do nào đi nữa, sau khi đi tu làm tròn bốn phận của người xuất gia, nghiêm trì giới luật, tu tập tinh tấn, đạt kết quả tốt trong đời sống tu tập thì vẫn được kính trọng như thường. Do đó, một người phát tâm xuất gia, nương theo thầy mà học đạo, là gởi trọn cả cuộc đời của mình cho thầy. Nên hay hư đều đặt tất cả niềm tin của mình vào thầy. Trừ những người có đủ nghị lực, có nhận thức đúng đắn về mục đích xuất gia của mình, còn lại đều phải nhờ vào sự

giáo dục, hướng dẫn của bậc thầy. Cho nên, bốn phận và trách nhiệm của người thầy thật vô cùng quan trọng.

Người Tây Tạng khi mới vào đạo không phải thọ tam quy mà "tứ quy". Ngoài Phật, Pháp và Tăng (chỉ cho Tăng bảo Tăng đoàn), người Tây Tạng chú trọng đến người thầy "hướng đạo" của mình, tức vị bốn sư, đó là người thầy tâm linh cao cả mà họ tin tưởng gởi trọn cả đời mình cho vị thầy ấy, gọi là "Quy y Kim cang thượng sư". Chúng tôi nghĩ, không riêng gì người Tây Tạng, mà tất cả chúng ta, những người mới bước chân vào đạo đều cần có một người thầy hướng dẫn tâm linh cho mình. Bởi vì, mặc dù giáo pháp đức Phật dạy rất rõ ràng, nhưng không phải ai cũng có thể lãnh hội trọn vẹn và thực hành đúng đắn, nhất là trong vấn đề thực nghiệm tâm linh. Vì thế, vai trò của người thầy hướng đạo vô cùng quan trọng..."

(Trích bài "Tư Cách Làm Thầy"
của Đại Đức Nguyên Hùng)



Nhớ má nhớ chùa làng quê



Niệm Phật Đường Liên Trì nằm trên tầng ba chung cư Nguyễn Thiện Thuật.

Ngày đầu tiên đi từng bước trên cầu thang, ngang qua những bức tường còn thơm mùi mới và len lén nhìn vô cửa sổ những căn hộ, tôi ngạc nhiên lắm, san sát nhà cửa liến kề nhau và người ta đi lên đi xuống đi qua đi lại, tiếng trò chuyện cười nói và con nít rượt đuổi nô đùa, vậy thì tu làm sao? Đến khi bước vào trong Niệm Phật Đường thì tôi càng ngạc nhiên hơn, tường chùa thành phố thì phải khác lắm, ở thì cũng đúng là khác với chùa quê lắm, nhưng mà... nếu không có bàn thờ Phật và các chú mặc đồ màu lam thì cũng giống như là một căn hộ sát vách tường căn hộ kế bên.

Ngày ngày, người ta đi qua đi lại trên hành lang nhỏ hẹp trò chuyện râm ran, mấy bà mấy cô đi chợ về hỏi han nhau hôm nay có gì ngon rồi vạch giỏ khoe

mới mua con cá tươi lắm, có người xách gà mèn thức ăn bay mùi món mặn...

Lạ chỗ lạ nơi, nhớ má nhớ chùa làng quê... Những ngày mới đến, chiều tối, tôi hay ra đứng ở hành lang chung cư tỏ vẻ như là mình đang nhìn ngó xuống sân, thật ra là để huynh đệ không thấy tôi khóc. Lau nước mắt mà nước mắt cứ chảy tràn. Má tôi hiện ra trong tâm trí, miệng má cười vui đỏ màu trầu cay “Mừng con được đi học như ý nguyện rồi” bỗng mắt má đỏ hoe “Tuốt luốt thành phố vậy mà không về ăn với má bữa cơm rồi hăng đi hả con?” Hình dung má khi nhận thư của tôi nhờ người lơ xe đưa, má cầm lá thư tất tả đi tới nhà bà dì Bảy kêu đứa cháu đọc thư cho má nghe, tức là cả nhà bà dì Bảy cùng nghe. Bà dì Bảy của má tôi nói “Cái thằng Khánh cũng tội nghiệp một thân một mình đi lên Sài Gòn không biết ở trên đó có ai lo cho không?” Chẳng nói năng gì, má lấy lại lá thư từ tay đứa cháu, xếp lại, cất vô túi áo, rồi má đi về... Má đi về nhà, một mình, từ nay đúng là má chỉ một mình. Từ ngày tôi đi tu ở chùa Bửu Thọ, nói là đi tu ở chùa nhưng mà chùa gần nhà, ngày nào tôi cũng chạy về phụ giúp má việc này việc kia. Nay thì tôi không còn gần nhà để thường xuyên về thăm má được nữa.

Không nói năng gì là tính ít nói của má thôi, chứ tâm trí má thì lo lắng, tôi biết mà, má sẽ hỏi han người

này người kia như từ trước tới nay má luôn dò hỏi để biết sắp có chuyện gì hay đang có chuyện gì xảy ra với con của mình mà kịp thời lo liệu đỡ đần. Nhưng giờ đây tôi ở tận Sài Gòn xa xôi, má biết đường nào mà hỏi?

Má có khóc nhớ tôi không?

Có. Tôi biết má thương tôi lắm.

Mà tôi chẳng làm được gì. Ngay cả cuộc sống ở đây tôi vẫn còn bối rối chưa thích nghi được, mừng vui được sống ở thành phố để tu học mà đến đây rồi thì cảm thấy hụt hẫng vô cùng. Khuya, thức dậy công phu, tâm trí tôi khó tập trung vì ý nghĩ mình đang làm ồn giấc ngủ của hàng xóm.

Hãy nghĩ là hàng xóm được phước vì nghe tụng kinh – sư huynh Minh Tâm vui vẻ nói – Vậy nên huynh đệ mình gắng tụng cho hay, biết đâu hàng xóm nhờ vậy mà thuộc được vài bài kinh hay thì chẳng tốt cho họ sao?

sư huynh Minh Tâm nói chuyện kiểu như vậy khiến ai cũng thấy vui và dễ gần. Cùng quê và lớn hơn tôi bốn tuổi, sư huynh Minh Tâm thân tình trò chuyện giúp tôi bớt nhớ nhà và bớt nỗi xa cách ngại ngùng.

Không biết những người sống trong căn hộ bên kia vách tường có nghĩ theo hướng lạc quan như sư

huynh Minh Tâm không, nhưng có lẽ đã quen với tiếng chuông mõ ngay từ những ngày đầu ngôi Niệm Phật Đường dời lên đây nên tôi không nghe than phiền gì. Mừng một và rằm họ tới lễ Phật thắp nhang, gặp nhau trên hành lang, tôi chấp tay chào “Mô Phật” và họ cũng cúi đầu chào lại.

Rồi thì tôi cũng quen dần với cuộc sống ở chung cư, tâm trí tôi thôi lảng xáo động về phía bên ngoài. Nhưng bên trong Niệm Phật Đường thì không thể không nghĩ ngợi hoang mang...

Có lẽ tại tôi mơ tưởng nhiều. Tôi đã tưởng được sinh hoạt trong một ngôi chùa thành phố thì mình sẽ học hỏi được bao điều tốt đẹp, các huynh đệ đã ở lâu năm nơi này hẳn giỏi giang thấu suốt nhiều điều hay lẽ phải nên họ sẽ là những tấm gương cho tôi noi theo.

Thực tế trần trụi

 Mơ tưởng vỡ tan, tôi bước vô thực tế trần trụi là huynh đệ chúng tôi chẳng ai làm gương cho ai được! Ngoài ngày hai thời công phu và thời Tịnh độ buổi tối thì thấy trụ trì Minh Cảnh phân công cho chúng tôi công việc đi chợ nấu cơm lau dọn, chẳng khác gì chùa quê. Thật sự là công việc chẳng có gì nhiều, bữa cơm đạm bạc tương chao đơn sơ nên việc nấu nướng dọn dẹp chẳng mất mấy thời gian, lau nhà cũng vậy, diện tích nhỏ hẹp nên chỉ vài lần quơ giẻ là xong. Nhưng chẳng hiểu sao huynh đệ thường hay tị nạnh và sinh mâu thuẫn nói qua nói lại, tôi thì không dám nói gì ai, đành ôm nỗi buồn trong lòng.

Mãi sau này tôi mới hiểu, chúng tôi khi đó là thanh niên tuổi mười tám đôi mươi, chọn con đường tu hành cho mình nhưng chúng tôi còn non nớt quá, chưa được tu tập sâu sắc để biết cách chuyển hóa chướng duyên

bên ngoài cùng với chuyển hóa nội tâm và những nhu cầu tâm sinh lý bình thường do tạo hóa sinh ra. Mà vì không tự biết cũng như không được ai hướng dẫn dạy dỗ cho biết, cho nên những ẩn ức đó tìm lý do để bộc phát và vậy mới sinh ra cãi cọ bực bội. Chúng tôi cứ như những người mù đi trên đường, khi thì để người khác va đụng trúng mình, khi thì mình va đụng người khác, và khi thì chính mình tự vấp té...

Nhưng sự non nớt của chính chúng tôi chỉ là một phần, chính yếu là vì chú Minh Thống và chú Minh Phạm là hai người em ruột của thầy trụ trì Minh Cảnh, cùng tu cùng là Sa di như chúng tôi nhưng ý thể anh mình là trụ trì nên hai chú ấy rất cống cao hống hách, coi huynh đệ chẳng ra gì, nhiều khi khiến chúng tôi tủi thân như mình chỉ là người ở nhờ nhà riêng của hai chú ấy vậy!

Tệ hơn nữa, thầy Minh Cảnh còn có người em ruột tên Thăng đi lính, làm việc hành chính ở Bộ Tổng Tham Mưu, người này thường xuyên về Niệm Phật Đường ngủ lại, còn đem theo bánh trái và đồ hộp mặn của Mỹ bày ra ăn uống chẳng khác chi đây nhà riêng của mình, còn tỏ ra hào phóng mời mọi người cùng ăn! Đây quả là một thử thách đáng ngại, mùi vị tỏa lừng trong không gian chật hẹp... Tôi không bị mùi vị của

món mận này quyến rũ nhưng không phải huynh đệ nào cũng giữ được mình.

Sau những bữa ăn đêm của người lính này, tôi thẩm trách thấy Minh Cảnh. Tốt bụng và luôn sẵn lòng khi tăng chúng cần sự giúp đỡ vật chất, nhưng tại sao thấy không hiểu được sự giúp đỡ mà chúng tôi cần nhất trên đường tu là gì? Tại sao thấy lại để các em ruột của mình phá vỡ mọi quy tắc nề nếp chốn tu hành? Tại sao thấy để cho tăng chúng phải đối diện với những thử thách không đáng có.

Cũng có Phật tử nói tới lui với thầy Minh Cảnh về các em của thầy, nhưng có lẽ thấy cho đó là những chuyện nhỏ nhặt lật vạt va chạm thường tình giữa tập thể những người trẻ tuổi nên thấy chỉ nhắc nhở xuê xoa qua loa rồi thôi khiến sự việc cứ vậy mà lặp đi lặp lại khiến ai cũng nản lòng.

Trong thời điểm đó những cuộc tranh đấu của Phật Giáo đòi Mỹ rút quân ra khỏi miền Nam, nên hầu như ngày nào cũng có mùi khói lựu đạn cay của cảnh sát giải tán đoàn biểu tình khiến huynh đệ sinh tâm lý bất an.

Giữa bao nỗi hoang mang đó, tôi có được niềm vui là được đi học trường Bồ Đề. Trường có hai dãy, mỗi

dây có bốn tầng. Lớp tôi học nằm ở tầng hai, giờ ra chơi đứng trên ban công nhìn xuống sân trường trắng xi măng và lát gạch sạch sẽ nhưng ít có học trò chạy chơi trên sân vì nắng, tôi se lòng nhớ ngôi trường mái lá quê mình giờ ra chơi náo nức với bao trò chơi...

Sư huynh Minh Tâm và tôi cùng lớp đệ thất. Nhớ ngày đầu tiên, khi học sinh đứng dậy chào, cô giáo Lê Thị Thanh dạy Lý - Hóa cứ ngạc nhiên nhìn sư huynh Minh Tâm cao to lừng lững giữa những học sinh được đi học đúng tuổi. sư huynh Minh Tâm rất xấu hổ và tôi cũng vậy.

Nhưng tôi vượt qua được nỗi xấu hổ còn sư huynh Minh Tâm thì không, đi học được vài tháng thì sư huynh nghỉ. Tối lớp thì mặc cảm còn về Niệm Phật Đường thì bị các em của thầy trụ trì ý thể gây khó dễ, trong chúng không thuận hòa, sư huynh Minh Tâm chán nản bỏ về quê. Tôi phải xa một người bạn đồng hành ngày ngày cùng tới trường và đêm đêm cùng thức khuya học bài làm bài, phải xa một người bạn đồng tu cùng quê cùng ước vọng khát khao cầu tiến. Tôi buồn lắm.

* * *

Thình thoảng tôi theo thầy trụ trì đi tụng kinh đám tang, và thình thoảng có Phật tử thấy thương mấy chú ở

quê lên thành phố học nên họ cho tiền, ngoài mua sách vở học hành, tôi để dành tiền mua vé xe về quê thăm má. Tôi chọn đi vào mùa hè được nghỉ học để được ở với má nhiều ngày.

Nhìn thấy tôi, má mừng mừng tủi tủi. Bà Tư già coi chùa kể lại, má nghe người ta nói ở Sài Gòn tình hình lộn xộn bất ổn lắm nên má rất sốt ruột lo lắng cho tôi. Má qua nhà một người bác lên xác cô Năm hỏi xem tôi có bị gì không mà sao không nghe gì hết nên má càng lo lắng hơn.

Miền Tây làng quê tôi đó đây có một cái am, người ta tin là có một người nữ hay nam thường mượn xác nhập vào và tự xưng cô Năm, cậu Bảy, ông Lục... Những ông bà trong am này cho bùa trị bệnh và bốc thuốc nam cho những người nhẹ dạ cả tin.

Thời đó, ngang qua nhà ai thấy kê một cái ghế đầu, bên trên đặt cái mâm có bát hương và bông trái và con dao với cái thớt là biết trong nhà có người bị bệnh! Bệnh nhẹ cúng đầu heo thì con dao nằm trên cái thớt! Còn nếu bệnh nặng thì cúng nguyên con heo và con dao cắm thẳng đứng trên cái thớt! Sự cầu cúng mê tín này cho tới nay đã giảm nhiều nhưng thỉnh thoảng vẫn còn thấy.

Má nhớ tôi quá nên thỉnh thoảng má tới nhờ nhập xác cô Năm để hỏi thăm về tôi, nghe bà Tư già nói vậy mà tôi thấy mình nợ má nhiều lắm. Công việc nhà bình thường tôi đã không giúp má được, còn khiến má phải lo lắng tìm tới sự linh thiêng của một đấng thần linh nào đó vì không còn cách nào khác để gỡ gạc tình cảm mong mỏi lo lắng cho đứa con của mình.

Ban ngày tôi ở nhà phụ giúp má già bấp và ngâm bấp còn buổi tối tôi qua chùa ngủ. Có khi má nói tối nay ở nhà với má cho vui, thì tôi ngủ nhà một đêm, qua hôm sau tôi đã thấy nhớ chùa. Thương má lắm nhưng mà tôi thích ở chùa hơn. Ngẫm lại, từ khi xuất gia, mỗi lần về thăm má chưa bao giờ tôi ngủ hai đêm liên tiếp ở nhà.

Thăm nhà được vài tuần thì tôi trở lại Sài Gòn. Bước chân vào Niệm Phật Đường, tôi hoan hỷ chào huynh đệ nhưng cảm thấy không khí nặng nề, mới biết có huynh vừa bỏ về quê nhà ở Bình Định. Tôi không biết chính xác khi mình vắng mặt đã xảy ra chuyện gì nhưng nghe kể lại câu này câu kia thì lý do chính cũng không ngoài cách xử sự hống hách của hai người em thấy trụ trì.

Tôi nghe mà buồn quá, nhưng tôi không còn mơ tưởng nữa, tôi biết thực tế là vậy và tự nhủ lòng mình

dù sao đi nữa cũng quyết ở lại để tiếp tục việc học. Nhưng tôi không ngăn được mình đôi lúc nhìn quanh vợ vắng, vì mới hôm nào huynh đệ còn đầy tì tề tâm sự về chọn lựa đường đi của mình, mà nay chẳng biết đã về đâu.

Hỏi thầy Minh Cảnh tại sao chùa mình hay xảy ra chuyện không vui? Thấy Minh Cảnh thở dài, là trụ trì tâm lượng yêu thương hết lòng chăm lo việc ăn ở cho tăng chúng mà đành nhìn tăng chúng lần lượt bỏ mình mà đi, đau lòng lắm, nhưng biết làm sao, thấy không nghiêm khắc dạy dỗ các em của mình được nên cũng không thể thuyết phục được tăng chúng tin là thầy có thể giải quyết được vấn đề.

Tôi được thấy Minh Cảnh thương mến tin tưởng nên nhiều khi thấy tâm sự với tôi về con đường tu hành, thấy nói không riêng gì chùa của mình mà các nơi khác cũng xảy ra những điều khó nói, lại thêm tình hình chiến sự nhiều nổi, ngày nào cũng phải hít mùi khói lựu đạn cay của cảnh sát giải tán đoàn biểu tình. Thế sự nhiều nhương nhân tâm khó lường, nội bộ Phật giáo thì phân hóa...

Một hôm, thầy Minh Cảnh nói với tôi là sẽ “buông bỏ hết muôn duyên”(phóng há vạn duyên) để lên rừng

ẩn tu. Nói là làm, thấy bán hết vật dụng cá nhân như chiếc xe Honda Dame, tivi, tủ lạnh... quyết tâm ra đi. Thấy giao Niệm Phật Đường lại cho người em là chú Minh Thống quản lý.

Mùa hè 1972 tôi theo thầy Minh Cảnh đến Đại Ninh gặp một vị minh sư từng sống ở Sài Gòn nhưng Ngài đã bỏ hết mọi tiện nghi để lên rừng dịch kinh viết sách về Tịnh độ như Niệm Phật Thập Yếu, Lá Thư Tịnh độ, Tịnh Độ Thập Nghi Luận... Đó là hòa thượng Thích Thiện Tâm.

Năm 1964, hòa thượng Thiện Hòa mở Trường Chuyên khoa Phật học tại chùa Huệ Nghiêm, Bình Chánh, Sài Gòn. Hòa thượng Thiện Tâm và hai vị Thanh Từ, Bửu Huệ được mời giao đảm trách việc giáo dục học tăng. Song song đó, các ngài còn phụ trách giảng dạy cho học ni tại Phật học viện Dược Sư. Ngoài ra, ngài còn giảng dạy tại Phân khoa Phật học thuộc Viện Đại Học Vạn Hạnh.

Năm 1967, hòa thượng Thiện Tâm buông bỏ hết để đến Đại Ninh, ấp Phú An, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, kiến thiết Tu viện Hương Nghiêm, và lập Hương Quang tịnh thất trong khuôn viên tu viện để chuẩn bị cho giai đoạn ẩn tu.

Tu viện Hương Nghiêm ở Đại Ninh cách Đà Lạt khoảng 50 cây số, từ quốc lộ 20 qua cầu Đại Ninh đi xuống con dốc nhỏ có con đường mòn đi vào khoảng năm trăm mét. Tu viện Hương Nghiêm nằm trên một dốc thấp, bên trong chánh điện chỉ thờ Đức Di Đà đứng phóng quang và Quan Âm Thế Chí. Khi sư huynh Minh Cảnh và tôi đến, tu viện còn hoang sơ, ngôi chánh điện đang còn xây dựng dở dang. Hai bên đường có những hàng thông mọc tự nhiên, cây cối khá rậm rạp. Vào sâu thêm khoảng vài chục mét có bốn cái thất của quý thầy lớn đó ẩn tu, mỗi thất cách xa nhau vài chục mét, tất cả đều bằng vách tường lợp ngói. Đi tiếp đến một con suối lớn, bên bờ là ngôi tịnh thất bằng lá nơi vị Thị giả ở và cũng là chỗ nấu nướng, phía trên dốc thoải thoải nhìn chéo qua là ngôi tịnh thất Hương Quang mà hòa thượng thường ở đó dịch kinh và viết sách.

Quan sát những ngôi thất được xây dựng lên trong khu đất, thấy Minh Cảnh rất hoan hỷ vì tâm nguyện của thầy cũng muốn cất thất ẩn tu tránh xa chốn thành thị nhiều phiền toái. Nhưng sau khi đến đó một tuần, chứng kiến việc tranh chấp đất đai giữa nội bộ quý thầy trong tu viện đến mức phải đưa nhau ra đến chính quyền xã, thấy Minh Cảnh rất thất vọng, đã buông bỏ mà còn dính vào sự tranh chấp như người thế tục thì

sao gọi là buông bỏ? Thấy Minh Cảnh cảm nhận thực tế nơi này trái ngược với những suy nghĩ của mình trước đây, khi chưa đặt chân đến.

Tâm nguyện và con đường ẩn tu của thầy Minh Cảnh trước khi lên Đại Ninh xem như hoàn toàn sụp đổ, thế là thầy lại cùng tôi quay trở về Sài Gòn, xem như ước nguyện không thành.

Trước khi về, thầy Minh Cảnh và tôi qua thất đánh lễ hòa thượng Thiển Tâm, ngài trò chuyện về chuyên tu và sinh hoạt Giáo hội và làm Phật sự.

Lời của hòa thượng tôi nhớ mãi nhưng lúc đó tôi chưa ý thức được thế nào là chuyên tu, thế nào là sinh hoạt Giáo hội và làm Phật sự. Quý mến thầy Minh Cảnh nên thấy đi đâu thì tôi đi theo vậy thôi, chứ con đường trước mắt của tôi là mong muốn được học hành hiểu biết, tôi không chấp nhận làm một ông thầy tu quê mùa lạc hậu... Nhưng sự học của tôi vẫn chưa đi tới đâu, tôi vẫn đang trên con đường tìm kiếm, vậy nên hòa thượng nói gì tôi cũng lễ phép vâng dạ mà trong lòng chưa hề có một khái niệm “chuyên tu” và ngay cả “thế nào là tu” tôi cũng chưa hình dung rõ ràng được. Ở Niệm Phật Đường Liên Trì tôi chứng kiến những người tu không như tôi từng nghĩ và tại tu viện Hương

Nghiêm này thấy Minh Cảnh cũng gặp những chuyện mà người đi trước chúng tôi cũng đang vướng vào, vậy làm sao để hiểu “thế nào là tu”?

Sau này, nhớ về thấy Minh Cảnh thì tôi cũng nhớ bài thơ được cho là của thi hào Tô Đông Pha, đời Đường (Trung Quốc), bài thơ “Lô Sơn” nói về cuộc sống “đứng núi này trông núi nọ.”

Dịch thơ:

Lô sơn yên tỏa Triết giang triểu

Vị đảo sinh bình hận bất tiêu

Đảo đặc hoàn lai vô biệt sự

Lô sơn yên tỏa Triết giang triểu

(Thấy Tuệ Sỹ dịch)

Dịch nghĩa:

Mù tỏa Lô Sơn bóng Chiết Giang

Khi chưa đến đó hận muôn vàn

Đến rồi về lại không gì khác

Mù tỏa Lô Sơn bóng Chiết Giang

* * *

Nơi gương thấy Minh Giác ở chùa Phổ Minh, thấy Minh Cảnh cho tất cả tăng chúng ở Niệm Phật Đường

Liên Trì đi học. Người học buổi sáng kẻ học buổi chiều, rất thuận lợi và hợp lý cho việc thay nhau nấu cơm dọn dẹp. Nhưng hay xảy ra chuyện là mấy huynh đệ đi học buổi sáng và có huynh đệ đi học buổi chiều như tôi nhưng nhờ có xe đạp nên về sớm hơn, các vị ấy dùng cơm trước mà không quan tâm tới người chưa về. Tôi và huynh đệ ăn sau có hôm chỉ có cơm và muối ớt, ngay cả nước tương cũng không còn. Thật ra, chuyện ăn thì có thể thừa với sư huynh Minh Cảnh để xin thêm tiền mua tương mua rau, nhưng tôi nghĩ đạm bạc thiếu thốn không phải là lý do, chính anh em của thầy trụ trì ứng xử không khéo khiến sự việc dần dần trượt xa khỏi nề nếp cần có, huynh đệ không giữ được lòng tin cậy quan tâm đến nhau như ước nguyện trong sáng ban đầu, bỏ để tâm không được tưới tẩm nên hạt giống xấu của tính ích kỷ có cơ hội mọc lên, lây lan...

Mỗi khi có huynh đệ tỏ ý bỏ đi, tôi cũng dao động lắm, lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Nhưng tôi đã chọn ở lại.

Và cuối cùng thì tôi cũng phải ra đi. Ganh tị với tôi vì được thầy Minh Cảnh thương mến tin cậy rủ cùng đi Đại Ninh nên từ khi tôi trở về, chú Minh Thống hay kiếm cớ gây chuyện với tôi. Chuyện xảy ra lâu rồi nên tôi không nhớ rõ chi tiết, chỉ nhớ là chú Minh Thống rất nặng lời và giáng cho tôi một cái bạt tai...

Ra đi, lòng rất buồn và lo lắng chưa biết ngày mai ra sao, nhưng tôi không để mình thất vọng buông xuôi bỏ về quê. Tôi xin nhập chúng Niệm Phật Đường Huệ Quang, phường Cư Xá Đô Thành đường Nguyễn Đình Chiểu (Phan Đình Phùng cũ) do thầy An Ngộ trụ trì . Ngày tôi đành lễ xin rời đi, thấy Minh Cảnh buồn buồn chẳng nói năng gì, tôi cũng buồn lắm.

Thế là tôi tạm biệt thầy Minh Cảnh, tạm biệt Niệm Phật Đường Liên Trì, nơi chốn đầu tiên cho tôi nương náu khi mới từ làng quê chân ướt chân ráo đến thị thành. Có lẽ chính cuộc sống đầy mâu thuẫn tại đó là một bài học lớn cho tôi.

* * *

Trích "Nói với người xuất gia trẻ tuổi" của Thiền Sư Nhất Hạnh

"... Động lực xuất gia, như vậy, là tâm thương yêu. Tâm thương yêu buổi ban đầu rất hùng tráng, và vì thế chúng ta có cái cảm giác rõ ràng là nếu không đi tu thì chúng ta chịu không nổi. Tại vì cái năng lượng gọi là Bồ Đề Tâm đó hùng hậu vô cùng. Năng lượng ấy muốn chúng ta sống cuộc đời ta như thế nào để ta có thì giờ và khả năng làm vui bớt những nỗi khổ quanh ta. Vì vậy cho nên Tâm Bồ Đề là một ước muốn lớn. Ước muốn đó cần được nuôi dưỡng. Còn nếu chỉ vì muốn trốn tránh những đau khổ trong cuộc đời mà đi tu thì động lực thúc đẩy ta đi tu không phải là nguồn năng lượng của Bồ Đề Tâm, vì tuy đã xuất gia, đã mặc áo người tu, nhưng ta không có cái năng lượng cần có của một người xuất gia.

Bồ Đề Tâm phải được nuôi dưỡng trong đời sống hàng ngày. Nếu không, nó sẽ bị xói mòn. Vì vậy sống đời xuất gia trong một môi trường không thuận lợi có thể là một nguy hiểm lớn. Nếu không có môi trường thuận tiện, không có tăng thân giỏi, không có thầy hay, không có pháp môn thực tập hữu hiệu, hoặc có vấn đề với thầy, giận sư anh, giận sư chị, giận sư em, ngày nào cũng khổ đau, cũng khóc, thì chỉ trong một thời gian nào đó thôi, ta sẽ thấy Bồ Đề Tâm của ta bị xói mòn và ta sẽ ra đời. Do đó cho nên vấn đề môi trường tu học là vấn đề rất quan trọng. Ta phải tìm ra được một môi trường trong đó Bồ Đề Tâm của ta được nuôi dưỡng hàng ngày..."

Thương con Không nói thành lời

 Tình hình Phật giáo ở Sài Gòn lúc đó có những cuộc biểu tình xuống đường chống chiến tranh và có khi va chạm với cảnh sát. Ai đó nói với má là tôi bị bắn chết trong vụ đàn áp Phật giáo, má khóc hết nước mắt.

Khóc vì tưởng tôi đã chết, mà rồi thì má nhờ em của ba tôi là chú Tám lên tận nơi tôi ở xem hư thực ra sao? Gặp nhau đúng lúc tôi đi học về, chú Tám rơm rớm nước mắt nói “Má cháu nói cháu bị cảnh sát bắn chết vì đi biểu tình rồi, người ta nói rõ ràng tên họ của cháu làm má cháu khóc hết nước mắt rồi nhờ chú lên đây hỏi mấy thầy xem có thiệt không?”

Hôm sau, tôi xin phép thầy trụ trì về quê với chú Tám để má nhìn rõ mặt tôi cho yên lòng. Lúc thấy tôi, ai cũng mừng vì tin đồn thất thiệt không phải sự thật. Má lại khóc, lần này là khóc vì vui.

Qua chủ Nhật thì tôi phải vội trở lại Sài Gòn vì thứ hai còn đi học. Muốn thăm má được dài ngày thì phải đợi tới mùa hè. Nhớ má, nhưng tiền mua vé xe mắc mớ nên mỗi năm tôi chỉ về một lần vào mùa hè. Má bây giờ nuôi nấng hai đứa cháu ngoại là con của chị Ba gởi về nhờ má lo ăn học, má còn gởi tiền phụ giúp anh Hai. Anh Hai đã đi thêm bước nữa và má cũng đã có thêm cháu nội. Vậy nên khi có việc phải xin tiền má thì tôi rất ngại vì biết má phải lo toan đủ thứ.

Thời đó, ngoài hai bữa cơm chùa còn lại mọi nhu cầu khác đều phải tự túc, tôi gặp không ít khó khăn. Tôi chỉ có hai bộ quần áo vật hồ và một chiếc áo nhứt bình bằng vải kate 500 màu lam, chiếu thứ Bảy đem giặt để sáng thứ hai đi học, cái áo càng ngày càng mỏng vì giặt nhiều lần mà tôi thì không có cái nào khác để thay đổi.

Mỗi lần tôi về thăm má rất mừng tuy không vui ra mặt, vì tính má trầm lặng. Có lẽ tháng năm dài sống đơn độc khiến má ngày càng ít nói. Nhưng lòng thương con không nói thành lời thì cũng bộc lộ theo cách khác. Khi tôi chuẩn bị quay lại Sài Gòn, má qua nhà hàng xóm hỏi mượn tiền cho tôi. Tôi muốn bật khóc vì quá thương má. Tôi nói “Con chỉ xin đủ tiền xe thôi, còn bao nhiêu má giữ lại đi vì con đâu có mua sắm gì.” Má

ôm tôi khóc. Má tự biết con của mình sống thiếu thốn lắm, má tự biết tôi phải tiết kiệm tiền ra sao, má tự biết tôi cố gắng vượt qua nghèo khó như thế nào...

Và tôi biết mình phải cố gắng nhiều lắm.

Thầy Bốn sư - hội ngộ & biệt ly

 Mùa hè năm 1971 như thường lệ tôi từ Saigon về quê thăm má thăm chùa, tình cờ cũng là dịp thầy bốn sư của tôi trở lại chùa sau ba năm xa cách. Thấy trò gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Biết tôi đang được học hành ở thành phố, thầy vui lắm. Thân thể thầy vẫn gầy gò như ngày ra đi và đôi mắt vẫn ắp ử niềm lạc quan như ngày nào. Thầy nói với má tôi “Cô Năm¹ hộ gạo cho tôi ăn một tháng nghe?” Má tôi đáp lời “Thầy là thầy của con tôi. Tôi tuy nghèo nhưng gạo thì không thiếu. Tôi sẽ hộ gạo cho thầy. Thầy hãy yên tâm.”

Thầy lại bày ra làm mộc và người dân lại tới chùa thuê thầy đóng bàn ghế giường tủ... Sân chùa như một xưởng mộc, cả bên trong cũng vậy. Trời nắng thì thầy bày ra sân làm cho rộng rãi còn trời mưa thì dọn gỗ

¹Về phía bên ngoại, má tôi là người con thứ năm trong gia đình nên họ hàng bên ngoại gọi má là chị Năm, cô Năm.

ván vò trong cho khỏi ứ đọng. Giữa những thời kinh vang tiếng chuông tiếng mõ là tiếng cửa xoèn xoẹt tiếng đục chan chát tiếng đóng đinh cốp cốp...

Sáng ra, sau thời công phu tôi về nhà giúp má việc chuẩn bị cho buổi chợ sớm cho tới chín giờ thì tôi quay về chùa phụ giúp thầy những việc lật vật như sắp xếp gỗ cửa bào đục đầu vào đó để khi thấy cần món đồ nghề nào thì có ngay trong tầm tay, cái tủ cái bàn nào thấy rập nổi xong thì tôi chà giấy nhám cho gỗ ván láng mặt. Trưa, tôi nấu cơm, thấy trò ăn xong thì tôi về nhà phụ má già bắt rồi quay về chùa cúng thí thực rồi quét dọn dăm bào và nấu cơm chiều.

Suốt một tháng, ngày nào cũng vậy, ngoài những khi tôi về nhà phụ giúp má thì thấy trò bên nhau cùng làm việc này việc kia. Lúc nghỉ tay uống nước, thấy nhìn ngó mái chùa ở chỗ hôm qua trời mưa bị dột, thấy rờ rẫm bức vách lá bị mục thọc nắm tay xuyên qua... Thấy bấm đốt tay tính toán đóng xong cái bàn này sẽ có chừng này tiền không biết có đủ mua được mấy tấm tôn lợp lại phần mái bị dột không? Đóng xong cái tủ và cái giường kia thì có đủ tiền mua lá lợp lại bức vách không?... Thấy vui vẻ lắm, và nhanh nhẩu nữa. Cứ như thấy quyết hoàn thành việc sửa chùa trong một tháng trước khi lại đi Hòn Nghệ tiếp tục tịnh tu.

Những khi thấy ngừng tay uống trà, tôi hay hỏi chuyện Hòn Nghệ. Thấy kể nơi thấy lưu trú là một hang đá, phía trên hang là đỉnh núi có tôn tượng Bồ tát Quán Thế Âm cao khoảng 20m người đi biển có thể nhìn thấy như một ngọn hải đăng. Sau thời tu tập buổi sáng thấy thường đi dạo quanh bờ biển nghe tiếng sóng vỗ vào vách núi đều đặn mỗi ngày như đó cũng là một thời kinh, thấy tâm mình rất bình an.

Tôi hỏi về đời sống thường ngày thì sao. Thấy kể có bốn vị sư cùng tu ở đó. Thấy có một người cháu gọi bằng bác cung cấp gạo, vào mừng một và rằm vợ chồng người cháu thường nấu xôi chè mang lên cúng dường, còn rau thì các thầy tự trồng. So với cuộc sống trong đất liền thì không được thuận tiện bằng nhưng không khí thiên nhiên của biển cả và ít người lui tới nên việc công phu tu tập thuận lợi hơn nhiều.

Những buổi tối khi thời khóa tịnh độ xong, thấy trò lại ngồi tâm sự, thấy hỏi han tôi việc học hành ở Sài Gòn ra sao. Tôi kể, so với các bạn cùng lớp con lớn tuổi hơn, còn chỗ ở thì không được thoải mái rộng rãi so với chùa mình. Thấy nói hồi còn trẻ công việc mưu sinh khiến thấy phải đi đây đó nhiều nhưng đặt chân tới Sài Gòn thì chưa, con may mắn được về đó học thì phải cố

gắng nhiều hơn nghe. Rồi thầy hỏi tiếp, trong chúng tăng có ai nặng nhẹ với con không? Tôi cũng thành thật kể lại là dù đã xuất gia nhưng có vị ý thế ở lâu và thân thiện với thầy trụ trì hơn nên xử sự không vui gây bất đồng lời qua tiếng lại ăn hiếp người mới.

Thầy cười và nói lúc nhỏ thầy có luyện võ cổ truyền do một người bạn dạy như là một phương cách luyện tập thân thể và cũng để phòng thân trong lúc phải đi biển hoặc vào rừng đốn củi, con cố gắng học thầy sẽ truyền lại cho vài thế võ để phòng thân. Tôi đáp lời, con sống trong chùa ở thành phố, huynh đệ xích mích gì thì lần hồi cũng qua, có phải đi rừng đi biển gì đâu mà học võ phòng thân. Thấy vẫn cười, ờ, thì coi như rèn luyện thân thể cũng tốt mà.

Nhưng chưa kịp dạy tôi thế võ nào thì thầy đã ra đi. Ngày hôm trước, khi nghỉ tay uống nước, như thường lệ thấy ngược nhìn lên mái những chỗ bị dột và nhìn quanh bức vách những chỗ bị mùn thâm sì, rồi thầy nhìn cái tủ chén vừa đóng xong và bấm đốt tay tính toán có được bao nhiêu tiền... Thấy thờ dài nói với giọng buồn buồn, chùa mình hư hỏng nhiều quá, chắc là thầy ở lại đây luôn để lo sửa sang chứ không đi Hòn Nghệ nữa. Qua hôm sau là đúng một tháng trôi qua

như lời thầy nói má tôi hộ gạo, khoảng tám giờ tối ngày mừng hai tháng năm, thầy đi đến nhà chị Hai Thuận cách chùa khoảng một trăm mét trả cái cửa mà cách đó mấy hôm thầy mượn về đóng cái tủ chén cho một người trong xóm. Khi trở về chùa, thầy nói “Thầy cảm thấy nhức đầu quá, chắc là trúng gió.” Tôi nhìn thấy thầy mồ hôi ướt áo bèn chạy qua kêu anh Năm Đồn nhà ở kế chùa nhờ cạo gió.

Tôi đỡ thầy, tay này ôm người tay kia vén vạt áo để anh Năm Đồn cạo gió. Anh cạo tới đâu da thấy chảy xệ tới đó. Khoảng mười phút sau, không nói lời nào, thầy lặng lẽ ra đi. Lần này thầy ra đi mãi mãi mà chưa kịp thay cái mái bị đột và bức vách lá cũng chưa.

Tâm nguyện đành dở dang.

Niệm Phật đường Huệ Quang

 Niệm Phật Đường Huệ Quang là ngôi nhà nhỏ có bề ngang ba mét và bề dài khoảng chục mét, xây một trệt một lầu, mái tôn. Trên lầu là chánh điện thờ Phật, bên cạnh là một gian nhỏ khoảng hai mét vuông là phòng thầy trụ trì. Nói là phòng nhưng thật ra chỉ có một tấm ri đô ngăn cách để che cái giường.

Tầng dưới, phía sau là bếp núc toilet, còn phía trước là nơi tiếp khách và cũng là chỗ ở của các chú ở tạm đi học, như tôi. Khá chật chội nên mọi sinh hoạt phải nhìn trước ngó sau mà tẽm cho gọn.

Tôi đã quen với khó khăn nên cũng mau thích nghi. Tôi đã trưởng thành hơn và kinh nghiệm sống ở Niệm Phật Đường Liên Trì dạy cho tôi biết cách xử sự hơn. Tôi không để huynh đệ phải nhắc nhở mình này kia, việc cá nhân tôi cố gắng không làm phiền người khác và công việc chung thì tôi sẵn lòng làm luôn phần việc của các chú, không so đo tị nạnh.

Có lẽ nhờ vậy mà thầy An Ngô thương mến tin tưởng, dù tôi không phải đệ tử xuất gia hay y chỉ mà thầy hay gọi tôi theo mỗi khi đi công việc bên ngoài. Phật tử cũng có lòng tin tưởng nên thấy tôi đi cùng thầy thì nói “Thầy đi với chú Thiện Bảo thì tụi con rất yên tâm.” Đi cúng cầu an cầu siêu thầy hay đưa tôi đi theo, và đi dự lễ các chùa khác thầy cũng cho tôi đi cùng nên tôi được biết thêm nơi này nơi kia chuyện này chuyện kia, mở rộng tầm mắt.

Niệm Phật Đường Nguyên Hương khi đó chưa có trụ trì, thầy An Ngô cử tôi qua đó làm lễ sám hối hàng tháng. Hồi còn ở quê, tôi từng một mình một chùa Bửu Thọ suốt mấy năm nên lần đầu tiên một mình hướng dẫn Phật tử tụng kinh ở Niệm Phật Đường Nguyên Hương tôi không bị hồi hộp lúng túng, buổi sám hối thực hiện nhẹ nhàng thông suốt, được Phật tử khen ngợi. Thấy An Ngô hài lòng lắm và giao cho tôi thêm việc này việc nọ, việc nào tôi cũng cố gắng hoàn tất.

Mọi điều đang dần ổn định thì tôi hay tin thầy Minh Cảnh mất vì mổ ruột thừa bị nhiễm trùng, lúc đó thầy mới ba mươi tuổi.

Tôi về Niệm Phật Đường Liên Trì chịu tang thầy Minh Cảnh. Thấy là huynh đệ và là người giúp tôi ở giai

đoạn đầu chân ướt chân ráo đến thành phố. Biết rằng cuộc sống thế gian vô thường mà không ngăn được nỗi buồn biệt ly. Thấy Minh Cảnh ra đi giữa bao ngổn ngang lộn xộn việc nhà việc chùa, hơn vậy nữa là tâm nguyện một đời tu còn dở dang.

Sau tang lễ, người nhà của thầy Minh Cảnh ra tay tháo túi, những vật dụng trong những năm thầy làm trụ trì do Phật tử cúng dường bị họ lấy lý do này kia chở đi, từ cái chén cái tô cho tới tủ lạnh, tivi... Khi thấy còn sống mà tăng chúng đã khốn khó thì huống chi thầy đã viên tịch, chư Tăng đành tìm chỗ khác nương thân. Niệm Phật Đường dần dà chẳng còn Phật tử lui tới.

Rất tiếc cho giác linh thầy Minh Cảnh, cả cuộc đời tu hành bị người thân quyến trong gia đình làm mất đi phước báu tạo dựng già lam, tiếp tăng độ chúng.

Tôi từng đọc một quyển sách dịch có đoạn viết *"Một hạt gạo thí chủ nặng như núi Tu di, ăn mà không tu hành, phải mang lông đội sừng đến trả"*. Thế thì, những sản phẩm đàn việt cúng dường Tam bảo, ủng hộ chư tăng ni tu, duy trì Phật pháp trường tồn, vì sao cư sĩ có thể lấy đem về nhà được? Người xuất gia tiếp nhận của mười phương cúng dường, nếu như không tu hành đúng pháp, sẽ phải堕 vào ác đạo, huống chi là hàng cư

sĩ tại gia? Tương lai không những dọa địa ngục khó lên, mà các phúc báo đang có hiện đời cũng có thể bị mất sạch. Hòa thượng Diệu Pháp từng nói: “Nếu như đàn việt cúng dường thực phẩm, mà tăng nhân ăn không hết, chẳng tiện cất chứa, thì có thể phân cho cư sĩ đem về nhà, nhưng phải được trụ trì đồng ý. Và các cư sĩ khi nhận quả, muốn kiệm phước, thì có thể căn cứ đại khái giá trị món đồ mình cầm đó mà bỏ tiền vào thùng phước sường để tạo thêm công đức. Hoặc người làm công quả cũng có thể cầm ra chợ bán, đem tiền về cho chùa, đây cũng là đúng pháp, là biết tích lũy công đức, biết sợ tổn phước. Hộ trì chùa vốn là bốn phận của cư sĩ, sao có thể mượn cơ đó nhân danh này để vơ vét tài vật?... (trích Nhân quả hiện đời do sư cô Hạnh Đoan dịch)

Người nhà của thầy Minh Cảnh, ngay cả hai người em xuất gia tu hành, không hiểu đạo lý nhân quả nên mới dám làm điều mà một khi có người thân đi tu thì không ai dám làm bao giờ.

* * *

Năm học mới sắp đến, gần ngày khai giảng mà tôi chưa có tiền mua sách và tập vở, tôi bạch với thầy An Ngô hoàn cảnh của mình và nhờ thầy cho mượn tiền để mua sách vở. Thầy trả lời không có. Tôi định hỏi mượn Phật tử mà sợ họ hiểu lầm nên thôi.

Nghĩ tới nghĩ lui, tôi có tài sản duy nhất là cái đồng hồ Orange tôi dành dụm từ những lần đi tụng kinh đám tang hay được Phật tử cúng. Tôi trân quý cái đồng hồ này lắm, nó rất cần thiết trong những giờ kiểm tra, giúp tôi thấy được thời gian còn lại bao nhiêu để biết chừng mà làm bài cho kịp giờ. Chưa khi nào tôi nghĩ tới việc đem nó ra để đổi chác, chưa bao giờ tôi nghĩ có lúc mình phải chia tay với nó ...

Nhưng nay thì tôi bí quá. Rất cần tiền mà không tìm ra cách xoay sở nào. Nếu không có sách vở thì tôi không thể tiếp tục năm học này được.

Tôi muốn đi học.

Bao lần đối diện với thiếu thốn nhưng đó là lần đầu tiên trong đời tôi thấm thía nỗi ngậm ngùi vô cùng của sự túng quẫn. Tôi đi vô tiệm cầm đồ với tâm trạng rất buồn, cảm thấy mình thiếu phước duyên trong đời sống tu hành.

Rối nỗi buồn cũng trôi đi. Tôi tiếp tục học hành, và công việc. Mỗi khi theo thói quen, tôi nhìn xuống cổ tay để xem mấy giờ rồi và nhận ra cái đồng hồ không còn nữa, tôi lại nhớ má. Mai mốt tôi về thăm, thấy tôi không còn đeo đồng hồ thì má sẽ hiểu là tôi khó khăn ghê lắm, mà tôi thì không muốn má phải lo lắng. Má

mấy lần muốn lên Huệ Quang thăm tôi nhưng tôi nói “Con ở chúng, chùa rất chật hẹp, mà không có người nữ, má lên thăm con bất tiện, đợi tới hè con về thăm má.”

Mỗi mùa hè tôi về, má thường hỏi thăm sống ra sao? Có cực khổ không? Có bị mấy thầy mấy chú ăn hiếp không? Sống ở đó có thoải mái không?... Tôi luôn trả lời má yên tâm, con của má không gặp khó khăn gì không bị ai ăn hiếp đâu, mọi người rất thương con.

Tôi chưa bao giờ về nhà kể cho ai hoặc má nghe về cuộc sống trong chùa mà tôi bị ăn hiếp. Điều này trong đời sống tu tập của người xuất gia Đức Phật dạy phải giữ gìn thân, khẩu, ý. Trong phần oai nghi các vị tổ cũng có dạy: *“Không nên nói về những khó khăn gặp phải trong đời sống xuất gia, khiến gia đình lo cho mình. Nên nhớ người xuất gia có bốn phận độ cho được gia đình mình.”*

Mà tôi thì lo cho mình còn không xong đây, nói gì tới độ ai được!

Trên đường tu, có những lúc tôi yếu lòng buồn bã suy nghĩ vẫn vợ như vậy đó.

Duyên Kỳ diệu của má

 Trong khi tôi tự xoay sở ở Sài Gòn thì ở quê nhà má lâm bệnh nặng. Tính cách của má là gặp khó khăn thì âm thầm tự tìm cách giải quyết chứ không muốn làm phiền ai, cả con cái má cũng không nói gì, đến khi sự việc giải quyết xong thì má mới thùng thảng kể lại như kể một câu chuyện vui vui!

Mùa hè tôi về thăm. Má kể là có một vị sư cô đến chùa Bửu Thọ lễ Phật, thấy chùa vắng trụ trì, sư cô nói với bà Tư già giữ chùa cho sư cô ở lại nhập thất. Trong thời gian sư cô ở lại tu thì má tôi là người hộ thất. Bất ngờ má đổ bệnh, lở loét cả hai tay và khắp người chảy nước vàng rất gớm, sư cô cho biết trước đây học ngành y và chính tay sư cô săn sóc thay băng rắc thuốc chữa chạy cho má tôi đến khi lành bệnh. Lúc kể lại chuyện này thì má đã khỏe mạnh, anh chị em tôi không người nào biết khi má đang bị bệnh.

Cuộc đời của má có mối duyên kỳ diệu với quý sư cô. Sau này, khi tôi được trung tâm Chùa Việt Nam ở Houston - Texas mời qua dự lễ Vía Bồ Tát Quán Thế Âm thì ở nhà má tôi bị ngã té phải vào bệnh viện. Trong khi tôi chưa thể về ngay được thì may sao có ni sư Như Lợi và Phật tử Như Ngộ đưa má tôi vào bệnh viện Nguyễn Trãi và hết lòng chăm sóc.

Niệm Phật đường Nguyên Hương

 Tôi ở Huệ Quang được chưa đầy hai năm, một trong những Phật sự thấy An Ngộ giao tôi làm thường xuyên là qua Niệm Phật Đường Nguyên Hương hướng dẫn Phật tử làm lễ sám hối hằng tháng. Một số Phật tử lúc bấy giờ có cảm tình ngộ ý mời tôi về trụ trì Niệm Phật Đường Nguyên Hương, bản thân tôi cũng muốn được tự chủ, nhưng thấy An Ngộ không đồng ý.

Tôi tuy chỉ là một vị tăng ở chúng chứ không phải đệ tử xuất gia hay y chỉ, nhưng thấy An Ngộ xem tôi như đệ tử của thầy. Thấy không đồng ý để tôi qua Nguyên Hương bởi vì thầy muốn tôi ở lại cùng chăm lo công việc ở Huệ Quang, đó là thầy có lòng thương mến tin cậy tôi. Nếu người không hiểu sự tình thì dễ hiểu lầm là thầy ghét tôi, bởi vì thầy dùng đủ mọi cách ngăn cản. Trước đây, trò chuyện với mọi người thấy khen tôi bao nhiêu thì nay thầy nói ngược lại để Phật tử đừng mến

tôi nữa! Thậm chí thấy bàn bạc với Thượng tọa Thích Tịnh Trí, Chánh đại diện Quận 3 lúc bấy giờ và tìm giới thiệu một vị thầy khác về trụ trì Nguyên Hương.

Thầy nói và làm đủ điều để tôi ở lại Huệ Quang, mà Phật tử ở Nguyên Hương thì lại muốn mời tôi về. Thậm chí, cô Diệu Quang còn vẽ bùa dán trong Niệm Phật Đường Nguyên Hương nhằm hù dọa và nói ngoài chú Thiện Bảo thì không ai có thể về nơi đây! Xảy ra chuyện thầy Trí Thông là chúng ở chùa Vạn Thọ xuống định về Nguyên Hương được một tuần thì phải rời đi vì Phật tử không chịu hợp tác.

Ngày rời Huệ Quang, tôi đắp y đánh lễ thầy An Ngộ. Đến lúc đó thầy vẫn không muốn tôi đi. Cuộc chia tay không được thấy bằng lòng nhưng tôi luôn giữ lễ với thầy. Sau này, những ngày lễ lớn hoặc khi cúng dường tôi đều đích thân đến kính thỉnh thầy. Dù có lúc Phật tử ở hai nơi qua lại thăm chơi trò chuyện nói ra nói vào tôi vẫn giữ thái độ của người nhỏ đối với bậc trưởng thượng và là ân nhân mà tôi đã từng nương tựa một thời gian ở chúng tại ngôi chùa này.

* * *

Niệm Phật Đường Nguyên Hương lúc đó là một căn nhà nhỏ trong khu phố nằm trong hẻm đường

Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3 (trước đây là đường Phan Đình Phùng), bề ngang rộng hai mét rưỡi và chiều dài cỡ mười mét, mái ngói, chánh điện là một cái gác gỗ cũ kỹ.

Phía trên thờ tượng Phật cao khoảng sáu mươi phân làm bằng thạch cao, bàn thờ bằng ván ép nên khi lạy xuống bàn Phật rung rinh nhẹ. Phía sau bàn Phật là cầu thang bằng gỗ và sau đó có một căn phòng khoảng bốn mét vuông là chỗ tôi ngủ nghỉ.

Tôi về nhận trụ trì vào tháng Hai năm 1974. Khi đó, Nguyên Hương không có gì, không có nổi để nấu cơm, không có đồng hồ nước, không có nhà tắm... tất cả là con số không. Cái gác gỗ ọp ẹp đến nỗi mỗi lần có người lên lạy Phật thì nó rung theo từng bước chân. Lễ sám hối, có vài chục Phật tử, căn gác rung lắc liên tục, ai mới đến lần đầu tha hồ hồi hộp!

Thời gian đầu ở Nguyên Hương rất nhiều khó khăn, vật chất đã đành, về tinh thần thì khó khăn gấp bội vì quá mới mẻ với một Sa di trẻ như tôi. Má lên thăm, thấy tôi chỉ có một mình mà Phật tử lui tới thì người nọ người kia, người hài lòng người trách hờn, được lòng người này mất lòng người khác, kẻ buồn, người giận, mà tuổi tôi còn quá trẻ để biết cách ứng

xử với cương vị của một vị trụ trì. Má nói “Thôi ông về quê cất thất tu cũng được, mình có đất, đâu cần phải ở đây, tôi thấy ở đây Phật tử sao mà nhiều chuyện quá!” Tôi trả lời không sao đâu, thì má nói: “Tôi chưa bao giờ trách móc nặng lời dù ông là con tôi, vậy nên tôi cũng không muốn ai trách móc nặng lời.” Tôi biết vì rất thương tôi nên má xót xa lắm. Tôi hay nói: “Không sao đâu má, chúng sanh mà.”

Mỗi lần sám hối Phật tử đều mua hoa chuối và trái cây như cam, quýt, bưởi... dâng bàn thờ Phật. Cho dù có trách móc này kia nhưng sau một năm kể từ khi tôi đến thì ngày càng có nhiều Phật tử lui tới tụng kinh thường xuyên. Tôi được cúng dường cái xe đạp để tiện việc đi học vào buổi sáng. Có Phật tử Diệu Đức (*thường gọi cô Ngọc*) đứng ra đề nghị và vận động thỉnh Đức Phật cao 1m20 thay tượng Phật bằng thạch cao thờ ở chánh điện và tượng Bồ Tát Quán Thế Âm tôn trí tầng dưới. Cô Ngọc nói chùa mình không có gì để người dân đi qua đi lại nhận biết nên phải có tượng Bồ tát để mọi người nhìn vào biết là chùa và vào lễ bái. Cũng cô Ngọc đã vận động chị em Phật tử chợ Vườn Chuối hàng tháng mua hoa huệ thay cho hoa chuối và có thêm vài loại trái cây nhiều màu sắc cho đĩa cúng trên bàn thờ đẹp mắt hơn và khi đi chợ cô xin thực phẩm tươi

tốt hơn để nấu cho tôi ăn... Nhờ Phật tử nhiệt tình trợ duyên, mọi sinh hoạt trong chùa dần ổn định hơn so với những ngày đầu.

Có một người mà tôi nhớ mãi, đó là cô Diệu Quang, một Phật tử nghèo mà giàu đạo tâm. Thấy cảnh chùa ban đầu thiếu thốn còn tôi thì vất vả, cô đi xin từng thùng nước gánh về cho việc tắm giặt và nấu ăn, suốt cả năm như vậy. Ngoài việc làm công quả gánh từng thùng nước, cô còn ra chợ Đuôi xin rau đậu nấu cho tôi ăn. Đến khi tôi xin làm sổ gia đình chuyển hẳn qua Nguyên Hương và làm đơn xin sở Thủy Cục (cấp nước) thành phố đặt đồng hồ nước, cô Diệu Quang mới bớt cực.

* * *

Ở Nguyên Hương chỉ có mình tôi nên má lên thăm thường xuyên, mỗi năm vài ba lần, mỗi lần lưu lại cả tháng. Không có phòng riêng nên má kê cái ghế dài ở một góc phía dưới căn gác gỗ.

Mỗi lần lên thăm má thường mang quà ở dưới quê biếu Phật tử, lúc về thì mua bánh kẹo, trà sâm về biếu chú và các cậu... Thấy má tần tiện không chi tiêu gì cho chính mình mà lại rộng rãi quà cáp cho người khác, có lần tôi nói "Sao má lại mua quà cho những người mà

trong lúc gia đình mình gặp khó khăn họ chưa bao giúp đỡ?” là tôi có ý nhắc chuyện trước đây, khi ba tôi nằm xuống, má chạy vạy mượn tiền lo tang lễ mà cả ông cậu và ông chú đều lắc đầu. Má đáp lời bình thản “Chuyện qua rồi nhắc làm chi. Ai ở sao thì ở mình cứ hãy làm tròn bổn phận với mọi người.”

Câu nói của má thức tỉnh tôi, đi tu mà còn để bụng chuyện buồn vui, còn má chưa được học kinh Phật mà xử sự thấm đượm tinh thần của một Phật tử hiểu đạo.

* * *

Tháng mười một năm 1974 tôi thọ tỳ kheo vào dịp Đại giới đàn do Tổ đình Linh Sơn, quận 1 tổ chức tại Chùa Phật Ân ở Tiền Giang - Mỹ Tho với hòa thượng Thích Nhật Minh làm đàn đầu.

Sóng gió thế gian

 Sau tháng Tư năm 1975 đất nước thống nhất, trong giai đoạn này, chùa chiến và sự tu tập gặp nhiều trở ngại. Phần lớn những huynh đệ cùng thời với tôi, kẻ thì bỏ về quê, người thì trở lại đời sống thế tục, có những ngôi chùa không còn một vị tăng.

Một phần nữa, là vì trước đây có những vị chọn cách xuất gia để được hoàn quân dịch tránh đi lính chứ không phải có lý tưởng giác ngộ hảo tâm mà vào chùa, nên khi gặp khó khăn những vị này mau chóng thoái chí và nhận ra đời sống tu hành không phải là con đường dành cho mình nên họ trở về với đời sống thế tục.

Cứ vài ngày lại hay tin có huynh đệ rời bỏ chùa khiến tâm trí tôi không yên. Các anh lớp lớn hơn tôi đều là tỷ kheo mà họ cũng ra đời và học cùng lớp với tôi là chú Minh Trí và Minh Phúc, Minh Thiện... cũng cởi áo tu trả lại chùa, cả chục tăng sĩ ở Niệm Phật Đường Liên Trì nay không còn một ai mặc áo thầy tu!

Đau buồn và hoang mang nhất là quân Khmer Đỏ tràn qua biên giới tàn sát bao người dân lành vô tội, không phải ai cũng được tìm thấy xác, trong đó có mười vị tăng xuất gia tại chùa Phổ Minh ra đảo Thổ Chu làm rẫy. Trong số mười huynh đệ bị giết mất xác có sư huynh Minh Tâm, vị huynh tâm tính vui vẻ lạc quan đã nâng đỡ tinh thần tôi trong những ngày đầu tiên ở chốn thị thành xa lạ, huynh đã cùng tôi những bước đầu tiên đầy khát khao trên đường học vấn.

Trong cơn đau đớn vô bờ, thân nhân của mười vị tăng đến chùa đòi con. Sự việc ồn ào tệ hại khiến trụ trì là thầy Minh Giác phải rời chùa ra đi tới nay không biết sống thác ra sao.

Chùa Phổ Minh, ngôi già lam đầu tiên tôi nhập chúng và được thầy Minh Giác hết lòng giúp đỡ. Trên cương vị Chánh đại diện Giáo hội của một tỉnh, có nhiều người giữ chức vụ cao trong chính quyền đến chùa quy y với thầy, vì vậy mà thầy giúp đỡ được nhiều người. Như đối với tôi, thầy đã nhờ vị Phật tử là chánh án tòa án lo cho tôi có giấy khai sinh và nhờ vậy tôi mới có các loại giấy tờ cần thiết khác.

Tuy thầy là y chỉ sư nhưng từ khi lạ thầy và được nhận làm đệ tử tôi xem thầy như Bốn sư. Thầy luôn

hướng dẫn dạy bảo tôi trong những ngày tháng sống ở Phổ Minh, có lẽ cơ duyên thấy trò trong nhiều đời nhiều kiếp nên kiếp này tôi được thấy diu dắt trên con đường học đạo.

Nhưng sóng gió thế gian, mười đệ tử ra đảo Thổ Chu làm rẫy và mãi mãi không trở về đã gây một vết thương sâu, uy tín và tấm lòng nhân hậu của thầy đầu ngõ có ngày bỗng trở thành nghiệp chướng. Rời chùa Phổ Minh, thầy ghé Niệm Phật Đường Nguyên Hương thăm tôi, cùng đi theo thầy là một vị tăng trẻ tôi không quen. Thấy trò cùng ngồi nói chuyện năm ba câu trong sự lo âu hiện rõ trên gương mặt thầy. Rồi thầy ra đi.

Đó là lần cuối tôi được gặp thầy Minh Giác.

* * *

Những ngày đi lao động đắp tuyến phòng thủ Hóc Môn, những buổi học tập chính sách tôn giáo, với những câu “ngồi mát ăn bát vàng”, “ăn vương nường Phật”, “những phần tử lưỡi lao động, tiêu cực, thiếu ý chí đấu tranh” v.v... được thuyết trình viên khéo léo đưa vào buổi nói chuyện, nhằm vào những ông thầy tu là người đang ngồi nghe bên dưới. Đến nơi công quyền người tu cảm thấy mặc cảm vì không được đối xử bình đẳng như những người dân bình thường ngoài xã hội.

Sự kiện này gây hoang mang cho một số người đi tu chân chính, ai cũng thấy lo lắng vì chính sách nhà nước về tôn giáo có phần khắt khe, việc sinh hoạt trong chùa và đi lại nơi này nơi kia phải qua mấy tầng cơ quan hành chính và an ninh. Như khi muốn về quê thăm má thì trước hết tôi phải xin giấy tạm vắng có công an phường xác nhận, tiếp theo là đưa lên công an quận và sau đó còn phải được sở công an về quản lý trật tự xã hội chấp thuận mới được về. Thời gian chờ đợi tấm giấy thông hành mất hai ba tuần, và có khi họ hẹn tới hẹn lui khiến tôi phải đi lui đi tới chờ đợi rồi... nhận câu trả lời là không!

Người ta nói giai đoạn đó người dân quê tôi đi vượt biển rất nhiều nên việc xin đến vùng này lúc nào cũng khó khăn!

Năm 1976, nền kinh tế vô cùng khốn khó, mua thực phẩm nhu yếu phẩm hàng ngày đều phải có sổ hợp tác xã theo nhân khẩu từng hộ gia đình, chùa cũng không ngoại lệ. Cơm độn bo bo độn khoai sắn là chuyện thường ngày. Thời kỳ ngắn sông cấm chợ đó, lương thực của nhà trồng mà chính chủ nhà muốn đem từ nơi này tới nơi khác rất khó. Mỗi lần má lên Sài Gòn thăm tôi chỉ mang theo được vài chục ký gạo mà phải khó khăn lắm mới đem được. Xe chạy đến

trạm Tân Hương - Long An là phải ngừng lại để trạm kiểm soát khám xét. Ai đem theo lúa gạo đậu mè và các thực phẩm tươi sống... mà không có giấy phép của địa phương thì coi như là gian thương và bị tịch thu.

Vì trường Bồ Đề chỉ dạy tới lớp mười một nên nhà trường chuyển học sinh qua trường Cô Giang học tiếp lớp mười hai. Giai đoạn đó rất vất vả, vừa lo việc chùa vừa đi học mà khi tôi đi học thì phải nhờ Phật tử trông coi chùa, nay người này mai người kia, mỗi người một ý. Phật tử thì ai cũng kính Phật mến chùa nhưng tâm thì vẫn sân si, người này nói một câu thì người kia tự ái... Có hôm tôi vừa đi học về, vừa mỏi chân vừa đói bụng và sắp đến giờ tụng kinh buổi tối mà còn phải nghe hai bên kể tội lẫn nhau, tôi phân xử kiểu gì cũng bị mất lòng một bên! Và những người chứng kiến cũng... chia thành hai phe. Một hồi thì tôi hứng chịu tất cả trách móc của cả hai bên bốn bề! Nào là thấy không công bằng, tôi làm công quả thật lòng mà sao bị người ta chê bai, còn người kia chỉ làm cho lấy có thôi mà sao được thấy thương...

Tôi đâm ra ngại gặp gỡ Phật tử. Để khỏi phải mất lòng ai, tôi thường lấy cớ bận bịu học bài và đọc kinh sách để một mình một góc. Nhưng Phật tử tới chùa thì muốn gặp tăng để thưa chuyện này chuyện kia, mà

chùa thì có mỗi mình tôi, vậy nên mọi chuyện cứ lặp lại trong vòng lẩn quẩn...

Sau này tôi mới nhận ra là do tôi không biết cách giao tiếp. Làm trụ trì mà không biết cách ứng xử khéo léo với Phật tử, không giúp Phật tử tháo gỡ được những vướng mắc thường tình thì chẳng những phiền cho chính tôi mà còn làm tổn thương đạo tâm của người đến chùa.

Tôi được một ưu điểm là giọng đọc kinh truyền cảm rõ ràng tròn vành rõ chữ nên khi tụng kinh Phật tử dễ theo. Ai lần đầu tiếp xúc với tôi dễ có thiện cảm vì tôi chân thành, nhưng nếu xảy chuyện gì thì họ sẽ phiền vì tôi không khéo xử sự hoặc vì tôi chọn cách né tránh cho yên. Và khi không thể né tránh thì tôi chẳng biết cách mềm mỏng! Dụng tình hướng cần uyển chuyển thì tôi cứ thẳng thừng!...

Muốn làm tốt việc gì thì phải được hướng dẫn cách thực hiện công việc đó. Mà hoàn cảnh của tôi thì không được học, không được hướng dẫn. Đi tu vì thích tu và cứ vậy mà cạo tóc vô chùa, hoàn toàn không ý thức được việc tu hành như thế nào, không ý thức việc trở thành một vị xuất gia, một "chúng trung tôn" để hướng dẫn Phật tử sau này thì cần rèn luyện những phẩm chất

nào ngoài những bài học đạo đức bình thường mà ai cũng cần có. Khi may mắn gặp được thầy và huynh đệ nhiệt tình giúp đỡ thì tôi “học lóm” được chút này chút kia, không thì ngày qua ngày tôi tự xoay sở. Nhận làm trụ trì vì tuổi trẻ muốn được tự lập tự chủ, muốn chứng tỏ bản thân... rồi thì tôi cũng chỉ biết bắt chước các thầy trụ trì khác trong khi không hề biết các vị ấy đi đúng đường hay cũng chỉ là bắt chước rập khuôn giống như mình! Chỉ biết tu Tịnh độ là các thời khóa ở chùa nhưng thực chất cũng không phải Tịnh độ mà chủ yếu theo truyền thống xưa bày nay làm là chính! Những phương pháp như vậy không chuyển hóa được những hạt giống tốt của nội tâm và những tâm hành của một tu sĩ có nhiều năng lượng của tuổi trẻ.

Tôi tu tập như người nông dân chăm chỉ trên cánh đồng, thấy ba má mình cày cấy với con trâu thì tôi cũng cày cấy với con trâu, thấy ba má gặt lúa chạy mưa thì tôi cũng gặt lúa chạy mưa, lúa gặt về không phơi được thì chỉ biết đợi nắng...

Trước đây khi còn tá túc ở những chùa khác, tôi thấy quý thầy tổ chúc một ngày hai thời công phu và buổi tối tụng kinh A Di Đà, nay thì ở Niệm Phật Đường Nguyên Hương tôi cũng thực hiện y như vậy. Tụng kinh niệm Phật là tu, và hai thời khóa tụng là tu. Như

thấy tôi và một số chư tăng khi vào chùa đều nghe câu truyền miệng bất thành văn “*Thời công phu chiều và công phu khuya là trả nợ áo cơm cho đàn na thí chủ còn thời tịnh độ Tụng Kinh Di Đà buổi tối là tu cho mình!*”

Chăm sóc cho ngôi chùa, tôi và Phật tử cứ như chăm chút cho một ngôi nhà! Thấy thiếu cái gì thì cố gắng sao cho “nhà mình” có được cái đó. Tất cả mọi người xúm vào, rất nhiệt tình trong hoàn cảnh ai ai cũng thiếu thốn. Xuống bếp thấy cái rổ mẻ vành sắt sẹo thì về nhà lấy cái rổ lành lặn đem tới, có rổ rồi mà không có chén dĩa thì đi mua chục cái chén chục đôi dĩa đem tới... Nhìn lên chánh điện thấy cây đèn cạn dầu thì mua dầu đem tới chế cho đầy, ngày rằm thấy chùa mình nghèo, bình trên bàn thờ cắm cái bông chuối thì đi ra chợ mua về bó hoa huệ thay vô cho đẹp hơn... Rồi thì thêm bộ bàn ghế, cái kệ, cái tủ... Ngay cả tôi cũng được cúng dường một chiếc xe PC tuy cũ mà còn rất tốt, giúp tôi đi lại thuận tiện hơn nhiều.

Vậy, những tấm lòng thành tâm đóng góp giúp cho ngôi chùa được khang trang hơn, nhưng chỉ về mặt hình thức vật chất. Còn lại thì chẳng khác gì ngôi An Hòa Tự nơi bà nội tôi tu tập trước đây, lạy Phật và thuộc lầu kinh kệ mà vẫn lời qua tiếng lại giận hờn lục đục hoài hoài. Trong khi lẽ ra ngôi chùa là nơi chốn

lan tỏa năng lượng tử bi và thanh tịnh, là nơi chốn làm gương cho sự thực tập buông bỏ dần những tham sân si, và xa hơn nữa, giúp cho người ta chuyển hóa nội tâm và không để mình bị ngoại cảnh chi phối... Có như vậy đạo Phật mới thực sự là đạo giải thoát giác ngộ, đạo Phật là đạo cứu khổ ban vui.

Đôi khi ngắm lại con đường mình đã trải qua, tôi luôn tiếc là mình đã không được hướng dẫn bài bản ngay từ những bước đầu tiên. Và tiếc cho những Phật tử mền chùa mền đạo đã cùng tôi trong thời điểm đó. Nếu được dạy dỗ căn bản để biết một người tu đúng đắn nên làm những gì, một ông thầy trụ trì cần làm những gì thì chắc là tôi đã giao tiếp với Phật tử khéo léo hơn, và điều quan trọng là tôi hẳn biết cách tạo môi trường đơm vè đạo pháp cho Phật tử đến chùa được an lạc và giúp nhau an lạc, mỗi câu kinh là một bài học cần được thông hiểu sâu sắc để biết cách thực hành hàng ngày, giúp người ta biết tưới tẩm những hạt mầm tốt trong bản thân, không tạo cơ hội cho cỏ dại trổ lên, không để mình rơi vào cảnh giận hờn trách móc nhau... Chính điều này mà sau này khi thu đở chúng, tôi luôn luôn muốn đệ tử mình phải được học Phật và tu Phật một cách có căn bản **có pháp hành** và luôn luôn nhắc những gì tôi đã đi qua như một bài học quý giá cho con đường tu của người xuất sĩ.



Tâm lý chung của người xuất gia trẻ là muốn tách ra khỏi đời sống tập thể để tạo cho mình cơ sở riêng để có thể hoạt động theo ý của mình, nhưng lại chưa nhận thức rõ vai trò và nhiệm vụ mà mình sẽ gặp phải, không biết những gì mình được học lại hoàn toàn trái ngược với hiện thực của đời sống thực tế, bị sốc vì những rình rập ẩn khuất đâu đó trong những điều mà mình cho là lý tưởng tốt đẹp. Trên bước đường hành đạo chưa có kinh nghiệm đối diện với những phức tạp của môi trường trong đạo hay ngoài xã hội...

Chư tổ thường nói: "Trụ pháp vương gia, Trì như Lai tạng" (an trụ và xây dựng ngôi nhà Phật Pháp, giữ gìn phát huy Chánh pháp của Như Lai). Chúng ta nhận thấy người đảm nhận nhiệm vụ làm trụ trì của một ngôi chùa rất quan trọng vì điều đó quyết định vận mệnh, tồn tại và phát triển của cơ sở Phật giáo tại địa phương. Từ xưa tới nay việc Phật giáo hưng hay suy, mạnh hay yếu đều do cơ sở tự viện. Khi nào cơ sở tự viện hướng dẫn người Phật tử tại gia một cách đúng đắn và có được lực lượng quần chúng tạo nên phong cách sinh hoạt phong phú đa dạng thì Phật giáo nơi đó hưng thịnh, trái lại tuy cơ sở tự viện

to đẹp, đầy đủ cơ sở vật chất, nhưng không có quần chúng Phật tử và cũng không có người chuyên tu thì Phật giáo sẽ suy vi.

Chúng ta có thể khẳng định từ xưa tới nay mọi sự tranh chấp chánh kiến, quan điểm, phải quấy trong đạo ở nhiều thời kỳ khác nhau của Phật giáo khiến đi đến phân hóa là do thiếu tu mà ra. Điều này không phải chỉ có tăng già mà người Phật tử tại gia nếu thiếu tu thì có tổ chức quây quần bên nhau dưới hình thức đoàn thể, ban này ban kia rồi cũng đổ vỡ vì bất hoà. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: "Con người là hơn cả vì có thể tạo nên những điều tốt đẹp" (nhân thị tối thắng, năng sanh chư thiện pháp cố). Đức Phật nói như vậy và chúng ta có thể hiểu ngược lại con người là yếu tố quan trọng để tạo ra những việc tốt, nhưng cũng chính con người tạo ra những việc xấu.

Điều cần nhất nơi một vị trụ trì chính là ở cái Tâm và cái Đức. Đây là hai mặt hết sức quan trọng mà trước khi được giao phó nhiệm vụ thiêng liêng tại cơ sở, vị trụ trì phải thể hiện được cung cách của một tăng sĩ đúng nghĩa của nó, giải quyết mọi việc bằng cái tâm tu và bằng đức độ của một người có hành trì, tu tập. Khi tiếp xúc với một vị thấy như thế, chúng ta sẽ cảm nhận được năng lượng của an lạc và tự nhiên

sẽ được chuyển hóa. Đây chính là cách hoằng pháp hữu hiệu nhất.

Đây mới chính là đưa đạo Phật đi vào cuộc đời, nhằm chuyển hoá cuộc đời. Có được như vậy, đạo Phật mới thực sự có lợi ích, nếu không thể hiện được điều này thì giáo lý Phật giáo có hay có đẹp cũng chỉ là cái xác khô không hơn không kém.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của người trụ trì, Tổ Pháp Diễn đưa ra một số nhận định mà người làm trụ trì cần phải có như sau:

a. Phải có tinh thần thủ xả (thủ thiện, xả ác): luôn luôn giữ gìn những điều tốt, góp phần xây dựng đạo đức của cộng đồng xã hội, nắm giữ rường mối an nguy của cơ sở, không vì trở ngại mà nản lòng, không vì thành tựu mà tự mãn.

b. Phải có Nhân: Có đạo phong của người xuất gia học đạo, phải phát triển giáo dục tín đồ, hướng dẫn mọi người chánh tín, xây dựng tinh thần nếp sống đạo.

c. Phải có Minh: Giữ được rường mối lễ nghĩa, đặt sự an nguy của đạo lên trên sự an nguy của bản thân, quyết đoán, sử dụng cận sự (người giúp việc) để lo cho đạo, phát triển tinh thần hoà hợp tạo được quyền thuộc càng ngày càng đông để làm công tác Phật sự lớn hơn.

d. Phải có Dũng: Phải là người nhiệt tình đầy quả cảm với công tác Phật sự, không nệ khó khăn, trở ngại, có ý chí kiên định, lập trường dứt khoát.

Bốn yếu tố trên có đủ thì chùa chiến hưng thịnh Phật pháp nhờ thế mà được rộng mở mọi nơi, thiếu một trong bốn yếu tố trên thì người làm trụ trì khó thành tựu công tác Phật sự đồng thời cơ sở Phật giáo cũng khó mà phát triển.

Vị trụ trì là một hàng giáo phẩm quan trọng bậc nhất trong việc hoằng dương Phật pháp, bởi lẽ ngôi chùa là nơi quy tụ quần chúng Phật tử, gần bó với mọi hoạt động của con người xã hội. Sự thịnh suy của ngôi chùa chính là sự thịnh suy của tại địa phương ấy và góp phần vào sự thịnh suy chung của Phật giáo.



Gió thoảng mây bay

 Bên ngoài cửa chùa thì cuộc sống tu hành không được chính quyền khích lệ, bên trong chùa thì Phật tử cũng như tôi đều thiếu hiểu biết. Thấy tôi vất vả và rối rắm, má thường xuyên lên thăm tôi và ở lại dài ngày.

Vì thấy nhiều vị tăng cởi áo trả lại chùa nên má luôn lo lắng sợ tôi hoàn tục, má hay lặp đi lặp lại “Đã tu rồi thì ông phải đi cho trọn vẹn, đừng nửa chừng rồi bỏ ngang người ta chê cười.” Tôi chỉ im lặng, không dám hứa mà cũng không dám bàn luận gì vì tôi biết con đường mình đang đi không dễ dàng, nhất là trong hoàn cảnh có nhiều chuyện không thể nói trước được. Tôi đã từng chứng kiến có người mong muốn đi tu nhưng cơ duyên không đến nên rồi cũng không thực hiện được, cho đến ngày từ già cuộc đời họ chỉ dành nuôi tiếc. Có người phát tâm vào chùa với ý nguyện ban đầu rất dũng mãnh, khi thọ đại giới, phát nguyện tấn hương, còn gọi

là đốt liễu, phát nguyện đốt thân cúng dường Tam bảo trong các đại giới đàn của tăng ni. Người phát tâm tấn hương tự nguyện đốt từ một hoặc ba liễu trên đỉnh đầu để lại những vết sẹo hình chấm tròn. Có người phát tâm thọ trì kinh Pháp Hoa vừa tụng vừa đốt một ngón tay cúng dường... Nhưng rồi vài năm sau thì tất cả trở thành gió thoảng mây bay, mất hết bố để tâm, ý chí mãnh liệt lúc đầu không còn nữa, họ chọn con đường quay về đời sống thế tục.

Cũng có được niềm an ủi là những tháng năm sống trong chùa vẫn lưu lại gốc rễ trong lòng người, không còn tu nhưng còn mang trong lòng niềm luyện lưu về đoạn đời sống ở chùa. Không còn làm tăng thì làm Phật tử thuần thành có tâm niệm hộ trì Tam Bảo. Như sư chú Hạnh Mãn, Minh Trí, Minh Phúc, chú Vinh (đệ tử đầu tiên của tôi) ... ra đời rồi mà thỉnh thoảng vẫn đến chùa cúng dường chư tăng. Có lần tôi dặn dò “Các em thọ dụng của Tam bảo ân rất lớn với đàn na thí chủ vì thế cho nên khi công việc mưu sinh có khá giả hay không em cũng nên bố thí cúng dường để trả nợ áo cơm khi còn ở chùa.”

Nói vậy thôi, việc mưu sinh đối với người đã từng xuất gia chưa bao giờ là dễ dàng. Sống trong chùa tinh thần trong sáng thuần lương, vì thế dễ bị hụt hẫng khi

ra chợ đòi nhiều lươn lẹo. Có lần anh Thị Trị trước đây từng là học tăng ở Phật học Viện Huệ Nghiêm kể tôi nghe, tuy nghèo nhưng anh đã chia sẻ chở từng túi gạo đến giúp bạn trong lúc người bạn đó gặp khó khăn, rồi người bạn đó tỏ ý muốn giúp lại anh bằng cách chỉ dẫn cho anh bán mặt hàng vỏ xe đạp. Nhưng đến khi mua hàng của người đó về để bán thì anh mới biết loại vỏ đó không được thị trường ưa chuộng, ế ẩm không có khách mua mà trả hàng lại thì không được, vậy là mất luôn cả vốn.

* * *



Con đường xuất sĩ không phải là con đường trải thảm, rất nhiều chướng duyên trở ngại mà các vị tổ sư thường dạy đó là con đường "nghịch lưu" (ngược dòng). Vì thế chuyện giữ được chiếc áo tu và đời sống của một vị xuất sĩ là cả một sự nỗ lực tự thân của mỗi người tu. Nhiều bạn bè của tôi mau chóng hoàn tục trở về cuộc sống đời thường sau một thời gian tu học, "tâm bố đề" bị lay chuyển vì không giữ được ngọn lửa lý tưởng trong trái tim của người con Phật. Khi còn là người cư sĩ họ khao khát tu nên mới lia bỏ gia đình, rồi khi sống đời người xuất sĩ với "tương chao, dưa muối" thì họ nhận ra hiện thực như không mình nghĩ...

hòa thượng Thanh Từ chia sẻ: "Nếu vì nhân duyên, người nào không thể tiếp tục con đường tu hành, thì chặng đường xuất gia vẫn là tốt. Trong thời gian xuất gia, được Phật tử cúng dường, nếu người đó tu hành đáng hoàng thì lấy phước đức đó để bù lại. Khi trở lại làm cư sĩ mà không tạo tội lỗi, thực hiện đúng vai trò, bổn phận của một người Phật tử tại gia cộng với phước thừa tu hành; người đó đời sau có thể xuất gia tu trọn vẹn hơn".

Tuổi trẻ loay hoay & tràn đầy nhiệt huyết

 Như tôi đã kể, Niệm Phật Đường Liên Trì nằm ở tầng ba chung cư, san sát với những căn hộ. Vào những ngày rằm và mừng một người dân đến lễ Phật thì họ gọi huynh đệ chúng tôi là “thầy” và xưng “con”, còn ngày thường thì họ và huynh đệ chúng tôi là hàng xóm! Quá gần nhau nên bên này xảy chuyện gì thì bên kia cũng biết, nói lớn tiếng một chút thì cả hai bên cùng nghe, bên này lỡ tay làm rớt cái nắp nồi thì bên kia cũng giật mình và hóng tai... Tôi đi học buổi sáng hay buổi chiều, đi về trễ hay sớm, trời mưa bị ướt... tất cả đều lọt vô mắt hàng xóm!...

Điều tôi muốn kể ra đây là trong những lần tôi trở lại Niệm Phật Đường Liên Trì để thăm và dự tang lễ sư huynh Minh Cảnh, ngày cúng tuần cúng thất tôi về thập nhang, gặp nhau, những người sống quanh đó vẫn

coi tôi là “hàng xóm cũ”. Gặp nhau trên lối đi giữa lô này và lô kia hoặc giữa hành lang chung cư, họ hỏi han tôi chuyện này chuyện kia, những thay đổi của tôi từ đó đến nay... Có lẽ thấy tôi nay đã có nơi chốn khác mà khi có việc tôi vẫn trở về Liên Trì chào hỏi huynh đệ, họ thấy tôi ăn ở có trước có sau, biết nghĩa biết ân nên họ nẩy lòng thương mến và tin cậy. Vậy nên khi biết tôi giờ là trụ trì Nguyên Hương thì có người cho đưa con trai mười sáu tuổi đến xuất gia với tôi.

Đó là vào năm 1977, chùa chiến và việc tu hành rất khó khăn, như tôi đã kể trong phần trước, có nhiều vị tăng bỏ chùa về quê hoặc trở về đời sống thế tục, mà tôi thì lại có người tìm đến xin tu, tôi mừng lắm. Mừng vì vẫn có người muốn đi tu, và mừng vì từ nay tôi đi học văn hóa (*Bởi lẽ vốn khát khao học hỏi nên học xong phổ thông, tôi ghi danh vào phân khoa Hán Nôm trường Đại Học Tổng Hợp, mỗi tuần học ba buổi sáng hay chiều tùy theo học kỳ, buổi tối tôi đi học tiếng Anh ở Trung tâm Ngoại ngữ*) và đi đến những buổi giảng dạy ở các tu viện thiền viện chuyên tu do các vị tôn túc hướng dẫn thì đã có đệ tử trông coi chùa chứ tôi không phải đóng cửa chùa hoặc nhờ cậy nay người này mai người kia.

Khi đó tôi chưa biết rõ giới luật là một Tỷ Kheo phải đủ mười tuổi hạ trở lên mới được phép thu nhận

đồ chúng. Và ngoài quy định mười tuổi hạ, để trở thành người thấy thể độ cần hội đủ năm yếu tố: 1) phải thông kinh luật, 2) phải giữ giới, 3) phải học rộng về nội điển và biết cả kiến thức thế gian, 4) phải hiểu biết tâm lý để mà giải tỏa những gút mắc của đệ tử, 5) phải có trí tuệ, có tu.

Điều căn bản tối thiểu phải đủ mười tuổi hạ là nền tảng đầu tiên, theo tôi hiểu, là để người làm thấy có đủ thời gian trau dồi oai nghi và tư cách, thông thạo kinh luật và cả hiểu biết kiến thức thế gian để có thể có thể dạy dỗ và dìu dắt đồ chúng.

Tôi chưa hội đủ những điều kiện đó nên không biết cách giúp đỡ đệ tử, thậm chí là tự tôi còn đang loay hoay với chính mình. Sau một năm, người đệ tử đầu tiên của tôi hoàn tục. Còn tôi vẫn đang trên đường học hỏi và tự trau dồi cho bản thân bằng cách để ý thông tin về những buổi giảng dạy của các vị tôn túc và dù gần dù xa thì tôi cũng cố gắng đến để thu nạp kiến thức càng nhiều càng tốt. Nghe giới thiệu cuốn sách cuốn kinh nào hay là tôi tìm đọc, khi thì mua, khi thì mượn.

Cuốn sách đầu tiên tôi mua ở nhà sách Lá Bối là *Nói với Tuổi hai mươi* của thầy Nhất Hạnh. Nhà sách Lá Bối trước năm 1975 đặt tại lầu 1 chung cư Ngô Gia Tự.

Sau đó là những cuốn khác như: Tám quyển sách quý của thầy Thích Thiện Hoa, cuốn *Thiền Tông Việt Nam* cuối thế kỷ XX của thầy Thích Thanh Từ và *Đức Phật Phật Pháp* của Đại đức Narada do Phạm Kim Khánh dịch từ tiếng Anh, và những cuốn *Đạo Phật hiện đại hóa*, *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, *Nẻo về của ý* của thầy Nhất Hạnh, *Tô Đông Pha phương trời viễn mộng* của thầy Tuệ Sĩ ... Những cuốn sách giúp tôi chớm nhận ra sự tu tập là phải chuyển hóa nội tâm, thực tập pháp hành, những cuốn sách khiến tôi thao thức tự vấn về con đường mình đang đi “Có phải tu tập chỉ là ngày ngày tụng kinh như bấy lâu nay?”

Trong khoảng thời gian đó, vì chính quyền không ủng hộ nên mỗi buổi giảng dạy ở các giảng đường lớn như Xá Lợi và Vĩnh Nghiêm cũng chỉ có trên chục vị tham gia. Hòa thượng Thích Từ Thông xin hòa thượng Thanh Kiểm cho mượn nhà tổ giảng kinh Pháp Hoa có được 20 người tham dự. Hòa thượng Quảng Độ giảng Kinh Kim Cang bằng hai ngôn ngữ Anh Việt ở Thanh Minh Thiền Viện thì thính chúng cũng chỉ khoảng trên 50 người. Mà những nơi này cũng chỉ là nội bộ không được phổ biến rộng rãi đến quần chúng. Có một lớp học tại Quảng Hương Già Lam dành cho tăng ni được

quý thầy Tuệ Sĩ, thầy Nguyên Hồng và thầy Lê Mạnh Thát phụ trách cũng chỉ hơn chục tăng ni tham dự.

Lần đầu tiên, sau năm 1975, được chính quyền thành phố cho phép là buổi giảng kinh Pháp Hoa của hòa thượng Thích Thanh Từ tại chùa Xá Lợi, có trên một ngàn tăng ni Phật tử tham dự, mới hay nhu cầu học Phật Pháp trong quần chúng lớn đến nhường nào. Chính buổi giảng này đã đánh vào tâm thức tôi con đường tu thiện mà từ lâu tôi cứ lăm lăm tìm kiếm một định hướng cho đường tu tập.

Suốt cả chục năm, tôi tự học bằng cách đó. Cứ vậy mà tôi gom góp kiến thức cho mình. Sự cố gắng này giúp tôi hiểu biết hơn và đồng thời mang lại cho tôi những mối giao tiếp quen biết gần xa, nhờ vậy, sau này tôi được thuận lợi khi tham gia Phật sự ở môi trường rộng lớn hơn.

Năm 1987 Phật giáo thành phố thành lập Thư viện Phật giáo, lúc đó kinh sách rất hiếm vì hơn chục năm rồi kinh sách Phật giáo không được xuất bản, nhà chùa muốn in hay Phật tử muốn ấn tống đều phải nhờ kéo lụa hoặc in roneo, khi cầm lên ngửi mùi dầu nóng nặc. Có những tác phẩm hay của quý hòa thượng cũng phải viết tay, kể cả kinh tụng.

Tôi còn nhớ quyển đầu tiên được tái bản chính thức là bộ *Phật học phổ thông* in trên giấy màu vàng đục, bây giờ nhớ lại thì biết đó là loại giấy xấu chứ khi đó được cầm trên tay cuốn sách mới in thì vui mừng vô cùng.

Tôi và thầy Đồng Bốn lúc bấy giờ làm trong tổ Công tác Tiểu ban Văn hóa Phật giáo thành phố cùng một số huynh đệ đã kêu gọi hiến tặng hoặc cho thư viện mượn những cuốn sách do mình sưu tầm trong thời gian học phổ thông và đại học. Để làm gương, huynh đệ chúng tôi gồm thầy Đồng Bốn, Thiện Bảo, Chân Tính, Ni sư Trí Hòa ở chùa Dược Sư hợp nhau lại và tự mỗi người đem sách của mình đến nói là cho thư viện mượn mà thực tế là tặng luôn. Sau này bên cạnh thư viện có thêm bộ phận phát hành, tiền lời lấy đó làm quỹ bổ sung sách mới.

hòa thượng Thích Thanh Kiểm trụ trì Tổ đình Vĩnh Nghiêm cho mượn căn phòng rộng một trăm mét vuông ngay dưới gác chuông làm thư viện. Giai đoạn đầu, hầu hết đều là sách mượn về để trưng bày, như là Bộ Đại Tạng bằng chữ Hán một trăm quyển và 150 quyển Tục Tạng của chùa Long Hoa bên quận 8. Sau này, khi thư viện phát triển, có được tài chánh thì bổ sung được trên 1000 đầu sách các mảng Văn hóa, Lịch

sử, Triết học, Văn học và Phật học, có cả sách tiếng Hán, tiếng Anh của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Phòng đọc thoáng mát, có bàn ghế tưm tấ, ngày nào cũng có khoảng 20 người lui tới thư viện đọc sách.

Tôi được giao làm thư viện trưởng. Để được Phòng Văn hóa của Quận thừa nhận, tôi phải đi học lớp phụ trách thư viện để biết phân loại sách và đánh ký hiệu như một thư viện chuyên nghiệp. Trong thư viện có một tủ thư mục với thẻ ký hiệu được phân loại đánh theo mã số dán trên gáy sách để người quản thủ thư viện dễ tìm. Ngoài tôi ra, còn có thầy Chân Tính, thầy Giác Trí, sư cô Viên Nhã và sư cô Minh Tâm cùng với một vài Phật tử phát tâm trực thư viện mỗi tuần bốn ngày và sau này thì thư viện mở cửa suốt tuần, cả Chủ nhật.

Những ngày tháng tôi làm việc ở Thư viện Phật giáo là bước đầu tham gia Phật sự với Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

* * *

Tuổi trẻ tràn đầy nhiệt huyết, tôi tích cực tham gia các khóa An cư kiết hạ tập trung tại Tổ đình Vĩnh Nghiêm do Phật giáo thành phố tổ chức từ năm 1986, đây cũng là hạ trường tập trung đầu tiên của Phật giáo thành phố sau thống nhất Phật giáo. Những năm An

cư kiết hạ tại Vĩnh Nghiêm khơi dậy phong trào thi diễn giảng và viết báo tường do hòa thượng Thích Hiến Pháp đề xướng. Những cuộc thi diễn giảng trong những năm này khiến không khí trường hạ trở nên sôi nổi phấn khích, chư tăng an cư thực tập lên diễn đạt thuyết trình và những giảng sư thực tập lời cuốn Phật tử đến tham dự rất đông.

Thí sinh chẳng những trình bày phần thi của mình trước ban giám khảo mà còn phải đối diện với đông đảo thính chúng là Phật tử và tất cả chư tăng an cư trong trường hạ. Vô cùng hồi hộp! Ai chưa quen nói trước đám đông thì chuẩn bị mười phần chỉ nhớ được một, thậm chí có vị quên sạch đủ bài giảng của vị ấy trước đó được mọi người chuyển tay nhau đọc và khen hay. Bài thi đòi hỏi trình bày trong 15 phút mà có vị trình bày chưa đầy mười phút thì phải đi xuống vì không nhớ hết bài...

Ban giám khảo đưa ra ba tiêu chí: điệu bộ, giọng nói, nội dung bài giảng. Mỗi tiêu chí được 10 điểm, Tòì là người được bắt thăm đầu bảng trình bày với đề tài: “*Tam Pháp Ấn*” vòng hai là “*Giới Định Tuệ*” và vòng ba là “*Bốn phương châm cảm hóa lòng người*” Qua ba vòng thi tôi được chấm hạng nhất trong khoảng hai mươi giảng sinh dự thi.

Má đang đứng xa xa sau tháp chuông chùa

 Ngày giải hạ cũng là ngày tôi được mời lên bục nhận phần thưởng là kinh sách và vài may y áo. Khi tôi ôm phần thưởng bước xuống bục thì được các Phật tử vây quanh chào đón, người tặng hoa kẻ tặng sách và có cả tịnh tài... Hai tay tôi ôm đầy phần thưởng của ban tổ chức trao tặng và quà của Phật tử, vô cùng xúc động.

Và xúc động hơn hết là một cô Phật tử nói cho tôi biết má đang đứng xa xa sau tháp chuông chùa. Vậy, má hay nhắc nhở la rầy con, má sợ tôi lầm đường lạc lối, tôi cố gắng đến mấy cũng chưa bao giờ được nghe má khen hoặc tỏ ra hài lòng.

Tôi rất thích đọc sách nên ở Nguyên Hương đêm nào tôi cũng thức khuya đọc kinh sách, có khi tôi ngủ gục giữa những cuốn sách bày bừa ra bàn, sáng ra má

la rầy sao kinh sách đọc xong không xếp cất gọn gàng, người đi tu mà bữa bãi là không được, là thấy mà làm gương xấu cho đệ tử!... Tôi phản trần vì chuẩn bị cho cuộc thi rất căng thẳng nhưng má cũng chẳng tỏ vẻ quan tâm đặc biệt gì, coi như đó là một Phật sự bình thường mà trách nhiệm tu sĩ trẻ nên cần tham gia học hỏi. Để rồi mùa An cư năm nay tôi được giải má lại âm thầm theo Phật tử tới đây, lặng lẽ nhìn ngó đứa con của mình từ thuở nào quê mùa ít học nay thuyết trình trước đông người.

Tôi biết má vui mừng lắm, nhưng sợ tôi sinh tính kiêu căng nên má nén niềm vui tận đáy lòng... Tôi những muốn chạy tới, trao tất cả những món quà và phần thưởng tôi vừa nhận được vào tay má, muốn nói với má một lời... Nhưng rồi thì tôi lại làm như không nhìn thấy, không biết sự có mặt của má!

Những kỷ niệm khó quên

 Gắn mãi hạ là cuộc thi viết báo tường được chia làm bốn chủng, trình bày hình thức như tờ báo gồm nội dung và màu sắc. Tham dự cuộc thi báo tường lần này tôi viết bài thơ hóa thân là một vị ni miễn bắc vì trong thời gian đó có hai mươi vị tăng ni từ miễn bắc vào nam học ở cao cấp Phật học cơ sở 2 nay là Học Viện Phật giáo Việt Nam do hòa thượng Thích Minh Châu làm Hiệu trưởng. Trong mùa an cư 1989 nhìn thấy vị ni tôi cảm xúc nghĩ về mẹ khi phải xa quê.

Bài thơ “Nhớ mẹ” được giải nhất báo tường.

*Vòng tay nhỏ con ôm tròn tuổi đại
Mẹ ngọt ngào như gió mát ban mai
Bài ca dao ru con ngủ hằng ngày
Niềm mơ ước đưa con vào cuộc sống
Dòng sữa ngọt nuôi con từng hơi thở*

Mẹ hiền ơi con đang nhớ mẹ đây
Dù xa xôi nơi thành phố đông dày
Lòng con trẻ không nguôi niềm thương nhớ
Chiều Vinh Nghiêm nơi vùng đất lạ
Gió thu về thổi lạnh buốt tim cô
Giờ này đây nơi miền bắc xa xôi
Mẹ trông nhớ thương con nơi xa cách
Mưa đổ hạt trên mái nhà lách tách
Hạ xa quê xa cách mẹ thân yêu
Càng nghĩ suy con thương nhớ mẹ nhiều
Trong gian khổ thêm sầu vương khóe mắt
Hẹn gặp mẹ khi con về đất bắc
Cài lên con một đóa thắm hoa hồng
Mẹ mỉm cười nhìn con vẫn thong dong
Trong chiếc áo màu nâu sòng đất cũ.

* * *

Đến năm 1990 ban tổ chức dời về chùa Phật học Xá Lợi. Trong những khóa An Cư Vinh Nghiêm và Xá Lợi các hành giả an cư đều là những vị trụ trì các tự viện trong thành phố và một số vị các tỉnh miền tây lên tham dự. Những năm tháng đó đã để lại trong lòng

tôi những kỷ niệm khó quên cho sự sống chung trong tinh thần hòa hợp chúng. Các khóa an cư đó cũng đào tạo cho giáo hội những giảng sư trẻ có năng lực, nhiệt huyết, có năng khiếu giảng, có đạo hạnh tốt. Dẫn thân đi về miền tây khi đó là các giảng sư trẻ như thầy Đạt Đạo, thầy Hạnh Huệ, thầy Thiện Nghĩa, Thiện Bảo...

Một kỷ niệm rất đặc biệt, đó là mùa An Cư Kiết Hạ do Tỉnh hội Phật giáo Cà Mau tổ chức tại Chùa Quán Thế Âm (ở đây thường gọi là Chùa Phật Tổ) vào năm 1989, khi đó hòa thượng Thích Hiễn Giác trưởng ban trị sự tỉnh cũng là trụ trì ngôi chùa này, tôi được phân công giảng trong kỳ hạ tại đây. Hôm tôi ra về thi điện cúp, đêm đó, tăng ni thắp đèn dầu và đèn cầy xếp hai hàng đưa tôi ra khỏi cổng chùa. Hình ảnh lung linh ngày nào vẫn in đậm trong tâm trí tôi, cảm động vô cùng. Sự lưu luyến chân thành từ vùng đất xa xôi cho tôi thấu hiểu lòng mong muốn được có cơ hội thu nhận kiến thức như chính tôi ngày trước. Điều đó là một trong những động lực khơi dậy bao hoài bão và nhiệt huyết trong tôi, tạo cơ hội cho tôi góp phần dẫn thân trong nhiều hoạt động của Giáo Hội.

Cũng từ những năm này tôi có cơ duyên đến với báo Giác Ngộ, qua những bài viết và những bản tin. Năm 1997 bài viết đầu tiên của tôi được đăng báo Giác

Ngộ “Đi tìm mô hình **cho lớp học Tình Thương**” viết về lớp học Tình Thương, chùa Châu Lâm, quận Bình Thạnh đạt giải khuyến khích báo chí toàn thành phố do Hội nhà báo thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Buổi phát giải được tổ chức tại Đài phát thanh, những vị trao giải và các phóng viên khi thấy một vị tu sĩ Phật giáo mặc áo nâu lên nhận giải, ai cũng ngạc nhiên. Anh Thẩm Tuyên là thư ký tòa soạn báo Người Lao Động lúc bấy giờ cứ theo hỏi thăm tôi và cũng từ đó tôi quen biết thêm một vài anh chị phóng viên đang làm việc ở các tờ báo khác.

Sau đó, tôi trở thành phóng viên, chủ nhiệm Câu lạc bộ cộng tác viên để đến năm 1995 tôi được đề bạt làm Phó trị sự rồi Thư ký tòa soạn của báo Giác Ngộ.

* * *



"...Người đời ai cũng theo đuổi một sự nghiệp. Người xuất gia cũng có sự nghiệp của mình, nhưng sự nghiệp của người xuất gia rất khác với sự nghiệp ở ngoài đời. Ở ngoài đời, người ta cần có một bằng cấp, một địa vị, một danh tiếng để có thể gọi là thành công. Sống trong chùa với tư cách một người xuất gia, chúng ta không cần một cái bằng cấp, dấu là bằng cấp Cao đẳng Phật học, chứ đừng nói là bằng cấp cử nhân hay tiến sĩ. Có nhiều nhà tu cho rằng sự nghiệp của họ là ngôi chùa của họ, là địa vị của họ trong giáo hội và trong xã hội. Có những nhà tu có bằng cấp tiến sĩ và rất bằng lòng với cái bằng cấp đó. Có người cho rằng sự thành công của họ là một ngôi chùa lộng lẫy, có nhiều bốn đạo lui tới. Họ làm Hội trưởng Hội Phật Giáo, họ làm viện chủ, họ làm hòa thượng, và có khi họ làm học giả. Họ cho xuất bản những cuốn sách có giá trị, để chứng tỏ rằng họ có khả năng nghiên cứu uyên thâm. Hạnh phúc của họ nằm ở trong những thành tựu đó. Họ có thể được ca ngợi là một học giả uyên thâm, là một người đầu bằng cấp cao, là viện chủ một ngôi chùa lớn có nhiều bốn đạo... Nhưng những thành tựu đó không phải là mục đích của người xuất gia. Người xuất gia trẻ có nên ao ước địa vị của những người ấy không? Chúng ta phải chiêm nghiệm về vấn đề này rất kỹ, bởi vì trong giới những người xuất gia trẻ có

rất nhiều người hiện đang hướng theo con đường này, dùng thời giờ và năng lượng của đời mình để chạy theo cái bả danh lợi, dù là những bả danh lợi trong phạm vi nhà chùa. Cái năng lượng của sự ao ước đó thúc đẩy chúng ta đi học, đi nghiên cứu, đi vận động... Cái năng lượng đó không phải là Bồ Đề Tâm. Cái năng lượng đó chỉ là tâm Danh Lợi trá hình dưới Bồ Đề Tâm. Ước muốn làm học giả Phật học, ước muốn làm giáo sư Phật học nổi tiếng, ước muốn thi đậu một bằng cấp lớn, ước muốn làm viện chủ một thiền viện hoặc một tu viện lớn, ước muốn được người ta cung kính, trọng vọng và cúng dường...

Những ước vọng ấy quyết không phải là Bồ Đề Tâm.

Hiện bây giờ, có biết bao nhiêu người tu trẻ đang bị kẹt vào cái thế đó mà không tự biết, cứ nghĩ rằng mình đang thực sự tu đạo và phục vụ cho đạo. Trong khi đó, sự nghiệp của người xuất gia cao cả hơn nhiều. Đi xuất gia là để chuyển hóa những khổ đau, để đạt tới hiểu biết lớn, tức là Đại Giác Ngộ, để đạt tới tình thương lớn, tức là Đại Từ Bi, để đạt tới cái tự do lớn, tức là Đại Tự Tại. Đây không phải là những danh từ, đây là những cái ta có thể thực hiện được bằng sự tu tập. Nhìn cho kỹ, ta thấy có những người có hiểu biết lớn, tình thương lớn và tự do lớn. Những người có hiểu biết, thương yêu và tự do là những người có hạnh phúc và có khả năng ban phát hạnh phúc. Có những người có bằng cấp lớn, làm học giả nổi tiếng, làm viện chủ những ngôi chùa lớn nhưng

không có những yếu tố đó. Họ không có hạnh phúc chân thực.

Khi ta thấy ta đã có thêm hiểu biết, thương yêu và tự do là ta đã có chuyển hóa. Sự chuyển hóa ấy là do công trình tu học của ta và nhờ đó ta biết là ta đã có khả năng độ người. Người khác đến học với ta không phải vì ta là viện chủ một ngôi chùa lớn, không phải vì ta có một hoặc hai, ba hay bốn cái bằng tiến sĩ, mà là vì ta có một cái gì mà người ấy không có, cái đó là đức độ của ta, tự do của ta, những pháp môn tu tập và chuyển hóa của ta, những pháp môn mà chính ta đã thực tập.

Tại Làng Mai, mỗi mùa hè, mỗi mùa thu, người tới tu tập rất đông, trong số đó có rất nhiều người có bằng tiến sĩ. Những người ấy tới quyết nhiên không phải vì ta có bằng cấp tiến sĩ, mà vì ta có vững chãi, thành thoi, an lạc và giải thoát. Mục đích cao cả nhất của người tu là đem lại chất liệu của vững chãi, thành thoi và an lạc vào cơ thể và tâm hồn của mình, và nhờ vậy mà mình có khả năng độ người. Ta có thể giúp cho những người tới với ta vượt thoát những hố sâu của phiền muộn và khổ đau của họ. Mục đích của người xuất gia là để làm một vị thầy có khả năng đưa người ra khỏi nẻo khổ đau tăm tối của họ – đưa bằng đức độ, bằng trí tuệ, bằng năng lực giải thoát của mình, bằng đạo đức mình, chứ không phải bằng tiền bạc và quyền thế. Đọc ở trong kinh Bát Đại Nhân Giác, dạy về tám điều giác ngộ của

các bậc đại nhân, ta thấy câu “duy tuệ thị nghiệp”, có nghĩa chỉ có sự hiểu biết lớn mới là sự nghiệp duy nhất của người xuất gia. Sự nghiệp của người tu là sự hiểu biết lớn, mà như ta đã biết, hiểu biết lớn là thương yêu lớn. Hiểu biết ở đây là Bồ Đề, không phải là kiến thức có thể chất chứa trong khi học hỏi. Khi ta chất chứa những học hỏi ở nhà trường, hoặc ở Viện Phật học, thì dấu mở kiến thức đó là những kiến thức Phật học, chúng cũng chỉ là những kiến thức mà thôi. Người ta có thể nói thao thao bất tuyệt về kinh điển Tam Tạng, nhưng những điều người ta nói có thể không dính líu gì đến sự sống hàng ngày của người ta cả – người ta vẫn hẹp hòi, vẫn ganh tị, vẫn nhỏ nhen, vẫn sân si như thường – thì kiến thức, dấu là kiến thức Phật học, cũng có ích lợi gì cho người ta và cho chúng ta đâu? Kiến thức không phải là hiểu biết. Chính cái hiểu biết gọi là Bồ Đề mới giải phóng được cho ta khỏi những u mê, những khổ đau và giúp ta trở nên thành thoi, nhẹ nhàng và an lạc, giúp ta có khả năng tự độ và độ người. Đó là mục tiêu đích thực của người tu. Cho nên mỗi khi thấy các cô, các chú đang lao đầu vào chuyện học hành để có thể giạt được bằng cấp, chúng tôi rất lấy làm thương cảm. Chúng tôi biết rằng họ đang không đi đúng đường và sau này họ sẽ đau khổ và hối hận.

Có những trường Phật học trong đó người học tăng hối hả, cố nhét vào đầu càng nhiều kiến thức càng tốt, mà không có cơ hội đem những gì mình học áp dụng vào đời sống hằng ngày. Những kiến thức này

không được tiêu hóa. Người dạy nói rất nhiều, người nghe ghi chép rất nhiều, nhưng những điều được nói, được nghe hình như không có ảnh hưởng gì đến những đau khổ, khó khăn và xung đột trong tâm tư và trong đời sống hàng ngày của họ. Viện Phật học tốt là nơi người học tăng có cơ hội dự pháp đàm, tiếp nhận những pháp môn thực tập và cùng thực tập với tăng thân của họ. Pháp môn phải chứng tỏ là có hiệu quả và có khả năng chuyển hóa thì đời tu học mới có hạnh phúc. Cũng như ở các trường y khoa, khoa học, kỹ thuật, sinh viên phải thực tập và thực tập phải thành công, Viện Phật học cũng là một tu viện trong đó người học tăng phải thực tập cho thành công, nghĩa là chuyển hóa được khổ đau nội tâm và thiết lập được liên hệ tốt đẹp với các thành phần khác của tăng thân. Từ ba tháng đến sáu tháng mà không thấy có chuyển hóa gì trong thân tâm thì ta biết là pháp môn ta thực tập chỉ có giá trị hình thức. Ta phải lập tức đi cầu cứu với thầy và với bạn...

(Trích Bước Tới Thành Thới của thầy Nhất Hạnh)



Mình tới chùa mà còn để bụng giận hờn làm chi

 Gần mười lăm năm kể từ lúc học xong phổ thông cho đến khi trở thành phóng viên rồi thư ký tòa soạn báo Giác Ngộ..., trên đường tìm cầu học hỏi của tôi luôn có sự đồng hành thầm lặng của má.

Tôi đi học nơi này nơi kia và tuổi trẻ nhiệt tình làm Phật sự, nhiều khi không nhờ được người coi ngó thì tôi đóng cửa Niệm Phật Đường mà đi công việc luôn.

Mỗi lần từ quê lên thành phố thăm con, thấy cảnh tôi một mình, xay lúa thì không bóng em mà bóng em thì không thể xay lúa, má thương tôi nên thường ở lại vài ba tháng để phụ giúp. Niệm Phật Đường nhỏ hẹp nên việc cơm nước lau dọn hàng ngày không mất công lắm, nhưng nhờ có sự có mặt của má mà Niệm Phật Đường được thơm mát sáng sủa và thường xuyên mở

cửa chào đón Phật tử gần xa, khách đến thăm luôn có bình trà gừng ấm nóng chào mời và có má thấp sẵn cây nhang đưa cho khách lễ Phật.

Má còn kiêm luôn công việc “quản lý”. Phật tử tới, không thấy trụ trì đâu mà có cụ già giữ chùa tiếp đón thì họ cũng vui lòng, đã có người để mà hỏi han trò chuyện. Má giải thích rõ ràng là tôi bận việc Phật sự ở chỗ này, chỗ kia để Phật tử biết mà thông cảm chứ không phải nghe người này nói này người khác nói khác, suy diễn lung tung để rồi giận mà bỏ chùa không thèm tới nữa, vì chùa mà không có tăng thì tới làm chi! Ngược lại, khi biết tôi nhiệt tình tham gia Phật sự, họ thương mến mà càng năng lui tới và còn hỗ trợ cho tôi được thuận tiện công việc hơn.

Có những người nhiệt tình công quả nhưng tính cách hơi khó chịu nên thường gây hờn giận lục đục trách móc nhau, người này méc má chuyện này, người kia méc má chuyện kia, ai cũng cho mình đúng! Với má tôi thì ai cũng như nhau, khi xảy chuyện giận dỗi cãi cọ má không khen bên này không chê bên kia, không nghiêng về bên nào không phán xét ai đúng ai sai, má lắng nghe họ xả ra cho nhẹ rồi má nói “Minh tới chùa mà còn để bụng giận hờn làm chi.” Câu nói xuề xòa giảng hòa của má như một lời nhắc nhở nhẹ mà thấm thía, ờ, tới chùa mà còn sân si thì đâu phải là...

Khi hiểu được hạnh lắng nghe của Bồ Tát Quán Thế Âm tôi mới nhận ra cơn phiền giận thế gian càng lúc càng giống một cái bình đầy ứ, điều cần làm ngay là tìm chỗ trút bớt để nó khỏi bị tràn lung tung. Trong tâm trạng phiền muộn bức tức ai cũng cần có chỗ để xả, vậy nên điều quan trọng là có người lắng nghe cơn giận nói thì cũng đã giúp cho nỗi phiền muộn bức tức vơi đi rất nhiều.

Má tôi chỉ vì thương con mà có mặt để giúp đỡ con mình, vì thương tôi mà má có mặt ở Niệm Phật Đường Nguyên Hương, rồi thì má thành ra là nơi để mọi người trút xả nỗi niềm! Má kiên nhẫn lắng nghe. Má chỉ lắng nghe thôi, như lời giảng của thầy Nhất Hạnh trong Sám Địa Xúc: *"Lắng nghe với tâm không phân biệt và không phán xét."*

Riết rồi mấy bà mấy cô ai cũng thủ thủ tâm sự với má chuyện này chuyện kia, cả chuyện gia đình chuyện riêng tư... Niềm đau nỗi khổ, có một nơi để thổ lộ thì cũng giúp người ta nhẹ lòng, phải không vậy? Có những khi tôi đi công việc về, thấy má và một cô ngồi bên nhau, cô ấy đứng lên cúi đầu chào tôi rồi thì lại ngồi xuống với má, tiếp tục thì thào, còn má thì thỉnh thoảng gật đầu, tay má ngoáy trầu. Có khi cô ấy khóc,

má đứng lên đi lấy cái khăn vò ướt đem tới và nói “Lau nước mắt đi con”.

Sự có mặt của má giúp cho không khí an hòa hơn rất nhiều, mọi người ứng xử với nhau ít gút mắc hơn, nhẹ nhàng hơn... Tôi đi công việc về thì mọi điều đã dẫu vào đó, tôi không rơi vào tình cảnh phải phân tâm vì việc này việc kia, tôi toàn tâm đọc kinh sách và làm công việc của mình là viết tin viết bài cho báo. Những buổi tối tôi đọc tới khuya buồn ngủ quá nên kinh sách còn bày bừa bộn trên bàn, sáng ra đã thấy những cuốn sách được xếp gọn gàng ngăn nắp trên kệ.

Má tôi, một bà già nhà quê mù chữ, chỉ có tình thương con vô bến bờ...

Phật chúng từng duyên Hời

(Chú thích: Từ đoạn này trở về sau, Niệm Phật Đường sẽ được gọi là chùa, bởi vì sau khi thống nhất Giáo hội tháng Mười một năm 1981 các Niệm Phật Đường ở quận huyện thành phố Hồ Chí Minh đều đồng loạt đổi cách gọi là chùa.)



Anh Hai tôi đi bước nữa và cũng chia tay, để lại đứa con gái cho má tôi nuôi từ khi bé mới được ba tháng tuổi. Trong đời má tôi như có duyên nghiệp với trẻ con, thời còn trẻ thì nuôi đứa con nuôi, khi về già lại cứu mang cháu nội.

Mỗi lần về thành phố thăm tôi và ở lại dài ngày để giúp tôi, má không tham công tiếc việc ở quê, chỉ một điều là má nhớ thương đứa cháu gái. Ban ngày bận bịu công việc này kia thì thôi, buổi tối, má trần trọc không ngủ được vì nhớ thương cháu sớm chịu cảnh cha mẹ

chia lìa mà nay thì cũng xa luôn bà nội. Rồi khi về quê với cháu thì má lại lo nghĩ cho tôi...

Khi cháu lên mười tuổi, má quyết định giao lại cho vợ chồng chị Ba căn nhà và ruộng đất để má về chùa Nguyên Hương ở hẳn mà lo cho con đường tu hành của tôi, má đem theo đứa cháu để thuận tiện chăm sóc cả con và cháu. Phần tôi thì nghĩ, cháu về đây có tôi là ông thầy tu đồng thời là chú của cháu, hẳn là cuộc sống cháu sẽ có ý nghĩa hơn. Tôi nghĩ vậy, và mong tới ngày cháu mình trở thành một vị ni!

Năm 1990, căn nhà kế bên kêu bán, Phật tử muốn nới rộng chùa Nguyên Hương nên chung tay giúp mua. Trong thời gian này cũng có một số người ngỏ ý cho con cháu xuất gia với tôi. Vậy nên sau khi mua được căn nhà kế bên thì sửa sang lại thành chỗ ở của các chú xuất gia. Nói sửa sang lại tức là làm cho nó phù hợp với sự tu hành chứ thật ra căn nhà đó cũng nhỏ hẹp và cũ kỹ, nhưng không gian được tươi mát nhờ sự có mặt của các chú, tuổi thanh xuân tràn đầy khát vọng. Những buổi tụng kinh, sự có mặt của các chú tỏa ra năng lượng trẻ trung và đầy hy vọng.

Chùa tăng, có cháu gái của tôi cùng sống chung rất bất tiện. Mà nay cháu đã mười lăm tuổi rồi. Tôi khuyên

cháu xuất gia và gởi vào một tu viện Ni ở một huyện ngoại thành. Lúc đó, tôi nghĩ đơn giản rằng “chùa” thì sinh hoạt tín ngưỡng cúng bái nhiều, không có đủ thời gian cho việc học hành, còn “tu viện” chắc không phải bận bịu vì đó là nơi chuyên tu, cháu tôi sẽ được trau dồi học hỏi tu tập. Nhưng đó chỉ là suy luận của tôi mà thôi! Tôi đã quá lý tưởng bởi vì khi cháu về thăm giờ ra hai bàn tay lở loét vì ngày nào cũng phải bóp vò bươi làm nem đem ra chợ bán. Không phải chỉ riêng cháu tôi mà các điệu ni cũng phải phân chia thành nhóm đi chợ Vườn Chuối, ra chợ Bàn Cờ, An Đông, Cầu Muối bán đến trưa mới quay về... Mả tôi hỏi nguyên do hai bàn tay lở loét rồi hai bà cháu ôm nhau khóc. Thật đáng thất vọng về nơi được gọi là “tu viện” đó.

Nếu không tận mắt chứng kiến cháu của mình bị như vậy thì không thể tin trẻ em ở chốn tu hành mà bị khai thác sức lao động một cách khủng khiếp. Không được học văn hóa cũng không được hướng dẫn tu tập kinh kệ, các tiểu ni suốt ngày phải làm thức ăn, rồi đi bán bánh, bán nem, bán cơm chay... tùy theo độ tuổi mà quần quật hết cả ngày. Người dân thấy các tiểu ni nhỏ tuổi đi bán thực phẩm chay thì thường mua ủng hộ, vậy nên tu viện càng bày ra làm nhiều món hơn. Sáng trưa chiều tối, cháu tôi cũng như các tiểu ni ngập đầu trong việc chế biến thực phẩm và ra chợ buôn bán.

Kinh nghiệm ở Liên Trì khiến tôi nghĩ nếu mình không dạy được người nhà thì sao nói được tăng chúng, vậy nên nghiêm khắc với các chú Sa di một thì tôi nghiêm khắc với cháu mình gấp đôi. Khi gọi cháu đến chùa ni, tôi dặn là phải lễ phép vâng lời quý sư cô, cuộc sống tập thể nào cũng có sự khó khăn nên hãy nhường nhịn và cố gắng hòa đồng với mọi người, nhất là không được đem chuyện trong chùa kể với người ngoài.

Vì sợ tôi la rầy không cố gắng, nên cháu không dám than thở với tôi mà chỉ khóc với bà nội, cho đến khi hai bàn tay cháu đã lở loét thì tôi mới biết.

Thương cháu, tôi lại gọi cháu đến chùa Long Hoa ở Bình Chánh. Nhưng có lẽ cháu đi tu là vì nghe lời tôi và bà nội chứ bản thân không có tâm nguyện xuất gia nên khi vào chùa cháu không thích học kinh mà thích ca cải lương, thích trang điểm. Ni sư gọi tôi đến phản nản việc tu tập của cháu. Tôi lại xin đem cháu về gửi xuống chùa Pháp Hoa ở Cần Đức - Long An rồi trở về Kiếu Đàm Ni viện Quận 3... Cứ vậy, đi hết chùa ni này đến chùa ni khác, tôi nuôi giữ niềm hy vọng là cháu không tu được do chưa gặp đúng duyên với vị ni hướng dẫn.

Sau hai năm thì cháu xin hoàn tục bắt chấp tôi hết lời khuyên bảo. Má và tôi đành bất lực, phải gọi cháu

về lại với ba nó cho dù hoàn cảnh của gia đình anh Hai lúc đó rất khó khăn. Trước khi cháu về nhà, tôi nói thêm lần nữa “Con đã suy nghĩ kỹ chưa? Con xuất gia thì thấy sẽ chăm lo tạo mọi điều kiện cho con tu học, nếu con không tu thì xem như con phải về quê và thấy sẽ không chăm sóc giúp đỡ được nữa. Con chọn đường nào?” Cháu đáp lời “Con chọn con đường thế tục dù khó khăn con xin chấp nhận, vì không có duyên với đạo nên khi sống trong chùa con không có sự an lạc, tâm con lúc nào cũng nghĩ đến chuyện đời.”

Tôi muốn cháu minh tu, nhưng tôi đã hiểu sai lời Phật dạy “Phật chủng tùng duyên khởi” - giống Phật do duyên sanh. Không phải chỉ có tạo “duyen” là được mà phải có chủng tử (*hạt giống*) đã gieo trong nhiều đời nhiều kiếp, “duyen” chỉ là phụ trợ cái chính vẫn là “chủng”. Có duyên mà không có hạt giống lấy gì để nảy mầm? Nhưng nếu có giống mà không đủ duyên thì hạt giống cũng không thể thành tựu được. Như câu chuyện về một người trồng hoa. Anh tìm cách xin giống hoa đẹp của một người bạn chuyên ươm hoa về gieo. Một thời gian sau anh không thấy hạt giống lên mầm mà chỉ mọc toàn cỏ nên có ý nghi ngờ bạn mình đưa hạt giống không tốt. Một hôm anh đến hỏi người bạn tại sao hạt giống không nảy mầm? Người bạn hỏi lại thì mới biết

anh này về chỉ rải hạt nhưng không pha với thuốc trừ kiến nên tất cả hạt đều bị kiến ăn hết, chỉ có cỏ dại mọc lên là vì vậy. Câu chuyện đó gọi là “Nhân hoa quả cỏ.”

Qua đứa cháu gái, tôi thấy rõ hơn về pháp duyên sanh của đạo Phật, ngoài hạt giống còn phải có nhiều yếu tố gọi là duyên thì mới có quả.

Tôi làm công quả ở chùa nguyên hương

 Má tôi coi mấy chú Sa di như con của mình. Má không bao giờ sai bảo các chú làm việc riêng cho mình. Đi chợ, nấu cơm, lau chùi, dọn dẹp... mọi việc trong chùa đều có sự góp mặt của má. Mùa thi cử, mấy chú bận học hành thì má lặng lẽ làm hết.

Mỗi buổi sáng má xách giỏ đi ra chợ Vườn Chuối, mấy bác bán hàng ở chợ thường thấy một bà già nhỏ con tóc bạc đội khăn rằn mặc áo bà ba màu đậm và quần lá nem màu đen, miệng nhai trầu, họ hỏi “Bà ở đâu?” Má trả lời “Tôi làm công quả ở chùa Nguyên Hương” Không ai biết má là má của thầy trụ trì ngoại trừ Phật tử đến tụng kinh hằng đêm. Những khi Phật tử ở xa hoặc chư tăng ni đến chùa có công việc tìm tôi, hỏi cụ làm gì ở đây, má tôi đều nói “Con là Phật tử làm công quả ở chùa.”

Từ khi về Nguyên Hương sống với tôi không thấy má ăn mặn lẩn nào, ngay cả khi về quê thăm anh chị tôi cũng vậy. Tôi có hỏi má có phát nguyện ăn chay không, má nói “Phát nguyện sợ làm không trọn vẹn mang tội, cứ ăn được ngày nào thì biết ngày đó.” Vậy, má không hứa hẹn gì hết, cứ thảnh lặn mà thực hiện thôi. Mỗi buổi chiều lúc sáu giờ má mặc áo tràng lên chánh điện ngồi niệm Phật cho đến hết thời Tịnh độ, khuya công phu chuông chưa thức chúng má đã có mặt ở chánh điện từ ba giờ đến gần năm giờ mới xuống bếp nấu cơm và tiếp đó là lo toan chuẩn bị cho một ngày. Luôn như vậy.

Và má thảnh lặn làm thêm một việc là... ngồi bên cạnh tôi khi tôi tiếp chuyện với Phật tử là nữ!

Khi có khách nữ tới thăm chùa, má tới ngồi gần tôi và chậm rãi lấy trầu ra ngoáy ngoáy, rồi nhai trầu bồm bồm. Có người ngồi khá lâu, cũng có ý đợi má đi nơi khác để trò chuyện được thoải mái. Nhưng họ ngồi lâu chừng nào thì má cũng ngồi lâu chừng đó!

Khi khách về, má hỏi “Sao ông nói chuyện chi lâu vậy?”

Tôi biết lòng má nghĩ gì. Nhưng mà Phật tử đến thăm chùa, chẳng lẽ mình không tiếp? Nếu là người

thường xuyên đến, đã là Phật tử thân quen của chùa thì tôi lấy cớ đang làm việc, để má hoặc mấy chú Sa di tiếp chuyện cũng được, nhưng với những người lâu lâu đến chùa một lần, họ thường muốn trò chuyện với trụ trì nên tôi khó mà từ chối.

Việc đó cứ lặp đi lặp lại, khi nào tôi tiếp Phật tử nữ thì má cũng ngồi kế bên. Má như vị Hộ Pháp canh chừng cho tôi, cho đường tu hành của tôi không bị lạc lối! Thật lòng, đang tiếp khách mà có má ngồi kè kè một bên, tôi cũng thấy khó chịu. Má khiến tôi nhớ lời hòa thượng Thiển Tâm nói khi tôi theo sư huynh Minh Cảnh đến tu viện Hương Nghiêm với mong muốn ẩn tu “Chú nên ở lại đây tu đi, tướng của chú về Sài Gòn dễ bị Ma Đăng Già bắt lắm.” Tôi nghĩ hòa thượng nói vậy cốt để khuyên tôi ở lại mà thôi, chứ khi đó tôi chỉ là một học tăng nghèo từ quê ra tỉnh phải đối diện với bao khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần, tiền mua tập vở không có, lo cho miếng cơm manh áo còn khó, nên đâu có lòng dạ nào mà nghĩ tới Ma Đăng Già.

Nhưng có lẽ vì là phụ nữ nên má hiểu tâm lý phụ nữ hơn. Minh không để tâm mà bên kia có để ý thì cũng phiền. Quả là có một Phật tử nữ hỏi mượn tôi cuốn kinh rồi khi trả lại thì ép trong đó lá thư có câu thơ của Nguyễn Sa hoán đổi đại từ nhân xưng “*Áo chàng vàng*

em về yêu hoa cúc”... Đó cũng là một thử thách đối với tôi khi phải giao tiếp với nữ Phật tử. Nhờ tâm nguyện tu hành và duyên sâu dày với Phật Pháp nên sự khuấy động của người khác giới đối với tôi chỉ như một gợn sóng nhỏ thoảng qua mặt hồ.

Điều đáng kể ra đây là má không khiến chuyện thành thị phi khiến nữ Phật tử phải xấu hổ. Má không bao giờ nói chuyện này chuyện nọ bàn tán với người đến chùa hay với bất cứ ai quen biết ở chợ. Việc gì xảy ra, buồn vui hay lo lắng, má đều để trong lòng, rồi làm được gì trong khả năng thì làm. Nếu má không khéo xử sự thì chắc chắn sẽ gây nhiều phiền phức, gây ra chuyện nọ chuyện kia. Có lẽ má tôi đã được tu tập từ kiếp trước, bởi vì ngay cả khi còn ở quê, má cũng rất nghiêm khắc với anh Hai, chị Ba khi bàn luận chuyện người khác. Má nói *“Chuyện của người mình không ở trong cuộc, không thấy, không biết rõ nói tới nói lui làm mất lòng. Chuyện ai làm nấy chịu mấy đứa không nên tham gia dễ sinh ra cãi vã không hay.”* Đạo lý này người nào cũng biết nhưng có mấy ai thấu đáo khi đối mặt với chuyện thị phi, nhất là ở vùng nông thôn.

Chỉ biết lao vào công việc ở đâu đâu

 Thời gian thấm thoát, các chú sa di có người đã thọ giới Tỳ kheo và cũng có người trở về đời sống thế tục, và lại có lượt tiểu mới vào chùa, trong đó có đứa con trai của anh Hai tôi. Anh Hai đã mất, tôi và má bàn bạc đón cháu về chùa với mong muốn cháu xuất gia tu hành.

Rút kinh nghiệm về đứa cháu gái, tôi rất nghiêm khắc với đứa cháu trai này. Chùa tăng nên thuận tiện cho tôi nhìn ngó cháu hàng ngày, tôi ra thời khóa biểu bắt cháu phải học văn hóa, và đi học nội điển ở Học viện Phật giáo. Mỗi khi cháu phạm lỗi, không thuộc bài hoặc lau căn gác không sạch sẽ hoặc trốn việc dọn rửa chén bát, tôi la rầy gay gắt.

Thấy tôi quá khắt khe, má nói “Ông giống ba ông quá nhưng hiện tại ông là người tu phải biết giờ cao đánh khẽ, đừng quá nặng tay dù đó là đệ tử hay

người thân, ai cũng có lỗi lầm, phải mở cho họ một con đường.”

Những khi má con thủ thủ với nhau, tôi hỏi tính cách ba sao mà má nói con giống ba? Má kể ba tôi lúc còn trẻ đã ghét ai thì không bao giờ tha thứ, tìm đủ cách để trả đòn dù người ta vô tình hay có ý dụng chạm trong cuộc sống với ba tôi. Tôi kêu trời ơi, con đâu có ôm nỗi ghét ai đến mức không bao giờ quên và con đâu có trả đòn ai. Má lắc đầu, ông không giống tính đó mà có giống tính khác. Sau này, nhiều lần má nhắc nhở về sự “giống tính khác” đó là “chỉ biết lao vào công việc, đi sớm về tối bỏ cả gia đình.” Tôi đã lơ là bỏ qua sự nhắc nhở này để rồi đến nay phải ôm nỗi hối hận, xin sẽ kể rõ hơn trong phần sau.

Má nói lúc còn trẻ má từng giấu hoặc tìm cách can ngăn ba tôi về những sự trả đũa mà ba tôi chuẩn bị thực hiện. Má nói “Ông làm cha mà không để đức lại cho con.” Còn ba thì nói “Bà tu đi mai một bay lên trời cho tôi nằm vạt áo của bà.” Khi nói câu đó, có lẽ ba chỉ mĩa mai đùa thôi.

Má kể lúc còn trẻ bà nội tôi lên núi Đá Dựng cách trung tâm Hà Tiên khoảng sáu cây số gần hang Thạch Động, bà nội quy y với vị tăng ẩn tu và bà nội cũng lên

đó ở để tu. Một hôm ba tôi lên tìm vì không muốn bà nội đi xa. Khi gặp bà nội ba tôi năn nỉ và nói “Mấy đứa nhỏ nó nhớ má, con và thằng Kiệt (là chú Tám em của ba tôi) cũng muốn má về ở gần nhà để tụi con săn sóc má.” Bà nội nghe vậy mừng lòng nên xin thầy trở về gia đình. Khi gặp mặt ba tôi và bà nội, thầy nói “Cô còn thiếu nợ chưa tu được đâu, thôi cô về rửa đít cho cháu đi.” Ba tôi nghe thầy nói trong lòng rất bất mãn và về nhà nói với má tôi “Ông thầy ăn nói vô duyên vô dùng.” Từ đó ba tôi ác cảm với mấy thầy tu và khi ba tôi mất, má đi khắp nơi thỉnh thầy nhưng ngày đó ở quê tôi chẳng có vị thầy nào, chùa bỏ trống không người chăm sóc, ngay cả thầy cúng cũng không. Ai cũng nói ba tôi không có duyên với Phật Pháp. Nếu ba còn sống chắc gì tôi được xuất gia.

Đúng là nghiệp duyên. Tôi xuất gia gặp bao khó khăn mà không nản chí, càng khó khăn càng nỗ lực vượt qua, còn cháu tôi, con đường tu hành có tôi là người đi trước nâng đỡ hướng dẫn chỉ bảo, thuận lợi hơn rất nhiều, vậy mà học xong Trung cấp Phật học, thọ giới Tỳ kheo rồi thi đậu vào Học Viện Phật Giáo... Con đường tưởng không còn gì trở ngại nữa, nhưng rồi thì cháu cũng xin ra khỏi chùa, trở về đời sống thế tục.

Mới biết nếu không có lý tưởng và hảo tâm xuất gia mà chỉ do hoàn cảnh phải xuất gia thì không giữ được

chiếc áo tu cũng là lẽ đương nhiên. Thế mới biết phước duyên và nghiệp quả con người vô cùng khó thoát mà trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật kể câu chuyện “Có sáu con thú: khỉ, dã can, cá sấu, chim, chó sói, rắn. Người ta bắt sáu con thú này cột chung lại một chùm. Mỗi con đều dùng hết sức mạnh của mình lôi về mỗi hướng (Khỉ lôi lên cây, cá sấu lôi xuống biển, chim bay lên hư không, dã can lôi vô gò mả, rắn lôi vô hang, chó sói lôi vô bụi rậm). Trong trường hợp ấy nếu con nào mạnh sẽ kéo những con khác theo hướng của mình. Cũng vậy, mỗi căn: mắt, tai, mũi lưỡi, thân, ý của phàm phu, nếu căn nào huân tập chủng tử mạnh, nó sẽ lôi cuốn các căn khác chạy theo nó.

Chúng ta không thể cưỡng lại với định nghiệp mà hai đứa cháu tôi là minh chứng, Vì theo tinh thần nhà Phật định nghiệp là do chính mình tạo nên có nhân là phải có quả, đây là quy luật tự nhiên. Nhân quả là do chính con người chủ động , chính con người tạo ra nghiệp nhân và cũng chính con người chịu nghiệp quả. Đã do tự con người thì nó không phải là bất di bất dịch, trái lại, đó vẫn là pháp vô thường chuyển biến theo ý chí mạnh hay yếu, tốt hay xấu của con người.

Trong mỗi con người ai cũng biết có những việc xấu nếu sa vào sẽ khổ đau nhưng ít ai tránh khỏi khi

phước duyên mỏng nhẹ mà nghiệp lực lại nặng nề. Không dễ gì chúng ta chọn lựa cho mình là được mà phải có nhiều phước duyên gieo trồng mới mong thoát được những nghiệp lực mà trong Thanh Thật Luận có bài kệ:

Giả sử bách thiên kiếp
Sở tác nghiệp bất vong
Nhân duyên hội ngộ thời
Tự tác hoàn tự thọ

*(Dù trải qua trăm ngàn kiếp
Nghiệp đã tạo không bao giờ mất
Khi nhân duyên đã hội đủ
Tự mình làm mình phải chịu lấy quả báo.)*

Khi tôi xuất gia ở gần một vị thầy già sống ở nông thôn, không được học hành gì nhưng lời dạy của thầy mang đầy hơi thở đạo lý. Nhớ lời thầy nói “Chuyện đi tu là dễ nhưng giữ được đạo tâm lâu bền mới là khó.” Khi còn nhỏ tôi chỉ biết “dạ” khan khi thầy dạy. Sau này, mỗi lúc gặp khó khăn trong đời sống tu hành tôi mới thấu hiểu câu nói nghe chừng mộc mạc đơn sơ mà không phải ai cũng thực hiện được. Câu nói của thầy

trở thành nguồn năng lượng giúp tôi vượt qua bao trở ngại trong những năm sống và học ở thành phố đầy cảm dỗ với người xuất gia trẻ tuổi như tôi.

* * *

Công việc làm báo thất thường nên nhiều khi đi sớm về muộn. Quá trưa tôi về, thấy má ngồi ở cầu thang đợi cơm. Buổi tối gần bảy giờ tôi về, cũng thấy má ngồi đợi cơm. Hoài hoài như vậy, trong lòng rất xốn xang, tôi nói “Sao má không ăn trước đợi con làm gì, già rồi ăn cơm nguội canh lạnh dễ sinh bệnh”. Má chỉ trả lời một câu “Thì đợi ông về ăn”. Thật tình, có khi mệt quá, về tới chùa tôi chỉ muốn nằm nghỉ mà vì má đợi cơm nên tôi phải cùng ăn với má. Sau này mới hiểu, má sợ tôi mệt làm biếng ăn nên ép tôi ăn bằng cách đó!

Bữa cơm thanh đạm với vài món mà ai đi chùa ăn chay cũng biết nấu, nhưng bữa nào đến lượt má nấu thì nhiều người khen ngon, nhất là món mì căn kho với khóm và củ cải muối. Tôi nhớ từ hồi còn là chú đệ tử ở chùa quê, mỗi lần má nấu món mì căn kho với khóm và củ cải muối thì thấy tôi tăm tặc khen rồi hỏi cách làm. Má hướng dẫn tỉ mỉ - mì căn xé nhỏ, chiên cho giòn, củ cải xắt mỏng và chiên cho săn lại, khóm cũng xắt mỏng rồi xào sơ. Sau đó trộn ba loại vào nhau, nêm nếm cho

vừa miệng và xào lại một lần nữa. Khi múc ăn nhớ rắc tiêu cho thơm.

Mấy bữa sau, thấy tôi bày ra làm món đó, y như má hướng dẫn, mà khi nấu xong thì thấy nói “Sao mình làm không ngon bằng cô Năm?” Nay thì các chú ở Nguyên Hương cũng nói vậy. Đến lượt các chú nấu cơm, cũng làm y như má tôi bày biểu, cũng xào cũng chiên cũng nêm nếm cẩn thận... mà sao không ngon như bà nấu!

Mấy bà mấy cô thì nói đùa, vì thức ăn được má nêm nếm gia vị yêu thương dành cho tôi, và mọi người được hưởng kén!

Ngày rằm lớn hoặc có đám trai tăng cúng tuần thất cho cha mẹ anh em của Phật tử, má tôi thường nấu bún riêu. Món bún riêu này ban đầu do bà cụ miền bắc là Phật tử Diệu Lạc chỉ bày má nấu. Đậu nành ngâm rồi đem xay, đựng trong túi vải, vắt vô nồi, bỏ xác đậu, bắc lên nồi nấu. Trước đó cà chua xắt nhỏ, xào lên, khi nồi nước đậu nành sôi, bỏ cà chua vào. Cà chua và đậu nành sôi lên tạo thành riêu đông lại, nêm nếm cho vừa, bỏ thêm đậu phụng rang cà nhỏ sẽ thơm. Khi ăn, có thêm rau muống, bắp chuối, rau thơm, giá sống... múc nước riêu chan vô tô bún rồi ăn. Món ăn đơn giản mà rất thơm ngon.

Ép ăn thì được, nhưng ép nói thì tôi không. Mỗi khi thấy tôi căng thẳng lo lắng là má quan tâm hỏi han. Chính sách xã hội thời kỳ đó có nhiều định kiến với người tu nên có những trở ngại vô lý khó nói thành lời. Hơn nữa, Phật sự đâu phải công việc của riêng tôi, còn liên quan những người khác nên tôi không thể nói với má được. Tôi chỉ biết cười cho má yên lòng và nói: “Không sao đâu má, có chư Phật và Hộ pháp gia hộ cho con mà.”

Phật tử tới chùa, không thấy tôi đâu, hỏi chuyện má, má nói “Ông thấy giống ông già ổng như dúc, chỉ biết lao vào công việc, đi sớm về tối bỏ cả gia đình.” Má đã lấy kinh nghiệm của một người phụ nữ phải gánh vác tất cả mọi việc nhà khi người đàn ông của gia đình không tròn trách nhiệm để khuyên răn tôi, má hay nói “Trụ trì không lo chăm sóc đệ tử của mình mà chỉ biết lo công việc ở đâu đâu.” Và lần nào tôi cũng đáp lời “Ở đâu cũng là Phật sự mà má.”

Sau này, khi gặp lại những người từng là đệ tử xuất gia với tôi mà phải trở về đời sống thế tục, có người trách “Tội con hồi đó còn trẻ, tâm sinh lý có lúc này lúc kia, những khi dụng chuyện mong có thấy chỉ bảo mà chẳng thấy thấy đâu... vậy nên...” Tôi nghe mà thấy mình có lỗi vô cùng. Tôi thu nhận đệ tử cạo đầu xong

thì coi như xong! Tôi chỉ nghĩ đơn giản là các em thuận lợi hơn tôi ngày trước rất nhiều, có nơi ăn chốn ở đàng hoàng, được tạo điều kiện thuận lợi để đi học văn hóa, có sẵn kinh sách để học hỏi... Chỉ cần các em siêng năng chăm chỉ là được!

Nhưng thực tế cuộc sống còn biết bao điều khác... Chúng tôi đông nhưng không biết hỏi ai những phương pháp tu nhằm ngăn ngừa giải tỏa chia sẻ khi gặp khó khăn trong học tập cũng như trên bước đường tu, những ẩn ức khao khát ước mơ hoàn toàn do tự tìm tự tu tự giải quyết khi gặp chướng duyên từ nội tâm đến ngoại cảnh. Phải tự đứng lên khi vấp ngã mà đâu phải ai cũng có khả năng tự đứng lên, thậm chí cũng không biết mình đang bị ngã! Vậy nên ý nguyện tốt đẹp khi xuống tóc vào chùa bị bào mòn dần dần rồi phai nhạt...

“Trụ trì không lo chăm sóc đệ tử của mình mà chỉ biết lo công việc ở đâu đâu” nhớ lại câu nói này của má tôi rất ân hận vì đã lơ đãng bỏ qua. Vì được má yêu thương chăm sóc tận tình, hàng ngày má rủ rì điều này điều kia... nghe hoài tôi đâm ra quen tai, nghe rồi bỏ đó câu nhớ câu quên, chỉ biết là mình vừa được má nhắc nhở gì đó mà mình thì đi làm Phật sự chứ có phải đi chơi đâu! Mình có làm gì sai trái đâu!

Nếu tôi chú ý hơn, nếu tôi sâu sắc hơn, hẳn là tôi kịp chấn chỉnh sự vô tâm của mình đối với đệ tử, hẳn tôi đã kịp lắng nghe và chia sẻ, kịp làm chỗ dựa cho sự non nớt yếu lòng, kịp thấu hiểu nguồn cơn của lỗi lầm, kịp có mặt bên nhau để dìu dắt các đệ tử trên đường tu tập...

Vẫn biết cõi áo tu trả lại chùa còn do duyên nghiệp phước mỗi người, nhưng mà một phần sự kém phước của các em cũng là vì tôi, một ông thầy khi đó còn quá vô tâm.

Biết bao ân tình & tổn thương sâu

 Sau năm 1990, những lần má tôi về thăm quê khi quay lại thành phố thường chở theo một tạ gạo và khá nhiều đậu xanh, khoai lang, bắp, chuối... Khác với trước đây, mỗi khi về quê lên má chỉ đem theo được vài ba chục ký gạo mà thôi. Vì chính sách ngăn sông cấm chợ đang dần dần được tháo gỡ, việc làm ăn buôn bán và giao thương hàng hóa từ nơi này qua nơi kia không còn quá khó khăn. Đời sống xã hội thay đổi theo hướng cởi mở cũng tác động đến chùa chiền và tín ngưỡng, nhiều Phật tử là người làm ăn buôn bán được thuận lợi nên sự cúng dường rộng rãi hơn, người dân đi lại từ tỉnh này qua tỉnh khác cũng dễ dàng hơn.

Năm 1991, anh Tư Đợi người từ làng xã quê tôi đến thăm và trình bày là chùa Bửu Thọ ở quê bị mối mọt ăn hư hại, mà làng mình là khu vực thuần nông kinh tế khó khăn, mọi người mong tôi đứng ra kêu gọi

quyên góp để tu sửa ngôi chùa đã rệu rã. Bửu Thọ, ngôi chùa làng quê nơi tôi sinh ra, nơi mà tiếng trống tiếng bồng tiếng bảo chung đánh thức hạt giống lành trong tôi khi còn thơ bé, nơi đó đã tưới tẩm chí hướng xuất gia trong tôi, nơi mà vị thầy bốn sư đã đặt chiếc dao cạo tóc cho tôi để hôm nay tôi là một tu sĩ Phật giáo...

Biết bao ân tình.

Và ngoài tình riêng ra thì tôi nghĩ tu sửa ngôi chùa nghèo là một việc rất nên làm. Tuy nhiên, nếu không khéo xử sự thì có khi là chính tôi gây tổn thương cho bao ân tình đó, bởi vì hiện nay có vị thầy đang ở đó, bà Tư giữ chùa khi tôi đi học đã già yếu và về nhà với con cháu từ lâu. Dù chùa Bửu Thọ do thầy bốn sư tôi trước đây tạo dựng nhưng nay nếu tôi bỗng nhiên trở về dù là để trợ duyên cũng sẽ khiến thầy ấy khó chịu. Tôi không bao giờ muốn vậy.

Nên dù trong lòng rất xót khi nghe tình cảnh mục nát của ngôi chùa quê mình, tôi cũng không dám vội vàng. Sau khi suy nghĩ cẩn thận, tôi trả lời với anh Tư Đui là xin vị thầy hiện nay (là thầy Minh Hiệp) bỏ chút thời gian đến chùa Nguyên Hương gặp tôi để trình bày ý nguyện, cho mọi người hiểu rõ là thầy ấy cũng chung lòng mong muốn như người dân trong quê. Và một khi

thấy Minh Hiệp đích thân đến thì cũng giúp cho việc vận động quyên góp từ Phật tử ở chùa Nguyên Hương được rõ ràng minh bạch.

Vào thời điểm đó, thấy Minh Hiệp với tôi không phải huynh đệ và cũng không có mối quan hệ nào khác ngoài tình đồng đạo. Thấy Minh Hiệp từ nơi khác đến cùng một số các vị tăng, thấy chùa Bửu Thọ không có tăng nên ở lại đó. Sau năm 1975, các vị tăng đều hoàn tục chỉ còn một mình thấy ở lại trông coi ngôi chùa nghèo, thấy kiếm sống bằng cách ngày ngày làm bánh bán. Dần dần thì thấy Minh Hiệp trở thành trụ trì cho đến hôm nay.

Ban đầu, chùa từ mái tôn vách lá sửa thành vách tôn mái ngói. Nhưng sau đó vì người dân mong muốn chùa được rộng rãi hơn và cũng vì cái móng đã bị mối ăn mục ruỗng nên tôi bàn bạc với mọi người và đi tới quyết định dỡ ra xây lại toàn bộ, chùa mới có diện tích rộng rãi hai trăm mét vuông tường gạch mái ngói.

Trong thời gian xây chùa, tôi công tác với báo Giác Ngộ nên rất bận rộn, tôi không thể trực tiếp coi ngó công việc xây dựng nên mọi điều đều giao cho thấy Minh Hiệp và ban hộ tự. Ai cũng mong đợi đến ngày được nhìn ngắm ngôi chùa quê mình xây dựng xong

đẹp dễ khang trang, đó là niềm vui chung của tất cả mọi người. Phật tử của Nguyên Hương cũng hòa cùng niềm mong đợi đó.

Nhưng không phải việc gì mình hết lòng mong muốn đều được như ý nguyện, nhất là chuyện xây dựng một ngôi chùa. Hàng tháng vào ngày mười lăm, khi công việc ở báo Giác Ngộ đã xong, tôi lên xe lúc bốn giờ chiều về quê để kịp sáng hôm sau hướng dẫn Phật tử khóa tu Bát Quan Trai. Vòng trở lại thành phố tôi cũng lên xe lúc tám giờ tối để sáng hôm sau kịp giờ làm việc ở báo Giác Ngộ.

Hôm đó, như thường lệ, tôi về quê để hướng dẫn khóa tu Bát Quan Trai thì nghe phản nàn là Phật tử từ thị xã đến chùa Bửu Thọ cúng dường mà không biết ai quản lý tài chánh nên mọi sự rất lộn xộn. Lấn hối thì việc thi công bị đình trệ, thợ hồ làm không ai đón đóc và quản lý nên nguyên liệu bị thất thoát, công trình không có người coi ngó chăm sóc nên rất lộn xộn bừa bãi...

Nghe vậy, trong lòng tôi cảm thấy buồn và thất vọng. Ngoài tiền quyên góp từ Phật tử chùa Nguyên Hương, vùng nông thôn nghèo mà có được vài người khá giả từ thị xã vào phát tâm cúng dường và giúp cho

công việc xây cất được tiến triển là rất mừng. Mà lại để xảy ra cơ sự này.

Hơn nữa, Phật tử chùa Nguyên Hương cảm thấy tổn thương vì sự quá lỏng lẻo trong sự chi tiêu cho thấy sự cúng dường của họ không được trân trọng...

Cả vật chất lẫn tinh thần đều tổn thương. Tôi thối tâm. Gần hai năm tôi ngừng thi công, việc xây dựng dở dang giữa nắng mưa khiến những cây tràm xà gỗ chống đỡ đã bị mục luôn.

Nếu không có má tôi kiên trì nhắc nhở, có lẽ tôi đã bỏ cuộc.

Con cảm ơn má nhiều lắm

 Chung kiến tôi thối tâm, trong lúc ăn cơm hay những khi má con trò chuyện tâm tình, thế nào má cũng nhắc tới việc xây chùa đang dở dang. Má hay rủ rì “*Chùa Bửu Thọ linh lắm, nơi đó Long Thần Hộ Pháp và giác linh ông thầy Hai (thầy Bốn sư của tôi) luôn phù hộ nên ông phải xây dựng cho hoàn thành. Bà nội của ông cũng tu nơi đây mà. Dù sao cũng là nơi ông nhờ đó mà trưởng thành.*”

Ban đầu, nghe má nói tôi cứ ậm ừ thôi, thật sự quá buồn nản, chẳng thiết tha gì nữa. Nhưng mưa dầm thấm lâu, má cứ thủ thỉ nay một câu mai một câu...

Lời má nhắc tôi nhớ thấy bốn sư tôi trong lúc khó khăn đủ mọi bề với tuổi đã già nhưng không bỏ cuộc, thầy xoay sở đủ mọi cách sao cho ngôi chùa mái lá dột nát được tươi tắn hơn. Thấy tự tay làm mộc và đắp đất sửa sang chùa, rồi thì thấy làm thuê bằng cách đóng bàn

ghế tủ giường cho người dân trong xóm kiếm tiền cũng để sửa sang chùa, hết việc mộc thì thấy xoay qua làm nông làm vườn với mong muốn mùa thu hoạch bán hoa màu có tiền cũng với mục đích sửa sang chùa...

Khó khăn thiếu thốn không khiến thấy nản lòng mà ngược lại, lúc nào thấy cũng giữ nụ cười lạc quan và càng cố gắng hơn. Bất chấp ngoại cảnh thế nào, thấy vẫn một lòng cần mẫn chăm chút cho ngôi chùa mái lá được khang trang hơn từng chút từng chút...

Và tôi nhớ khi thấy trò gặp lại sau ba năm xa cách, mừng cho tôi có thay đổi tốt đẹp hơn là được về thành phố học hành còn phần thấy thì vẫn đi mượn đồ nghề về để làm mộc như trước, tiếp tục chăm chút thực hiện tâm nguyện về một ngôi chùa khang trang cho người dân quê mình.

Tôi nhớ lúc hai tay mình đỡ tấm thân gầy gò khi thấy trút hơi thở cuối cùng một cách lặng lẽ. Khi đó tôi vẫn chưa hiểu gì, chỉ biết vô thường đến thì đi, vậy thôi. Nhưng giờ đây tôi tự hỏi run rủi nào đưa đẩy thấy kịp trở về chùa Bửu Thọ những ngày cuối đời? Có phải phước duyên đã sắp xếp cho thấy trò tôi gặp lại nhau trước khi thấy ra đi, để thấy biết đệ tử nhỏ vùng đại ngày nào đã trưởng thành hơn? Để thấy có

lòng tin là tôi sẽ vượt qua được gian khó? Và để tôi một lần nữa chứng kiến và thấu hiểu tâm nguyện mà thấy vẫn dờ dang ...

Thấy đành dờ dang vì hoàn cảnh quá ngặt nghèo trăm bề khó khăn, còn tôi, dù sao vẫn còn có nhiều Phật tử sẵn sàng ủng hộ trợ duyên mà sao tôi đã buông tay? Sao tôi dễ dàng chán nản?

Nghĩ mà hổ thẹn với lòng, hổ thẹn cả với má. Lẽ ra tôi phải là chỗ dựa của má, nào đâu còn phải đợi má nhắc nhở mới nhớ đến tấm gương của thầy bốn sư mà soi lại chính mình.

Và tôi nhận ra thấy bốn sư không hề ra đi mãi mãi như tôi từng nghĩ. Thấy vẫn còn đó trong ký ức của má tôi, một bà già nông dân mù chữ mà biết nhìn người bằng tấm lòng. Thấy vẫn còn đó trong tôi, đường dài bận bịu khiến tôi quên nhưng chỉ cần nhắc lại thì quãng đời cùng với thầy hiện ra sống động và mới mẻ hơn. Lột đi lớp vỏ quê mùa nghèo nàn thất học của một ông thầy chùa làng quê và hãy nhìn bằng con mắt thấu hiểu để thấy được tấm lòng son của một người dâng trọn tháng ngày còn lại của đời mình cho một tâm nguyện rõ ràng là quá tấm tay với nhưng vẫn không chịu bỏ cuộc. Có phải thầy không cam lòng bỏ cuộc vì cảm nhận được

ước mơ lớn nếu không thành thì điều cần làm là truyền lại hạt mầm của ước mơ cho lớp kế tiếp?...

Mà tôi là đệ tử của thầy, có thể nói tôi là đệ tử duy nhất của thầy.

Tôi đã không nhận ra ngay. Tôi đã phí hoài nhiều thời gian để nhận ra. Tôi đã để má phải bao lần nhắc nhở mới nhận ra.

Ôi má. Con cảm ơn má nhiều lắm.

Má hít thở cùng bầu Không Khí với người tu

 Chư tăng ni quen biết đều nói má là một vị Hộ Pháp trên đường tu của tôi. Nhiều người còn phán một câu: “Thấy má không có má kể bên chưa chắc thấy có thể tu được cho đến ngày hôm nay.” Thật lòng, tôi chưa bao giờ khởi lên ý nghĩ rời bỏ chiếc áo tu cho dù bất cứ khó khăn nào, nhưng chắc chắn một điều là má hẳn vị Hộ Pháp của tôi, một thiện trí thức suốt quãng đường tu tôi đã đi qua.

Chuyện đối nhân xử thế má tôi là như vậy, và chuyện tinh tấn tu tập hằng ngày má cũng sách tấn tôi rất nhiều. Tôi đi tu mấy chục năm nhưng chưa chắc tinh tấn bằng cụ già như má tôi. Nhìn lại những năm tháng lao vào công việc được gọi là Phật sự của một tăng trẻ đầy nhiệt huyết với đạo, hết Phật sự này đến Phật sự khác, hết việc chùa đến việc Giáo hội... tôi không còn đủ thời gian cho tu tập. Có khi cả tuần và

có khi suốt cả tháng tôi chưa có một thời kinh ngoại trừ ngày sám hối!

Còn má, thời kinh nào má cũng luôn có mặt trước mọi người và là người rời chánh điện sau cùng. Má chuyên cần tu tập vậy nên Phật tử tới chùa ai nấy đều ngạc nhiên khi biết má chưa quy y. Cũng phải thôi, vì má có mặt ở chùa Nguyên Hương là để phụ giúp cho tôi, má đâu có nguyện ước gì cho bản thân mình, và tính cách của má là không hứa hẹn trước điều gì vì sợ lỡ không thành thì mang tội. Ngay cả khi đưa tôi tới chùa cạo tóc, thấy tôi mời má nguyện hương mà má từ chối vì sợ thất hứa với Phật!

Điều đáng nói là má có mặt ở chùa là vì tôi, đứa con mà má rất yêu thương. Nhưng có lẽ đó cũng là cơ duyên để má hít thở cùng bầu không khí với người tu, cùng ăn chay cùng niệm Phật và cùng tu tập, cùng tinh thần bố thí chia sẻ... Phật tử tới chùa thấy bà già thì hay cho tiền để ăn trầu ăn bánh, má để dành đợi đến khi mọi người tổ chức đợt từ thiện thì đóng góp. Tôi nhớ có những mùa hè, sau khi quyên góp, mọi người hỏi nhau lần này nên tặng quà nơi nào? Má nói học trò quê ở Mong Thọ thiếu thốn lắm và đề nghị nên tặng tập vở và bút. Sau khi ba tôi mất, má đã đề nghị cho trường tiểu học Mong Thọ A mượn khu đất của gia đình tôi

để xây cơ sở cấp I cho các em trong kinh Ba Chùa học.
Ai cũng ngạc nhiên sao bà già mù chữ mà lại biết quan
tâm tới học trò đến vậy.

Đồng đạo

 Sau gần chục năm má sống ở chùa với tôi, năm 1994 tôi đến Phật học Viện Huệ Nghiêm gặp thấy Minh Thông vào bạch với hòa thượng Bửu Huệ cho má tôi được quy y.

Có người hỏi tại sao tôi không quy y cho má mình mà phải nhờ vị thầy khác? Là vì dù đi tu từ nhỏ, tuổi đạo đã được bốn mươi, nhưng tôi là con của má. Tôi đi tu hay tôi là gì khác thì tôi luôn là phận làm con, má luôn là bề trên của tôi. Nên tôi nhờ vị thầy lớn tuổi làm lễ quy y cho má để tỏ lòng tôn kính.

Khi làm lễ xong hòa thượng mời tôi với má vào phòng khách và nói “Cô là má của thầy trụ trì thì phải biết hoan hỷ và rộng lượng. Đừng ỷ lại con mình rồi sinh tính khó khăn khiến thầy trụ trì khó tiếp tăng độ chúng.” hòa thượng kể đã từng chứng kiến những ngôi chùa mà má của thầy trụ trì khó khăn với tăng chúng,

xem thường chư tăng, bắt tăng trong chùa phục vụ mình. Điều này tôi cũng có nghe và chứng kiến một vài tăng ni làm trụ trì nơi này nơi kia mà có mẹ sống trong chùa thì hay sai tăng chúng phục vụ cho mẹ mình. Chưa kể mẹ của thầy trụ trì nói ra nói vào xét nét tăng chúng rồi lại méc con mình tội này lỗi kia...

Quả là chuyện không hay ở chốn thiền môn. Nhưng buồn thay đó là chuyện có thật thời nào cũng có.

Nhưng may mắn là điều đó không xảy ra ở Nguyên Hương. Từ ngày má tôi sống hẳn ở Nguyên Hương cho đến khi bà ra đi là 21 năm, và năm năm trước đó là quãng thời gian bà thường xuyên từ quê về thành phố thăm tôi rồi ở lại dài ngày để phụ giúp trông coi chùa, tổng cộng là 26 năm. Suốt thời gian đó, không một ai có lời nào trách móc phiền hà về bà. Bà không bao giờ nói điều gì xúc phạm đến Phật tử và chư tăng, ngay cả mấy chú sa di hay các chú tiểu cũng không bao giờ bị bà sai vặt hoặc bắt các chú làm việc riêng cho mình. Ngược lại, công việc đi chợ nấu cơm, lau chùi, dọn dẹp... đều có sự góp mặt của má tôi. Những khi hai má con thủ thi trò chuyện, tôi cũng hay nhắc nhở má sống trong chùa là phước nhưng nếu thiếu cung kính và ngã mạn thì phước trở thành tội.

Nhắc nhở má vậy thôi, chứ từ khi còn nhỏ tôi đã thấy má mình có tính khiêm nhường, không khoe khoang phô trương và không làm phiền ai, má sống đơn giản hiền hòa từ lời ăn tiếng nói hàng xóm láng giềng chưa làm méch lòng ai. Ngay cả khi ba tôi còn sống gia đình có hàng chục mẫu ruộng, trâu thì hơn chục con, trong nhà hơn mười người giúp việc mà má tôi không bao giờ ý thế nhà mình giàu có mà bắt nạt hay gây khó dễ cho người làm công.

Đi cúng dường các trường hạ trong mùa An Cư cùng đạo hữu Minh Hiện và Phật tử từ chùa Nguyên Hương, như một duyên lành, má tôi được gặp những vị ni sư đáng kính như sư bà Tịnh Hạnh, sư bà Tịnh Nguyên, sư bà Tịnh Thường, sư bà Như Hải,... Và ni sư Như Lợi, ni sư Như Xuân, ni sư Như Ngọc... Ai cũng cảm mến nét chân thật giản dị của một nữ Phật tử già và lại là má của một trụ trì nên nhiều ni trưởng mỗi lần gặp đều khuyên má tôi xuất gia “Đời này cụ đã có phước làm má của một vị tỷ kheo và được sống theo con trong chùa nên phát tâm Bồ đề thì thật là quý báu vô cùng. Cụ nên xuất gia gieo duyên đời sau.” Má tôi nói “Con già rồi, sức khỏe không có chỉ biết niệm Phật, tu được chút nào hay chút nấy còn xuất gia con sợ giữ không trọn vẹn lại mang tội thêm.”

Thật lòng khi đó tôi cũng không muốn má mình xuất gia vì má đã tám mươi tuổi rồi, tôi nghĩ đi tu đâu chỉ là đọc kinh. Ngay cả tôi đây đã đi tu hơn chục năm mà còn nhiều điều chưa thông hiểu chỉ là ứng xử của một vị ni đã già.

Trong dịp chùa Vạn Thiện tổ chức ngày vía Bồ Tát Quán Âm 19 tháng sáu hằng năm, má tôi gặp quý Ni trưởng Tịnh Hạnh chùa Bồ Đề, lại được khuyên nên xuất gia, lần này thì má tôi hoan hỷ bằng lòng. Khi quý ni sư báo cho tôi biết bà đồng ý xuất gia tôi rất bất ngờ.

Buổi sáng 19 tháng tư Ất Dậu 2005, ni trưởng Tịnh Hạnh cạo tóc má và truyền giới Sa di ni, pháp danh Huệ Hòa. Tôi nhớ hôm đó má mặc áo bà ba màu nhạt, bên trong là áo bà ba ngắn tay, cổ quần khăn rằn màu đỏ, quần đen lá nem. Phật tử và các chú ở Nguyễn Hương hân hoan ủng hộ má bằng cách thuê một chiếc xe để cùng nhau đưa má tới chùa Vạn Thiện. Tôi ngồi bên cạnh má, cầm bàn tay má nhăn nheo lăm chắm vết đổi mới, trong lòng trào dâng niềm xúc động không biết nói gì.

Tôi nhớ trong thư thiền sư Lương Giới gởi mẹ có đoạn: *"Được nghe chư Phật ra đời đều do cha mẹ mà có thân, muôn loài sanh trưởng thấy nhờ trời đất che chở."*

Cho nên không có cha mẹ thì chẳng sanh, không có trời đất thì chẳng trường, thấy nhờ ân dưỡng dục, đều thọ đức che chở. Song mà, tất cả hàm thức, vạn tượng hình nghi đều thuộc vô thường chưa lìa sanh diệt. Tuy ơn bú xú nặng nề, công nuôi dưỡng sâu thẳm, nếu đem của cải thế gian phụng dưỡng trọn khó đáp đền, dùng máu thịt dâng hiến cũng không được bền chắc. Trong Hiếu Kinh nói: “Dù một ngày giết đôi ba con vật để cung hiến cha mẹ vẫn là bất hiếu vì sẽ lôi nhau vào vòng trầm luân chịu muôn kiếp luân hồi”. Muốn đến ơn sâu dày của cha mẹ đâu bằng công đức xuất gia...” Và thư của mẹ Thiền Sư trả lời “Con viết thơ về, quyết xin xuất gia. Cha đã mất, mẹ già, anh yếu em nghèo nàn, mẹ trông cậy vào ai? Con có ý bỏ mẹ, chớ mẹ nào có tâm quên con. Từ khi con cất bước tha phương, ngày đêm mẹ thường rơi lệ. Khổ thay! Khổ thay!..”

Má tôi cũng từng khóc vì thương nhớ và lo lắng, nhưng có lẽ tôi được an yên hơn vì má quyết định về chùa ở với tôi, má vun đắp cho đường tu của tôi, má cùng tôi ăn chay tụng kinh niệm Phật...

Để có ngày hôm nay!

Được má hộ trì trợ duyên trên đường tu đã là may mắn, nay má trở thành đồng đạo thì còn gì hạnh phúc hơn.

Má thợ giới xong thì mọi người vây quanh tặng quà, niềm vui thấy rõ trên khuôn mặt nhăn nheo của má. Mọi người bày ra nấu một bữa chay thật ngon để mừng má từ nay đã là người tu.

* * *

Trở thành Sa di ni, má chẳng khác gì trước đây. Sáng sớm, chuông đổ lúc bốn giờ và sau đó mười lăm phút là bắt đầu khóa công phu khuya. Buổi tối, sáu giờ bốn lăm đại hồng chung đổ và sau đó mười lăm phút là bắt đầu thời khóa Tịnh Độ.

Má luôn có mặt trước khi chuông đổ.

Chỉ khác trước là búi tóc bạc không còn nữa và thay cho cái áo tràng thì nay là người tu nên má mặc áo hậu lam và choàng chiếc y Sa di ni. Khác nữa là lưng má còng dần nên má phải vịn tay cầu thang từng bước lom khom.

Vậy mà thời kinh nào má cũng có mặt trước tất cả các chú các thầy.

Cho tới khi bệnh tật tuổi già kéo đến, có hôm yếu quá không leo cầu thang lên chánh điện được thì má thay y áo nghiêm trang ngồi ngay trên giường, cầm xâu chuỗi lần từng hạt và lắng nghe từng hồi chuông từng

câu kinh vang lên từ chánh điện mà đọc tụng theo cho đến hết khóa lễ.

* * *

Dù xuất gia thọ giới hay lúc chưa xuất gia má tôi vẫn luôn luôn hành trì niệm Phật hằng ngày, nên thành thói quen. Bệnh tật, có lúc má mê sảng nhưng mấy thấy mấy chú đến bên giường niệm Phật một lúc là bà niệm Phật theo. Điều này qua má tôi mới thực sự chứng kiến. Đúng là khi niệm Phật thường xuyên, chúng tử niệm Phật đã huân tập trong tàng thức cho nên khi được có người trợ niệm là có thể trở lại chánh niệm.

Một lần má bệnh nặng phải đưa vào bệnh viện 115, tôi và mọi người không ai nghĩ má có thể sống trở lại hơn một năm. Những ngày đó, ngồi bên giường bệnh, tôi xoa bóp lưng xoa bóp chân tay má và ôm hôn má. Má cũng ôm hôn tôi. Suốt trên 50 năm má tôi chưa bao giờ có biểu hiện triu mến như vậy. Lúc nhỏ tôi nghe má nói với chị Ba là hai vợ chồng bây cũng con quá, lúc nhỏ tao thương thằng Khánh (là tôi) lắm, nhưng đợi khi nó ngủ mới len lén hôn lên trán thôi. Quan niệm của má tôi là thương con không nên để nó biết, nó sinh tính không nhẽo rồi mai mốt lớn lên khó dạy dỗ.

Thấy má bày tỏ tình thương với tôi quá sâu đậm nên quý ni sư và Phật tử Như Ngộ là người gần gũi khi má tôi bệnh cùng những người lo lắng túc trực quanh giường bệnh nói với tôi “Bà thương thầy quá sau này sẽ trở lại với thầy đó.” Câu nói đó có thành sự thật hay không tôi chẳng thể biết được, nhưng tôi thấu hiểu đời này kiếp này má đã dành trọn vẹn tình thương cho tôi.

Đến giờ sắp từ biệt vĩnh viễn, những ngón tay má nắm chặt bàn tay tôi và ánh mắt nhìn tôi đầy lưu luyến không muốn chia ly. Khi tôi và quý thầy quý ni quý chú nhắc “Bà niệm Phật đi” thì má mới nhớ ra và niệm Phật thành tiếng, cho tới khi những ngón tay má mềm dần trong tay tôi và tiếng niệm Phật nhỏ dần nhỏ dần...

Má nhẹ nhàng ra đi.

* * *

Má đi nhà cửa quạnh hiu
Hiên chùa sân trước, nhà sau lặng buồn
Mâm cơm đạm bạc dưa tương
Đũa còn đôi chiếc, chén không người cầm
Chuông còn hai buổi khua ngân
Chuỗi huyền vắng tiếng Má lần nam mô.





Mười ba năm rồi, lễ Vu Lan, con cái hoa trắng...